Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 23.01.2015 09:48:38 +07:00

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 45/2013/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2013 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La

(Tiếp theo Công báo số 131 + 132)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phiêng Bay	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 42"	103° 39' 22"					F-48-52-A
huổi Tau	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 58' 09"	103° 36' 31"	21° 57' 20"	103° 36' 43"	F-48-52-A
bản Ca	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 56"	103° 41' 29"					F-48-52-C
bản Cang	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 42"	103° 41' 30"					F-48-52-C
núi Có	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 00"	103° 40' 55"					F-48-52-C
núi Co Bả	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 11"	103° 42' 27"					F-48-52-C
bản Đông	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 52"	103° 40' 49"					F-48-52-C
bản Hán A	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 02"	103° 41' 45"					F-48-52-C
bản Hán B	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 51"	103° 41' 42"					F-48-52-C
bản Hậu	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 20"	103° 41' 03"					F-48-52-C
bản He	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 22"	103° 40' 54"					F-48-52-C
bản Hua Lỷ	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 44"	103° 38' 22"					F-48-52-C
bản Hua Mường	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 28"	103° 41' 15"					F-48-52-C
núi Khau Tú	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 41"	103° 39' 26"					F-48-52-C
bản Khoang	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 37"	103° 41' 10"					F-48-52-C
núi Lả Cẳm	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 56"	103° 39' 17"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lả Lốm	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 14"	103° 38' 08"					F-48-52-C
núi Lốm Púa	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 31"	103° 38' 46"					F-48-52-C
bản Lỷ	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 54"	103° 38' 45"					F-48-52-C
bản Nà Hỳ	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 38"	103° 40' 27"					F-48-52-C
bản Nà Pát	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 42"	103° 41' 49"					F-48-52-C
núi Nậm Mạy	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 36"	103° 40' 30"					F-48-52-C
bản Nang Cẩu	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 53"	103° 41' 06"					F-48-52-C
núi Pha Chiên	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 11"	103° 38' 47"					F-48-52-C
bản Phiêng Tảư	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 22"	103° 39' 31"					F-48-52-C
núi Pom Bó	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 32"	103° 43' 20"					F-48-52-C
núi Pom Diến	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 22"	103° 39' 41"					F-48-52-C
núi Pú Hữa	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 10"	103° 41' 45"					F-48-52-C
núi Pú Lẩu	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 53"	103° 40' 10"					F-48-52-C
bản Sản	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 04"	103° 38' 04"					F-48-52-C
nặm Sản	TV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai			21° 34' 09"	103° 38' 07"	21° 33' 25"	103° 39' 27"	F-48-52-C
quốc lộ 279	KX	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai			21° 43' 29"	103° 37' 36"	21° 40' 25"	103° 37' 24"	F-48-52-C
bản Ái	DC	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 15"	103° 37' 12"					F-48-52-C
suối Báng	TV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 02"	103° 46' 30"	21° 38' 26"	103° 45' 38"	F-48-52-C
núi Bóng Ngùa	SV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 45"	103° 41' 20"					F-48-52-C
sông Đà	TV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 20"	103° 35' 18"	21° 34' 14"	103° 48' 19"	F-48-52-C
núi Đá Mài	SV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 44' 35"	103° 36' 49"					F-48-52-C
núi Đía Đô	SV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 02"	103° 40' 01"					F-48-52-C
huối Đướng	SV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 55"	103° 45' 47"					F-48-52-D
bản Hát Củ	DC	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 01"	103° 38' 21"					F-48-52-C
bản Hát Lay	DC	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 36"	103° 37' 48"					F-48-52-C
bản Kéo Pịa	DC	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 15"	103° 38' 03"					F-48-52-C
suối Khinh	TV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai			21° 41' 13"	103° 42' 17"	21° 39' 54"	103° 42' 41"	F-48-52-C
bản Lếch	DC	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 42"	103° 36' 10"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Loọng Lấu	SV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 52"	103° 39' 36"					F-48-52-C
huổi Má	TV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai			21° 42' 28"	103° 40' 40"	21° 40' 11"	103° 40' 57"	F-48-52-C
suối Mèo	TV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 08"	103° 47' 43"	21° 36' 57"	103° 46' 26"	F-48-52-C
núi Nam Pang	SV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 48"	103° 47' 42"					F-48-52-D
bản Nặm Uôn	DC	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 13"	103° 37' 32"					F-48-52-C
núi Tát Ái	SV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 51"	103° 36' 53"					F-48-52-C
bản Van Pán	DC	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 01"	103° 39' 55"					F-48-52-C
suối Xe	TV	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai			21° 42' 13"	103° 39' 40"	21° 41' 04"	103° 38' 33"	F-48-52-C
bản Xe Ngoài	DC	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 29"	103° 38' 51"					F-48-52-C
bản Xe Trong	DC	xã Chiềng Ơn	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 18"	103° 38' 33"					F-48-52-C
bản Bon	DC	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 25"	103° 34' 59"					F-48-52-A
núi Đán Cầu	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 03"	103° 35' 33"					F-48-52-A
núi Đán Luống	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 56"	103° 35' 41"					F-48-52-A
bản Hé	DC	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 00"	103° 35' 04"					F-48-52-A
núi Hua Huổi Nắm	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 39"	103° 38' 48"					F-48-52-A
núi Huổi Mu Lóng	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 19"	103° 38' 53"					F-48-52-A
suối Nậm Chiên	TV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai			21° 50' 21"	103° 34' 34"	21° 50' 21"	103° 33' 30"	F-48-52-A
suối Nậm Nghí	TV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai			21° 50' 12"	103° 37' 14"	21° 50' 21"	103° 34' 34"	F-48-52-A
núi Nậm Sắt	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 46"	103° 34' 48"					F-48-52-A
suối Nậm Sắt	TV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai			21° 53' 01"	103° 35' 52"	21° 52' 10"	103° 34' 43"	F-48-52-A
bản Quyền	DC	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 40"	103° 34' 37"					F-48-52-A
núi Tạo Thạch	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 41"	103° 34' 24"					F-48-52-A
núi Túng Chắt	SV	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 32"	103° 33' 59"					F-48-52-A
bản Tung Tẩu	DC	xã Mường Chiên	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 46"	103° 35' 25"					F-48-52-A
đường tỉnh 107	KX	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai			21° 40' 25"	103° 37' 24"	21° 37' 50"	103° 38' 20"	F-48-52-C
bản Ái	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 27"	103° 34' 44"					F-48-52-C
bản Bung	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 55"	103° 37' 36"					F-48-52-C
núi Chúng Cua	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 27"	103° 35' 01"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Có	TV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 59"	103° 35' 31"	21° 39' 20"	103° 36' 10"	F-48-52-C
bản Co Chai	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 46"	103° 36' 46"					F-48-52-C
bản Co Phát	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 00"	103° 36' 10"					F-48-52-C
bản Co Sản	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 33"	103° 36' 36"					F-48-52-C
bản Da Lan	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 24"	103° 36' 03"					F-48-52-C
núi Da Lan	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 05"	103° 35' 49"					F-48-52-C
núi Đán Bóng	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 51"	103° 36' 34"					F-48-52-C
bản Hốc	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 34"	103° 36' 05"					F-48-52-C
bản Hua Tát	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 43"	103° 37' 01"					F-48-52-C
núi Huổi Cuổi	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 21"	103° 38' 29"					F-48-52-C
núi Huổi Cướm	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 00"	103° 33' 19"					F-48-52-C
pu Lao	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 20"	103° 36' 42"					F-48-52-C
núi Lặt	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 56"	103° 38' 25"					F-48-52-C
bản Lốm Khiêu A	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 53"	103° 33' 56"					F-48-52-C
bản Lốm Khiêu B	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 54"	103° 33' 52"					F-48-52-C
núi Lọng Co Gia	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 41"	103° 35' 16"					F-48-52-C
núi Mỏ Ten	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 11"	103° 37' 14"					F-48-52-C
Nậm Cướm	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 40"	103° 37' 11"					F-48-52-C
núi Năng Lượng	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 56"	103° 34' 31"					F-48-52-C
bản Pắc Uôn	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 25"	103° 37' 27"					F-48-52-C
bản Phiêng Ban	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 30"	103° 34' 46"					F-48-52-C
bản Phiêng Bóng	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 46"	103° 40' 18"					F-48-52-C
bản Phiêng Lanh	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 30"	103° 37' 53"					F-48-52-C
bản Phiêng Nèn 1	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 18"	103° 36' 46"					F-48-52-C
núi Phiêng Xía	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 13"	103° 37' 20"					F-48-52-C
huổi Phiêng Xía	TV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 02"	103° 36' 01"	21° 39' 25"	103° 36' 40"	F-48-52-C
núi Phổng Khen Hắc	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 32"	103° 35' 36"					F-48-52-C
bản Pom Bẻ	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 31"	103° 35' 23"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pom Luồng	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 11"	103° 36' 07"					F-48-52-C
bản Pom Mường	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 04"	103° 35' 59"					F-48-52-C
núi Quan Đẩu	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 09"	103° 34' 00"					F-48-52-C
núi Tai Tốm	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 30"	103° 35' 40"					F-48-52-C
núi Tạng Sơn	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 27"	103° 34' 03"					F-48-52-C
núi Thẳm Én	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 47"	103° 36' 15"					F-48-52-C
quốc lộ 279	KX	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 48' 36"	103° 43' 47"	21° 44' 43"	103° 38' 55"	F-48-52-A
bản Bằng Khoang	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 34"	103° 43' 16"					F-48-52-C
bản Bo	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 45' 56"	103° 40' 09"					F-48-52-A
đèo Cáp Na	SV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 29"	103° 43' 40"					F-48-52-A
bản Cha Có	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 44' 48"	103° 43' 25"					F-48-52-C
huổi Co Ban	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 40"	103° 42' 40"	21° 44' 59"	103° 43' 28"	F-48-52-C
bản Co Líu	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 44' 01"	103° 40' 48"					F-48-52-C
huổi Co Phay	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 45' 42"	103° 44' 47"	21° 43' 55"	103° 43' 52"	F-48-52-A, F-48-52-C
bản Cút	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 45' 17"	103° 39' 30"					F-48-52-A
bản Giôn	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 47' 26"	103° 39' 49"					F-48-52-A
huổi Hạt	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 43' 58"	103° 40' 26"	21° 44' 14"	103° 40' 47"	F-48-52-C
bản Huổi Mặn	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 11"	103° 43' 53"					F-48-52-C
bản Huổi Ngà	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 57"	103° 46' 36"					F-48-52-D
bản Huổi Tèo	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 40"	103° 41' 00"					F-48-52-A
bản Huổi Văn	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 47"	103° 45' 39"					F-48-52-D
huổi Ít Luông	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 45' 42"	103° 46' 16"	21° 44' 35"	103° 44' 47"	F-48-52-B
huổi Ít Nọi	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 45' 31"	103° 45' 03"	21° 44' 35"	103° 44' 47"	F-48-52-B
bản Kéo Ca	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 45' 40"	103° 47' 00"					F-48-52-B
núi Kéo Ca	SV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 47"	103° 38' 27"					F-48-52-A
huổi Khôm	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 42' 29"	103° 42' 27"	21° 42' 37"	103° 42' 54"	F-48-52-C
bản Khóp	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 10"	103° 39' 20"					F-48-52-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lọng Mới	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 39"	103° 40' 18"					F-48-52-C
huổi Măn	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 14"	103° 40' 47"	21° 44' 24"	103° 41' 44"	F-48-52-C
huổi Mặn	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 35"	103° 44' 47"	21° 43' 01"	103° 44' 02"	F-48-52-C
huổi Mi	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 26"	103° 42' 37"	21° 44' 40"	103° 43' 21"	F-48-52-C
bản Nà Mạt	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 51"	103° 42' 22"					F-48-52-C
suối Nặm Giôn	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 49' 44"	103° 41' 25"	21° 40' 56"	103° 45' 18"	F-48-52-A, F-48-52-C
huổi Ngà	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 53"	103° 47' 48"	21° 42' 06"	103° 44' 37"	F-48-52-D, F-48-52-C
bản Pá Ngà	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 21"	103° 44' 13"					F-48-52-C
bản Phiêng Mựt	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 47' 57"	103° 41' 50"					F-48-52-A
huổi Sái Lương	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 43' 17"	103° 47' 22"	21° 41' 25"	103° 45' 15"	F-48-52-D
huổi Ta Xâng	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 45' 47"	103° 44' 11"	21° 44' 18"	103° 43' 44"	F-48-52-A, F-48-52-C
huổi Tra	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 46' 34"	103° 44' 34"	21° 43' 55"	103° 43' 52"	F-48-52-A
huổi Tưng	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 47' 21"	103° 42' 51"	21° 45' 06"	103° 43' 38"	F-48-52-A
bản Tưng Ngoạng	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 25"	103° 41' 44"					F-48-52-C
huổi Văn	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 53"	103° 46' 35"	21° 42' 24"	103° 44' 08"	F-48-52-D, F-48-52-C
bản Xa	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 47' 58"	103° 39' 29"					F-48-52-A
bản Xanh	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 46' 32"	103° 41' 23"					F-48-52-A
huổi Xanh	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 48' 19"	103° 41' 12"	21° 45' 50"	103° 41' 28"	F-48-52-A
bản Ca	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 52"	103° 41' 04"					F-48-52-C
huổi Ca	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 55"	103° 41' 14"	21° 37' 38"	103° 40' 22"	F-48-52-C
bản Co Sản	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 54"	103° 45' 03"					F-48-52-D
suối Coi	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 36' 43"	103° 42' 42"	21° 37' 22"	103° 40' 31"	F-48-52-C
bản Coi A	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 08"	103° 41' 08"					F-48-52-C
bản Coi B	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 59"	103° 41' 17"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hát Dọ A	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 25"	103° 42' 56"					F-48-52-C
bản Hát Dọ B	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 43"	103° 43' 02"					F-48-52-C
huổi Hỏm	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 59"	103° 44' 36"	21° 38' 41"	103° 45' 01"	F-48-52-C
pu Hòn Cáy	SV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 03"	103° 41' 45"					F-48-52-C
bản Huổi Tăm	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 30"	103° 44' 30"					F-48-52-C
bản Ít A	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 47"	103° 41' 01"					F-48-52-C
bản Ít B	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 56"	103° 40' 50"					F-48-52-C
bản Lái	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 32"	103° 40' 38"					F-48-52-C
huổi Mạ	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 43"	103° 42' 50"	21° 39' 25"	103° 43' 25"	F-48-52-C
bản Mái	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 38"	103° 41' 04"					F-48-52-C
bản Muôn A	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 36"	103° 41' 10"					F-48-52-C
bản Muôn B	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 28"	103° 41' 19"					F-48-52-C
bản Muôn Sày	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 53"	103° 42' 40"					F-48-52-C
bản Nà Phi	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 59"	103° 44' 25"					F-48-52-C
bản Nhả Sày	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 40"	103° 42' 46"					F-48-52-C
bản Om	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 39"	103° 40' 51"					F-48-52-C
bản Pá Báng	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 21"	103° 43' 14"					F-48-52-D
núi Săn Trạng	SV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 41"	103° 42' 22"					F-48-52-C
huổi Sô	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 15"	103° 42' 55"	21° 39' 16"	103° 43' 50"	F-48-52-C
núi Tăm	SV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 57"	103° 44' 39"					F-48-52-D
huổi Tăm	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 36' 28"	103° 44' 28"	21° 37' 07"	103° 46' 26"	F-48-52-C, F-48-52-D
núi Tôm	SV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 36"	103° 46' 53"					F-48-52-D
huổi Tôm	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 21"	103° 44' 35"	21° 37' 24"	103° 46' 22"	F-48-52-C, F-48-52-D
bản Tôm A	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 30"	103° 44' 07"					F-48-52-C
bản Tôm B	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 14"	103° 44' 11"					F-48-52-C
huổi Trạng	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 50"	103° 42' 36"	21° 39' 56"	103° 42' 17"	F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bó Ún	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 32"	103° 47' 01"					F-48-52-D
bản Cà	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 15"	103° 42' 36"					F-48-52-C
bản Cọ	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 21"	103° 43' 44"					F-48-52-C
huổi Cúm	TV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai			21° 35' 45"	103° 45' 55"	21° 36' 55"	103° 46' 22"	F-48-52-D
bản Dọ A	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 08"	103° 42' 59"					F-48-52-C
bản Dọ B	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 34"	103° 42' 54"					F-48-52-C
nậm Ét	TV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai			21° 36' 10"	103° 42' 39"	21° 34' 03"	103° 48' 24"	F-48-52-C, F-48-52-D
bản Giáng	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 57"	103° 42' 48"					F-48-52-C
bản Hào	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 12"	103° 47' 19"					F-48-52-D
suối Hon	TV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai			21° 33' 49"	103° 43' 14"	21° 33' 49"	103° 42' 22"	F-48-52-C
núi Huổi Hon	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 35"	103° 43' 36"					F-48-52-C
suối Huổi Nọt	TV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai			21° 32' 54"	103° 47' 16"	21° 33' 06"	103° 47' 12"	F-48-52-D
núi Ít Quản	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 22"	103° 42' 58"					F-48-52-C
Kéo Bầu	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 33"	103° 46' 44"					F-48-52-D
núi Kéo Hà	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 23"	103° 42' 13"					F-48-52-C
núi Khôm Kheo	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 18"	103° 42' 54"					F-48-52-C
huổi Lán	TV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai			21° 32' 34"	103° 46' 38"	21° 33' 11"	103° 46' 46"	F-48-52-D
bản Lạn	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 50"	103° 41' 48"					F-48-52-C
bản Lảng	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 17"	103° 47' 36"					F-48-52-D
huổi Lầu	TV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai			21° 35' 41"	103° 46' 24"	21° 36' 09"	103° 46' 58"	F-48-52-D
bản Lốm	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 09"	103° 47' 25"					F-48-52-D
bản Lút	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 34"	103° 42' 06"					F-48-52-C
bản Muông	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 06"	103° 44' 10"					F-48-52-C
núi Nà Huổi	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 12"	103° 42' 22"					F-48-52-C
núi Nà Phi	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 34"	103° 45' 12"					F-48-52-D
bản Nong	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 42"	103° 44' 44"					F-48-52-C
núi Nong Sam Tạng	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 11"	103° 44' 02"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pá Ét	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 08"	103° 47' 37"					F-48-52-D
Pha Rảo	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 07"	103° 45' 35"					F-48-52-D
núi Phòng Không	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 34"	103° 40' 36"					F-48-52-C
bản Pom Hán	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 10"	103° 46' 08"					F-48-52-D
suối Pom Hán	TV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai			21° 35' 11"	103° 46' 37"	21° 35' 42"	103° 47' 28"	F-48-52-D
bản Pổng	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 00"	103° 43' 08"					F-48-52-C
Pú Bầu	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 49"	103° 45' 19"					F-48-52-D
bản Sản	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 04"	103° 38' 04"					F-48-52-C
bản Tổm	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 22"	103° 46' 24"					F-48-52-D
quốc lộ 279	KX	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 43"	103° 38' 55"	21° 43' 29"	103° 37' 36"	F-48-52-C
nậm Ăm	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 46' 37"	103° 38' 25"	21° 45' 35"	103° 35' 28"	F-48-52-A
huổi Cỏn	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 47' 03"	103° 35' 14"	21° 46' 05"	103° 35' 02"	F-48-52-A
sông Đà	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 46' 03"	103° 34' 56"	21° 44' 20"	103° 35' 18"	F-48-52-A
huổi Đón	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 43' 45"	103° 39' 01"	21° 43' 18"	103° 38' 08"	F-48-52-A
huổi Hệ	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 42' 49"	103° 39' 18"	21° 43' 18"	103° 38' 08"	F-48-52-A
nặm Huổi Luông	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 49' 19"	103° 36' 27"	21° 46' 58"	103° 34' 22"	F-48-52-A
núi Huổi Ngu Hấu	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 06"	103° 34' 06"					F-48-52-A
pom Kẹm Tanh	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 26"	103° 37' 12"					F-48-52-A
pom Kéo Lỷ	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 49"	103° 36' 30"					F-48-52-A
suối Khem	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 46' 51"	103° 37' 37"	21° 46' 59"	103° 36' 39"	F-48-52-A
bản Khoang	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 46' 58"	103° 35' 21"					F-48-52-A
bản Khứm	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 44' 23"	103° 38' 21"					F-48-52-C
bản Kích	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 05"	103° 34' 53"					F-48-52-A
nặm Kích	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 48' 30"	103° 36' 31"	21° 48' 03"	103° 34' 35"	F-48-52-A
bản Le	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 45' 28"	103° 36' 39"					F-48-52-A
suối Le	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 45' 31"	103° 38' 01"	21° 45' 32"	103° 36' 13"	F-48-52-A
bản Máng	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 29"	103° 34' 54"					F-48-52-A
bản Pắc Ma	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 46' 06"	103° 36' 07"					F-48-52-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi đá Pha Khinh	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 46' 13"	103° 34' 16"					F-48-52-A
pom Pú Tăng	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 27"	103° 34' 49"					F-48-52-A
bản Púm	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 38"	103° 34' 40"					F-48-52-A
phiêng Púng Cang	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 20"	103° 36' 20"					F-48-52-A
suối Sáng	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 46' 59"	103° 36' 39"	21° 45' 34"	103° 35' 20"	F-48-52-A
bản Tậu	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 43"	103° 37' 47"					F-48-52-C
tổ dân phố 1	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 2	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 3	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 4	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 10	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 11	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 12	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
đường tỉnh 115	KX	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 16' 18"	103° 28' 02"	21° 14' 07"	103° 30' 21"	F-48-64-C; F-48-63-D
bản Bằng Mồn	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 14' 45"	103° 29' 25"					F-48-63-D
bản Bó Kheo	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 16' 59"	103° 28' 10"					F-48-63-B
bản Bó Sinh	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 18' 14"	103° 27' 15"					F-48-63-B
suối Bó Sinh	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 18' 14"	103° 28' 43"	21° 18' 01"	103° 27' 22"	F-48-63-B
bản Dạ	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 15' 51"	103° 28' 13"					F-48-63-B
pu Dạ	SV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 20' 51"	103° 26' 33"					F-48-63-B
bản Hin Hụ	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 14' 14"	103° 30' 17"					F-48-64-C
pu Hin Hụ	SV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 14' 42"	103° 30' 52"					F-48-64-C
suối Hin Hụ	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 15' 09"	103° 30' 50"	21° 14' 12"	103° 30' 14"	F-48-64-A, F-48-64-C
pu Hỏm	SV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 19' 39"	103° 25' 06"					F-48-63-B
suối Hua Dấu	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 16' 09"	103° 29' 57"	21° 15' 48"	103° 28' 57"	F-48-63-B
bản Huổi Tình	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 20' 21"	103° 26' 37"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Mã	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 19' 37"	103° 25' 53"	21° 13' 15"	103° 31' 25"	F-48-63-B, F-48-64-A, F-48-63-D; F-48-64-C
bản Nà Niêng	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 17' 57"	103° 28' 57"					F-48-63-B
suối Nậm Hay	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 19' 44"	103° 28' 19"	21° 19' 53"	103° 27' 42"	F-48-63-B
suối Nậm Tinh	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 20' 36"	103° 28' 39"	21° 19' 53"	103° 27' 42"	F-48-63-B
bản Ngày	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 14' 03"	103° 30' 55"					F-48-64-C
bản Nong	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 13' 52"	103° 27' 54"					F-48-63-D
bản Pá Khoang	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 14' 03"	103° 32' 17"					F-48-64-C
Pác Ma	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 18' 52"	103° 26' 08"					F-48-63-B
bản Pát	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 13' 57"	103° 28' 47"					F-48-63-D
pu Pha Hay	SV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 19' 17"	103° 28' 10"					F-48-63-B
bản Phống 1	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 15' 45"	103° 28' 53"					F-48-63-B
bản Phống 2	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 15' 15"	103° 28' 58"					F-48-63-B
bản Thẩm Sét	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 19' 03"	103° 27' 43"					F-48-63-B
pu Tòng Lịa	SV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 18' 14"	103° 26' 21"					F-48-63-B
quốc lộ 4G	KX	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			20° 59' 17"	103° 49' 01"	20° 56' 29"	103° 55' 12"	F-48-64-D
bản Anh Dũng	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 34"	103° 51' 03"					F-48-76-B+D
bản Anh Trung	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 07"	103° 51' 22"					F-48-76-B+D
bản Bằng Lậc	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 45"	103° 53' 04"					F-48-76-B+D
núi Bìa Lồ	SV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 47"	103° 53' 52"					F-48-64-D
bản Bó Bon	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 03"	103° 52' 45"					F-48-76-B+D
bản Bó Lạ	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 59' 14"	103° 52' 37"					F-48-76-B+D
bản Cang	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 43"	103° 55' 33"					F-48-76-B+D
bản Chiềng Cang	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 16"	103° 52' 46"					F-48-76-B+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Chiềng Xôm	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 02"	103° 54' 32"					F-48-76-B+D
suối Chiềng Xôm	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			20° 59' 49"	103° 55' 38"	20° 57' 44"	103° 54' 46"	F-48-76-B+D
bản Có	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 59' 19"	103° 55' 38"					F-48-76-B+D
bản Co Tòng	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 59' 03"	103° 57' 18"					F-48-76-B+D
bản Củ	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 02"	103° 55' 27"					F-48-76-B+D
huổi Dấng	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 02' 27"	103° 54' 11"	21° 00' 47"	103° 55' 49"	F-48-64-D
bản Hán	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 00' 06"	103° 52' 31"					F-48-64-D
bản Hát Sét	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 55"	103° 50' 35"					F-48-76-B+D
bản Hin Phon	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 13"	103° 53' 02"					F-48-76-B+D
bản Hong Ngay	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 56' 52"	103° 54' 54"					F-48-76-B+D
bản Hua Tát	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 01' 40"	103° 52' 14"					F-48-64-D
huổi Hua Tát	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 02' 32"	103° 53' 12"	21° 01' 37"	103° 52' 08"	F-48-64-D
bản Huổi Cuống	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 28"	103° 50' 11"					F-48-76-B+D
bản Huổi Dấng	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 34"	103° 54' 27"					F-48-64-D
suối Huổi Mỏ	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 00' 32"	103° 54' 22"	20° 57' 44"	103° 54' 46"	F-48-64-D, F-48-76-B+D
bản Huổi So	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 25"	103° 54' 36"					F-48-76-B+D
bản Huổi Tao	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 00' 20"	103° 57' 01"					F-48-64-D
núi Huổi Tao	SV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 45"	103° 56' 18"					F-48-64-D
bản Ít Lót	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 32"	103° 51' 55"					F-48-64-D
bản Kiến Lâm	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 01"	103° 52' 08"					F-48-76-B+D
bản Lấu Mường	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 10"	103° 54' 20"					F-48-76-B+D
bản Mỏ	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 03"	103° 54' 54"					F-48-76-B+D
bản Nà Bon	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 59' 45"	103° 52' 22"					F-48-76-B+D
bản Nà Củ	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 59' 26"	103° 52' 23"					F-48-76-B+D
bản Nà Hỳ	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 15"	103° 53' 02"					F-48-76-B+D
bản Nà Khún	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 35"	103° 52' 45"					F-48-76-B+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Tý	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 05"	103° 54' 33"					F-48-76-B+D
bản Nhạp	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 53"	103° 49' 41"					F-48-76-B+D
huổi Nhọt Có	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 01' 18"	103° 53' 57"	20° 59' 54"	103° 52' 13"	F-48-64-D, F-48-76-B+D
pu Nhọt Dấng	SV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 50"	103° 54' 36"					F-48-64-D
bản Pá Nó	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 36"	103° 53' 46"					F-48-64-D
bản Ta Tạng	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 46"	103° 54' 43"					F-48-76-B+D
huổi Tao	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 02' 41"	103° 56' 59"	21° 00' 47"	103° 55' 49"	F-48-64-D
bản Thón	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 00' 24"	103° 55' 41"					F-48-64-D
bản Tiên Cang	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 20"	103° 54' 44"					F-48-76-B+D
bản Tin Tát	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 01' 06"	103° 52' 02"					F-48-64-D
bản Tre	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 00' 31"	103° 52' 14"					F-48-64-D
huổi Tre	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 01' 37"	103° 52' 08"	20° 56' 51"	103° 53' 06"	F-48-64-D, F-48-76-B+D
bản Trung Châu	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 42"	103° 50' 01"					F-48-76-B+D
bản Trung Dũng	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 50"	103° 50' 46"					F-48-76-B+D
núi Xi Lô	SV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 00' 28"	103° 50' 25"					F-48-64-D
đường tỉnh 115	KX	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 14' 07"	103° 30' 21"	21° 12' 21"	103° 32' 49"	F-48-64-C
huổi Cang	TV	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 11' 19"	103° 31' 50"	21° 11' 46"	103° 31' 18"	F-48-64-C
bản Co Muông	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 13' 29"	103° 29' 38"					F-48-63-D
bản Co Tòng	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 13' 01"	103° 29' 17"					F-48-63-D
bản Hua Lưng	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 10' 28"	103° 29' 19"					F-48-63-D
bản Hua Pát	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 08"	103° 26' 36"					F-48-63-D
bản Huổi Én	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 39"	103° 32' 31"					F-48-64-C
bản Huổi Pàn	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 04"	103° 32' 21"					F-48-64-C
bản Huổi Púng	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 13' 02"	103° 30' 25"					F-48-63-D
pu Lộc Cốc	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 10' 27"	103° 27' 19"					F-48-63-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lọng Sày	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 32"	103° 27' 33"					F-48-63-D
bản Lưng	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 43"	103° 30' 33"					F-48-64-C
bản Mới	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 09"	103° 31' 43"					F-48-64-C
bản Nà Bó	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 43"	103° 26' 38"					F-48-63-D
bản Nà Lằng	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 51"	103° 31' 26"					F-48-64-C
suối Nậm Láng	TV	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 13' 32"	103° 32' 42"	21° 12' 38"	103° 32' 00"	F-48-64-C
suối Nậm Lừng	TV	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 10' 39"	103° 28' 15"	21° 12' 27"	103° 32' 05"	F-48-64-C, F-48-63-D
suối Nậm Pát	TV	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 10' 45"	103° 26' 33"	21° 13' 32"	103° 27' 03"	F-48-63-D
huổi Ngá	TV	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 12' 01"	103° 29' 51"	21° 11' 33"	103° 30' 31"	F-48-64-C, F-48-63-D
pu Pa Khóm Bom	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 06"	103° 28' 08"					F-48-63-D
bản Pá Lưng	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 27"	103° 32' 01"					F-48-64-C
bản Pá Nì	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 48"	103° 32' 01"					F-48-64-C
núi Phả Vi	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 01"	103° 26' 30"					F-48-63-D
pu Pú Bó	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 17"	103° 30' 47"					F-48-64-C
pu Sang Lớn	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 13' 36"	103° 32' 07"					F-48-64-C
pu Sang Nhỏ	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 13' 30"	103° 32' 57"					F-48-64-C
núi Xen Lạt	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 25"	103° 28' 45"					F-48-63-D
đường tỉnh 105	KX	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			21° 02' 00"	103° 45' 19"	20° 59' 17"	103° 49' 01"	F-48-64-D, F-48-76-B+D
bản Bó Chạy	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 58"	103° 50' 44"					F-48-64-D
bản Bon	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 09"	103° 48' 24"					F-48-64-D
bản Búa Cốp	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 03' 11"	103° 49' 21"					F-48-64-D
bản Bướm Ỏ	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 03' 46"	103° 48' 23"					F-48-64-D
lâm trường C1	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 58' 55"	103° 48' 29"					F-48-76-B+D
lâm trường C2	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 39"	103° 49' 13"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
lâm trường C4	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 31"	103° 47' 56"					F-48-64-D
bản Cang Nưa	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 21"	103° 47' 32"					F-48-64-D
bản Chiên	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 14"	103° 48' 03"					F-48-64-D
bản Co Bay	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 57' 34"	103° 48' 00"					F-48-76-B+D
bản Co Hay	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 57' 43"	103° 48' 11"					F-48-76-B+D
bản Co Pô	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 50"	103° 46' 30"					F-48-64-D
bản Hải Sơn 1	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 16"	103° 46' 00"					F-48-64-D
bản Hải Sơn 2	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 00"	103° 46' 03"					F-48-64-D
bản Hát Lay	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 28"	103° 46' 03"					F-48-64-D
bản Hoàng Mã	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 21"	103° 46' 48"					F-48-64-D
bản Hồng Nam	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 59' 25"	103° 48' 44"					F-48-76-B+D
bản Hua Na	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 15"	103° 46' 57"					F-48-64-D
bản Huổi Bó	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 37"	103° 48' 33"					F-48-64-D
suối Huổi Hào	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			21° 02' 57"	103° 50' 53"	21° 00' 51"	103° 47' 48"	F-48-64-D
bản Huổi Hào	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 03"	103° 50' 03"					F-48-64-D
bản Huổi Mòn	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 59' 23"	103° 45' 11"					F-48-76-B+D
bản Huổi Nóng	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 09"	103° 46' 45"					F-48-64-D
bản Ít Lốc	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 52"	103° 49' 23"					F-48-64-D
bản Khoong Tợ	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 45"	103° 46' 44"					F-48-64-D
bản Lè	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 50"	103° 48' 07"					F-48-64-D
bản Liên Phương	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 54"	103° 47' 21"					F-48-64-D
bản Lướt	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 40"	103° 47' 36"					F-48-64-D
sông Mã	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			21° 02' 06"	103° 45' 18"	20° 58' 56"	103° 48' 58"	F-48-64-D, F-48-76-B+D
bản Mé Lươi	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 35"	103° 46' 36"					F-48-64-D
bản Mòi	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 59' 33"	103° 48' 15"					F-48-76-B+D
suối Mòn	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			20° 58' 48"	103° 46' 06"	20° 59' 11"	103° 48' 27"	F-48-76-B+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Na Mền	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 21"	103° 46' 33"					F-48-64-D
bản Nà Ngặp	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 03' 46"	103° 50' 34"					F-48-64-D
bản Nậm Soi	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 58' 23"	103° 48' 58"					F-48-76-B+D
bản Nộc Kỷ	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 03' 47"	103° 48' 58"					F-48-64-D
bản Pá Ban	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 07"	103° 46' 02"					F-48-64-D
bản Pá Có	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 49"	103° 46' 38"					F-48-64-D
bản Pá Khôm	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 53"	103° 49' 51"					F-48-64-D
bản Pá Luông	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 30"	103° 47' 01"					F-48-64-D
bản Phiêng Xim	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 32"	103° 47' 41"					F-48-64-D
bản Pìn	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 59' 42"	103° 48' 36"					F-48-76-B+D
núi Pu So	SV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 05' 02"	103° 47' 56"					F-48-64-D
bản Púng	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 02"	103° 47' 04"					F-48-64-D
suối Púng	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			21° 03' 58"	103° 47' 46"	21° 02' 01"	103° 46' 49"	F-48-64-D
bản Púng Kiềng	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 36"	103° 47' 05"					F-48-64-D
suối Sọi	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			20° 57' 23"	103° 47' 39"	20° 58' 52"	103° 48' 48"	F-48-76-B+D
bản Ta Hay	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 03' 26"	103° 48' 25"					F-48-64-D
bản Tân Hưng	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 16"	103° 48' 24"					F-48-64-D
bản Xi Lô	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 49"	103° 50' 16"					F-48-64-D
suối Xim	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			21° 03' 35"	103° 49' 38"	21° 00' 51"	103° 47' 48"	F-48-64-D
huổi Xổm	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			21° 00' 04"	103° 49' 37"	20° 59' 41"	103° 48' 26"	F-48-76-B+D, F-48-64-D
bản Xong Phan	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 34"	103° 47' 01"					F-48-64-D
Đồn Biên phòng 457	KX	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 18"	103° 58' 08"					F-48-76-B+D
đường tỉnh 4G	KX	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 56' 29"	103° 55' 12"	20° 57' 03"	104° 00' 10"	F-48-77-A, F-48-76-B+D
bản Bó	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 56' 10"	103° 55' 20"					F-48-76-B+D
bản Búa	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 01"	103° 57' 52"					F-48-76-B+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Chiềng Khương	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 54' 59"	103° 58' 49"					F-48-76-B+D
cửa khẩu Chiềng Khương	KX	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 02"	103° 58' 24"					F-48-76-B+D
bản Cỏ	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 08"	103° 57' 27"					F-48-76-B+D
núi Co Mun	KX	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 54' 13"	103° 56' 15"					F-48-76-B+D
bản Híp	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 19"	103° 56' 28"					F-48-76-B+D
bản Hưng Hà	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 48"	103° 57' 10"					F-48-76-B+D
suối Huổi Bó	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 55' 50"	103° 54' 26"	20° 56' 25"	103° 55' 10"	F-48-76-B+D
suối Huổi Híp	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 58' 00"	103° 56' 58"	20° 55' 12"	103° 56' 18"	F-48-76-B+D
suối Huổi La	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 55' 06"	103° 54' 26"	20° 55' 33"	103° 55' 54"	F-48-76-B+D
suối Huổi Mo	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 56' 05"	104° 02' 18"	20° 55' 55"	104° 00' 08"	F-48-77-A
bản Huổi Nhương	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 58"	103° 58' 08"					F-48-76-B+D
suối Huổi Nhương	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 58' 03"	103° 57' 37"	20° 55' 07"	103° 57' 33"	F-48-76-B+D
suối Huổi Pốp	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 56' 42"	104° 01' 58"	20° 56' 51"	104° 00' 14"	F-48-77-A
mương Hữu Nghị	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 54' 43"	103° 58' 48"	20° 54' 50"	103° 59' 20"	F-48-76-B+D
núi Kéo Càn	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 58' 15"	103° 57' 06"					F-48-76-B+D
dãy núi Kéo Càn	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 57' 45"	103° 56' 28"					F-48-76-B+D
bản Khương Tiên	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 23"	103° 58' 09"					F-48-76-B+D
bản Là	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 33"	103° 55' 34"					F-48-76-B+D
bản Liên Hồng	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 56' 55"	104° 00' 17"					F-48-77-A
sông Mã	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 56' 25"	103° 55' 10"	20° 54' 42"	103° 58' 26"	F-48-76-B+D
bản Mo	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 59"	104° 00' 03"					F-48-76-B+D
suối Nậm Lẹ	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 57' 07"	104° 00' 16"	20° 54' 42"	103° 58' 26"	F-48-77-A, F-48-76-B+D
núi Pá Nó	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 56' 09"	103° 54' 14"					F-48-76-B+D
bản Phụ	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 17"	103° 56' 48"					F-48-76-B+D
núi Pom Tọ	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 28"	103° 56' 41"					F-48-76-B+D
núi Pu Huổi Púng	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 56' 50"	103° 58' 59"					F-48-76-B+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pu Nhen	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 56' 49"	103° 55' 25"					F-48-76-B+D
bản Pục	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 28"	103° 59' 22"					F-48-76-B+D
bản Puông	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 05"	103° 56' 28"					F-48-76-B+D
bản Quyết Thắng	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 11"	103° 57' 16"					F-48-76-B+D
bản Tân Lập	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 27"	103° 58' 00"					F-48-76-B+D
bản Thống Nhất	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 21"	103° 56' 38"					F-48-76-B+D
bản Tiên Sơn	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 43"	103° 56' 02"					F-48-76-B+D
núi Biểu Đồ	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 32"	103° 34' 41"					F-48-64-A
bản Bú	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 58"	103° 35' 00"					F-48-64-C
bản Chéo	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 25"	103° 34' 39"					F-48-64-A
dãy núi Cò Châu	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 18"	103° 34' 55"					F-48-64-C
bản Co Khương	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 22"	103° 35' 29"					F-48-64-C
bản Cú Bú	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 48"	103° 35' 14"					F-48-64-C
bản Hua Và	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 29"	103° 33' 45"					F-48-64-A
suối Huổi Ban	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 17' 10"	103° 38' 11"	21° 15' 14"	103° 37' 26"	F-48-64-A
bản Huổi Lây	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 13' 57"	103° 38' 31"					F-48-64-C
suối Huổi Ngặp	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 18' 33"	103° 35' 31"	21° 17' 14"	103° 35' 40"	F-48-64-A
suối Huổi Tắng	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 15' 56"	103° 39' 38"	21° 15' 16"	103° 38' 03"	F-48-64-A
bản Huổi Tư	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 55"	103° 34' 28"					F-48-64-A
núi Kéo Co Ban	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 17' 16"	103° 34' 40"					F-48-64-A
núi Lán Lanh	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 43"	103° 38' 55"					F-48-64-C
bản Nà Lạt	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 17"	103° 37' 23"					F-48-64-A
bản Nà Sàng	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 03"	103° 37' 40"					F-48-64-C
suối Nậm Kim	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 17' 34"	103° 36' 17"	21° 17' 00"	103° 35' 51"	F-48-64-A
suối Nậm Lạt	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 16' 16"	103° 38' 47"	21° 15' 16"	103° 38' 03"	F-48-64-A
suối Nậm Pịn	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 17' 11"	103° 34' 23"	21° 16' 19"	103° 36' 00"	F-48-64-A
suối Nậm Và	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 17' 13"	103° 32' 57"	21° 15' 28"	103° 34' 32"	F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nong Xô	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 45"	103° 38' 47"					F-48-64-C
bản Nuốt	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 34"	103° 35' 56"					F-48-64-A
bản Pá Trả	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 07"	103° 36' 25"					F-48-64-C
bản Phiêng Chiềng	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 53"	103° 36' 16"					F-48-64-A
hang Phiêng Chiềng	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 57"	103° 36' 09"					F-48-64-A
bản Pịn	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 17"	103° 36' 27"					F-48-64-A
núi Pu Che	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 18"	103° 36' 25"					F-48-64-C
núi Pu Luông	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 37"	103° 36' 44"					F-48-64-A
núi Pu Mảy	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 59"	103° 35' 12"					F-48-64-A
núi Pu Nghịu	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 54"	103° 37' 41"					F-48-64-C
núi Sam Sậu	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 13' 33"	103° 36' 03"					F-48-64-C
bản Sọng Còn	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 17' 11"	103° 35' 34"					F-48-64-A
núi Tát Ten	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 46"	103° 34' 29"					F-48-64-A
núi Tau Cay	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 48"	103° 34' 24"					F-48-64-C
bản Ten	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 49"	103° 36' 01"					F-48-64-A
núi Thẳm Hinh	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 17' 26"	103° 38' 06"					F-48-64-A
hồ Thẳm Lốm	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 17' 13"	103° 35' 07"					F-48-64-A
núi Trống Chùa Ta	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 17' 29"	103° 32' 57"					F-48-64-A
núi Trụ Khẩu	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 53"	103° 34' 11"					F-48-64-A
bản Vàng	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 22"	103° 36' 44"					F-48-64-A
suối Xô Cô	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 17' 56"	103° 35' 45"	21° 17' 14"	103° 35' 40"	F-48-64-A
đường tỉnh 115	KX	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 09' 10"	103° 36' 53"	21° 06' 57"	103° 40' 42"	F-48-64-C
bản Bon	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 27"	103° 37' 26"					F-48-64-C
bản Công	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 21"	103° 38' 01"					F-48-64-C
huổi Địn	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 07' 15"	103° 36' 37"	21° 07' 24"	103° 37' 48"	F-48-64-C
bản Đứa	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 05"	103° 37' 52"					F-48-64-C
huổi Hịa	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 07' 28"	103° 37' 52"	21° 08' 08"	103° 38' 12"	F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Cát	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 06' 50"	103° 37' 55"					F-48-64-C
bản Huổi Hịa	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 06' 24"	103° 37' 00"					F-48-64-C
pu Huổi Luấn	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 05' 53"	103° 39' 29"					F-48-64-C
nậm Khoa	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 06' 06"	103° 36' 56"	21° 07' 28"	103° 37' 52"	F-48-64-C
huổi Luấn	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 06' 02"	103° 39' 13"	21° 07' 28"	103° 39' 18"	F-48-64-C
bản Luấn 1	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 43"	103° 38' 32"					F-48-64-C
bản Luấn 2	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 53"	103° 38' 58"					F-48-64-C
sông Mã	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 09' 12"	103° 36' 55"	21° 07' 02"	103° 40' 49"	F-48-64-C
pu Má Bầu Nọi	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 36"	103° 36' 45"					F-48-64-C
pu Má Bầu Ộ	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 04"	103° 36' 28"					F-48-64-C
bản Mâm	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 49"	103° 38' 17"					F-48-64-C
bản Nà Cần 1	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 00"	103° 39' 32"					F-48-64-C
bản Nà Cần 2	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 06' 40"	103° 39' 35"					F-48-64-C
bản Nà Lốc	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 09' 40"	103° 37' 25"					F-48-64-C
bản Nà Sặng	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 23"	103° 40' 36"					F-48-64-C
bản Nà Tọ	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 06' 56"	103° 40' 26"					F-48-64-C
pu Nốm	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 54"	103° 39' 59"					F-48-64-C
huổi Phạ	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 08' 04"	103° 37' 18"	21° 08' 20"	103° 37' 46"	F-48-64-C
bản Phiêng Pe	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 09' 09"	103° 37' 23"					F-48-64-C
bản Phiêng Xa	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 20"	103° 38' 46"					F-48-64-C
bản Quảng Tiến	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 55"	103° 37' 07"					F-48-64-C
bản Sài Lương 1	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 05' 48"	103° 37' 22"					F-48-64-C
bản Sài Lương 2	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 05' 44"	103° 37' 03"					F-48-64-C
bản Tân Tiến	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 28"	103° 37' 56"					F-48-64-C
bản Ten Ư	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 27"	103° 40' 24"					F-48-64-C
núi Ten Ư	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 09' 03"	103° 40' 29"					F-48-64-C
núi Ten Ư Dưới	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 13"	103° 40' 46"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Thẳm Tòng	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 09' 18"	103° 39' 54"					F-48-64-C
bản Thắng Lợi	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 10"	103° 39' 07"					F-48-64-C
pu Cọ	SV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 00"	103° 26' 14"					F-48-63-D
nặm Con	TV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã			21° 09' 27"	103° 29' 58"	21° 10' 35"	103° 32' 34"	F-48-64-C
bản Củ	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 23"	103° 32' 05"					F-48-64-C
bản Đứa Luông	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 54"	103° 31' 41"					F-48-64-C
bản Đứa Mòn	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 05"	103° 31' 22"					F-48-64-C
huổi Hịa	TV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã			21° 06' 22"	103° 28' 14"	21° 07' 06"	103° 27' 17"	F-48-63-D
bản Hin Pẻn	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 08' 05"	103° 27' 19"					F-48-63-D
bản Hua Phẳng	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 06' 23"	103° 24' 52"					F-48-63-D
bản Hua Thóng	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 07' 48"	103° 24' 58"					F-48-63-D
bản Huổi Lạnh	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 29"	103° 32' 26"					F-48-64-C
bản Huổi Lếch 2	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 06' 11"	103° 28' 38"					F-48-63-D
bản Huổi Pặt	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 06' 47"	103° 26' 24"					F-48-63-D
bản Huổi Phẳng	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 07' 22"	103° 26' 00"					F-48-63-D
pu Kéo Can	SV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 13"	103° 28' 00"					F-48-63-D
pu Kéo Mặn	SV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 50"	103° 29' 17"					F-48-63-D
pu Lọng Bang	SV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 04' 53"	103° 28' 19"					F-48-63-D
bản Nà Lốc	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 57"	103° 30' 49"					F-48-64-C
bản Nà Tấu 1	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 05' 02"	103° 26' 26"					F-48-63-D
bản Nà Tấu 2	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 05' 23"	103° 26' 13"					F-48-63-D
núi Nặm Ún	SV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 03"	103° 26' 59"					F-48-63-D
bản Ngam Trạng	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 03' 50"	103° 27' 34"					F-48-63-D
núi Ngạm Trạng	SV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 04' 27"	103° 27' 16"					F-48-63-D
pu Nộc Cốc	SV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 27"	103° 27' 19"					F-48-63-D
bản Nộc Cốc 1	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 43"	103° 27' 10"					F-48-63-D
bản Nộc Cốc 2	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 00"	103° 27' 32"					F-48-63-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Pặt	TV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã			21° 05' 55"	103° 25' 21"	21° 06' 53"	103° 27' 01"	F-48-63-D
bản Phá Thóng	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 03"	103° 26' 14"					F-48-63-D
huổi Phẳng	TV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã			21° 06' 29"	103° 24' 56"	21° 07' 11"	103° 25' 42"	F-48-63-D
bản Phiêng Nỏng	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 17"	103° 31' 28"					F-48-64-C
bản Púng Báng	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 05' 02"	103° 25' 31"					F-48-63-D
bản Púng Núa	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 13"	103° 28' 58"					F-48-63-D
bản Tặng Sỏn	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 08' 06"	103° 31' 07"					F-48-63-D
huổi Tấu	TV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã			21° 05' 01"	103° 26' 15"	21° 06' 16"	103° 26' 41"	F-48-63-D
nặm Thóng	TV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã			21° 09' 01"	103° 24' 56"	21° 09' 27"	103° 29' 58"	F-48-63-D
bản Tỉa	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 06' 52"	103° 27' 03"					F-48-63-D
bản Trà Lảy	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 08' 58"	103° 29' 56"					F-48-63-D
huổi Trà Lảy	TV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã			21° 07' 55"	103° 29' 17"	21° 09' 27"	103° 29' 58"	F-48-63-D
đường tỉnh 105	KX	xã Huổi Một	H. Sông Mã			20° 59' 30"	103° 38' 37"	21° 02' 27"	103° 44' 23"	F-48-64-C, F-48-76-A
pu An Mạ Púng Bẻ	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 56"	103° 43' 18"					F-48-64-C
bản Bằng Búng	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 23"	103° 41' 55"					F-48-64-C
bản Cang Cói	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 54"	103° 39' 26"					F-48-64-C
pu Co Hịnh	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 19"	103° 39' 03"					F-48-64-C
bản Co Kiẻng	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 00"	103° 42' 16"					F-48-64-C
huổi Co Kiẻng	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			21° 00' 20"	103° 42' 32"	21° 02' 17"	103° 42' 15"	F-48-64-C
huổi Co Mạ	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			21° 01' 38"	103° 37' 52"	21° 01' 11"	103° 39' 27"	F-48-64-C
bản Co Mạ A	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 13"	103° 38' 58"					F-48-64-C
bản Co Mạ B	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 15"	103° 39' 16"					F-48-64-C
nậm Công	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			20° 59' 32"	103° 38' 31"	21° 02' 27"	103° 44' 38"	F-48-76-A, F-48-64-C
pu Cóp Mương	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 38"	103° 34' 30"					F-48-64-C
pu Đen Đin	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 10"	103° 37' 28"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hợp Tiến	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 20"	103° 43' 11"					F-48-64-C
pu Hua Huổi	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 36"	103° 35' 29"					F-48-64-C
pu Huổi Cài	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 18"	103° 36' 26"					F-48-64-C
bản Huổi Pản	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	20° 59' 53"	103° 43' 41"					F-48-76-A
bản Kéo	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 08"	103° 44' 45"					F-48-64-C
pu Kéo Nghịu	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 04"	103° 42' 20"					F-48-64-C
bản Khua Họ	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 50"	103° 39' 03"					F-48-64-C
cầu Khua Họ	KX	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 50"	103° 39' 10"					F-48-64-C
bản Lọng Màn	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 57"	103° 44' 49"					F-48-64-C
bản Nà Hạ	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 51"	103° 43' 28"					F-48-64-C
bản Nà Nghiều	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 15"	103° 41' 23"					F-48-64-C
bản Nậm Pù A	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 12"	103° 41' 12"					F-48-64-C
bản Nậm Pù B	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 15"	103° 40' 17"					F-48-64-C
pu Nậm Sâu	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 16"	103° 37' 51"					F-48-64-C
pu Nghiều	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 04' 11"	103° 41' 04"					F-48-64-C
bản Nong Ke	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 46"	103° 37' 02"					F-48-64-C
bản Pá Công	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 06"	103° 44' 17"					F-48-64-C
bản Pá Mằn	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 36"	103° 41' 25"					F-48-64-C
bản Pa Tết	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 17"	103° 38' 42"					F-48-64-C
pu Pa Tết	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 06"	103° 34' 03"					F-48-64-C
huổi Pa Tết	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			21° 00' 39"	103° 37' 51"	21° 00' 17"	103° 38' 53"	F-48-64-C
pu Pa Tết Nọi	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 16"	103° 35' 13"					F-48-64-C
bản Pản	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 38"	103° 44' 11"					F-48-64-C
huổi Pản	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			21° 00' 16"	103° 44' 01"	21° 01' 47"	103° 43' 53"	F-48-64-C
huổi Phát Thóng	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			20° 58' 38"	103° 41' 37"	21° 01' 25"	103° 40' 23"	F-48-64-C, F-48-76-A
nậm Pù	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			21° 02' 57"	103° 35' 48"	21° 01' 56"	103° 40' 56"	F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Púng Chu	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 10"	103° 38' 46"					F-48-64-C
bản Ta Hốc	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 20"	103° 39' 41"					F-48-64-C
pu Ta Sả	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 53"	103° 41' 49"					F-48-64-C
bản Túp Phạ A	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	20° 59' 36"	103° 40' 25"					F-48-76-A
bản Túp Phạ B	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 08"	103° 39' 38"					F-48-64-C
pu Xe Tốc	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 16"	103° 39' 46"					F-48-64-C
bản Bon	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	21° 02' 09"	103° 48' 24"					F-48-64-D
bản Bướm Ỏ	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	21° 03' 46"	103° 48' 23"					F-48-64-D
bản Buôm Pàn	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 49"	103° 47' 02"					F-48-76-B+D
huổi Co	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 55' 46"	103° 47' 56"	20° 56' 48"	103° 47' 06"	F-48-76-B+D
bản Co Phường	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 01"	103° 43' 54"					F-48-76-A
huổi Hin Tăng	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 56' 28"	103° 48' 38"	20° 57' 20"	103° 47' 28"	F-48-76-B+D
huổi Hưa	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 57' 01"	103° 39' 48"	20° 55' 38"	103° 43' 04"	F-48-76-A
bản Huổi Co	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 02"	103° 47' 21"					F-48-76-B+D
bản Huổi Hưa	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 57' 01"	103° 42' 02"					F-48-76-A
bản Huổi Khe	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 52' 51"	103° 45' 54"					F-48-76-B+D
bản Huổi Mươi	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 54' 41"	103° 45' 25"					F-48-76-B+D
huổi Khe	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 52' 38"	103° 45' 50"	20° 51' 35"	103° 45' 02"	F-48-76-A
bản Nà Dòn	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 38"	103° 47' 05"					F-48-76-B+D
huổi Nà Dòn	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 57' 57"	103° 45' 01"	20° 56' 28"	103° 46' 22"	F-48-76-B+D
bản Nà Kham	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 57' 13"	103° 47' 14"					F-48-76-B+D
bản Nà Ngùa	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 55' 50"	103° 44' 04"					F-48-76-A
pu Pá Khoang	SV	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 55' 53"	103° 41' 19"					F-48-76-A
bản Pá Vẹ	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 55' 02"	103° 41' 44"					F-48-76-A
bản Phiêng Piềng	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 18"	103° 40' 44"					F-48-76-A
bản Phiêng Púng	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 55' 09"	103° 44' 43"					F-48-76-A
pu Sa Pa	SV	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 54' 28"	103° 41' 06"					F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sài Khao	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 52' 32"	103° 42' 52"					F-48-76-A
huổi Sâm	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 52' 46"	103° 43' 55"	20° 54' 11"	103° 44' 09"	F-48-76-B+D
huổi Sản	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 54' 11"	103° 44' 09"	20° 55' 06"	103° 43' 27"	F-48-76-A
bản Sìa Khìa	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 54' 11"	103° 42' 24"					F-48-76-A
nậm Sọi	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 55' 28"	103° 43' 04"	20° 57' 23"	103° 47' 39"	F-48-76-A, F-48-76-B+D
bản Ta Lát	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 57' 35"	103° 44' 03"					F-48-76-A
huổi Ta Lát	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 57' 28"	103° 43' 17"	20° 56' 18"	103° 45' 37"	F-48-76-A, F-48-76-B+D
pu Tang Ten	SV	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 44"	103° 48' 21"					F-48-76-B+D
đội 6	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 57' 08"	103° 50' 53"					F-48-76-B+D
huổi Bua	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 52' 53"	103° 49' 04"	20° 53' 30"	103° 50' 46"	F-48-76-B+D
bản Cát	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 15"	103° 51' 27"					F-48-76-B+D
huổi Cát	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 55' 10"	103° 50' 26"	20° 56' 50"	103° 52' 19"	F-48-76-B+D
huổi Chéo	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 53' 21"	103° 52' 17"	20° 53' 44"	103° 51' 02"	F-48-76-B+D
bản Co Cưởm	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 14"	103° 50' 32"					F-48-76-B+D
bản Co Tra	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 54' 44"	103° 50' 37"					F-48-76-B+D
bản H8	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 50"	103° 54' 13"					F-48-76-B+D
bản Hát So	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 54"	103° 53' 30"					F-48-76-B+D
huổi Hin	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 52' 17"	103° 51' 16"	20° 52' 25"	103° 50' 33"	F-48-76-B+D
bản Hong Dồm	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 47"	103° 51' 23"					F-48-76-B+D
bản Huổi	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 24"	103° 52' 58"					F-48-76-B+D
bản Huổi Bua Mèo	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 52' 55"	103° 49' 06"					F-48-76-B+D
bản Huổi Bua Xá	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 53' 55"	103° 50' 56"					F-48-76-B+D
bản Huổi Hỉn	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 52' 45"	103° 51' 22"					F-48-76-B+D
núi Huổi Hin Tăng	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 17"	103° 48' 40"					F-48-76-B+D
bản Huổi Ỏi	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 54' 55"	103° 48' 37"					F-48-76-B+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Kéo	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 33"	103° 52' 48"					F-48-76-B+D
núi Kéo Bó	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 24"	103° 53' 38"					F-48-76-B+D
núi Kéo Co	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 30"	103° 48' 16"					F-48-76-B+D
huổi Khêm	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 55' 34"	103° 48' 44"	20° 55' 24"	103° 49' 18"	F-48-76-B+D
bản Khún	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 58' 46"	103° 49' 28"					F-48-76-B+D
bản Long Niếng	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 12"	103° 52' 17"					F-48-76-B+D
bản Lúa	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 57' 33"	103° 50' 43"					F-48-76-B+D
sông Mã	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 58' 56"	103° 48' 58"	20° 56' 42"	103° 54' 46"	F-48-76-B+D
bản Mường Tở	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 31"	103° 52' 08"					F-48-76-B+D
bản Nà Cầm	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 26"	103° 52' 04"					F-48-76-B+D
bản Nà Lứa	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 57"	103° 52' 21"					F-48-76-B+D
bản Nà Ngần	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 54' 57"	103° 50' 47"					F-48-76-B+D
bản Nà Nỏng	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 04"	103° 51' 08"					F-48-76-B+D
Non Áng	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 40"	103° 51' 32"					F-48-76-B+D
suối Nong Sấy	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 53' 59"	103° 52' 09"	20° 54' 53"	103° 51' 55"	F-48-76-B+D
huổi Ổi	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 53' 41"	103° 47' 43"	20° 55' 12"	103° 49' 34"	F-48-76-B+D
bản Phiêng Lươn	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 17"	103° 51' 05"					F-48-76-B+D
bản Phiêng Pẻn	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 53"	103° 53' 48"					F-48-76-B+D
nậm Pình	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 55' 22"	103° 52' 52"	20° 56' 19"	103° 52' 05"	F-48-76-B+D
nậm Pô	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 54' 53"	103° 51' 55"	20° 56' 19"	103° 52' 05"	F-48-76-B+D
núi Pom Pá Ban	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 28"	103° 47' 47"					F-48-76-B+D
pu Pu Luổng	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 54' 29"	103° 53' 39"					F-48-76-B+D
phu Pu Tông	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 53' 58"	103° 52' 47"					F-48-76-B+D
núi Sai	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 14"	103° 47' 13"					F-48-76-B+D
bản Yên Sơn	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 24"	103° 51' 42"					F-48-76-B+D
nậm Bà	TV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã			21° 13' 14"	103° 35' 18"	21° 11' 41"	103° 33' 56"	F-48-64-C
pu Co Tiêng	SV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 10' 41"	103° 34' 10"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Đá Đỏ	SV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 13' 14"	103° 34' 50"					F-48-64-C
huổi Én	TV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã			21° 13' 09"	103° 33' 31"	21° 12' 26"	103° 32' 49"	F-48-64-C
bản Hịa	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 12' 34"	103° 34' 45"					F-48-64-C
bản Huổi Én	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 13' 09"	103° 33' 35"					F-48-64-C
bản Lấu	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 10' 52"	103° 33' 41"					F-48-64-C
bản Lõm Hỏm	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 12' 32"	103° 36' 16"					F-48-64-C
bản Mường Cang	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 11' 52"	103° 33' 39"					F-48-64-C
bản Mường Nưa 1	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 12' 10"	103° 33' 11"					F-48-64-C
bản Mường Tợ	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 11' 26"	103° 33' 57"					F-48-64-C
bản Nà Và	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 11' 56"	103° 33' 53"					F-48-64-C
bản Ngày	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 10' 38"	103° 33' 42"					F-48-64-C
bản Pá Ngã	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 12' 43"	103° 36' 21"					F-48-64-C
bản Pá Nhạp	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 12' 40"	103° 36' 04"					F-48-64-C
pu Pha Nhu	SV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 12' 56"	103° 33' 41"					F-48-64-C
bản Phèn	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 10' 43"	103° 32' 56"					F-48-64-C
pu Pom Bó	SV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 11' 40"	103° 34' 22"					F-48-64-C
pu Pom Nó	SV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 11' 28"	103° 33' 08"					F-48-64-C
pu Púa	SV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 11' 34"	103° 32' 18"					F-48-64-C
bản Sàng	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 10' 51"	103° 32' 42"					F-48-64-C
pu Sung	SV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 12' 29"	103° 33' 03"					F-48-64-C
đường tỉnh 105	KX	xã Mường Sai	H. Sông Mã			20° 57' 03"	104° 00' 10"	21° 01' 03"	103° 58' 45"	F-48-64-D, F-48-76-B+D, F-48-77-A
bản Co Đứa	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	21° 00' 02"	103° 57' 26"					F-48-64-D
bản Kỳ Nình	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 59' 48"	103° 58' 40"					F-48-76-B+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Lệ	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			21° 01' 03"	103° 58' 44"	20° 57' 07"	104° 00' 16"	F-48-64-D, F-48-77-A, F-48-76-B+D
bản Lọng Lót	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	21° 01' 00"	103° 58' 51"					F-48-64-D
huổi Mụi	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			20° 57' 33"	104° 01' 59"	20° 57' 10"	104° 00' 12"	F-48-77-A
bản Nà Hò	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 59' 17"	103° 59' 25"					F-48-76-B+D
bản Nà Un Ngoài	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	21° 00' 13"	103° 59' 25"					F-48-64-D
cầu Nậm Lẹ	KX	xã Mường Sai	H. Sông Mã	21° 00' 07"	103° 59' 16"					F-48-64-D
bản Ỏ	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 57' 32"	103° 59' 49"					F-48-76-B+D
núi Pu Tốc	SV	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 57' 06"	104° 02' 56"					F-48-77-A
bản Púng Cằm	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 58' 26"	104° 00' 04"					F-48-77-A
bản Sai	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 58' 22"	103° 59' 30"					F-48-76-B+D
huổi Sui	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			20° 59' 47"	104° 01' 15"	20° 58' 05"	103° 59' 31"	F-48-77-A, F-48-76-B+D
nậm Sút	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			21° 01' 08"	104° 00' 12"	21° 00' 09"	103° 59' 15"	F-48-64-D, F-48-65-C
bản Tân Hống	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 58' 33"	103° 59' 19"					F-48-76-B+D
bản Tiên Chung	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 57' 54"	103° 59' 37"					F-48-76-B+D
huổi Vần	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			21° 00' 42"	103° 57' 51"	21° 00' 51"	103° 58' 45"	F-48-64-D
huổi Xà Lường	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			20° 59' 47"	104° 01' 15"	20° 58' 19"	104° 03' 10"	F-48-77-A
phu Xe	SV	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 57' 39"	104° 04' 03"					F-48-77-A
xóm 1	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 19"	103° 43' 57"					F-48-64-C
đường tỉnh 115	KX	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 06' 57"	103° 40' 42"	21° 02' 27"	103° 44' 23"	F-48-64-C
bản Bon	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 33"	103° 41' 47"					F-48-64-C
bản Co Phường	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 07' 03"	103° 44' 17"					F-48-64-C
huổi Cói	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 04' 54"	103° 46' 27"	21° 04' 49"	103° 45' 00"	F-48-64-D
núi Đán Đăm	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 07' 58"	103° 45' 32"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hin Lập	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 58"	103° 47' 15"					F-48-64-D
bản Hua Pàn	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 46"	103° 40' 56"					F-48-64-C
bản Hưng Mai	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 02' 59"	103° 44' 25"					F-48-64-C
bản Huổi Cói	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 58"	103° 46' 31"					F-48-64-D
suối Huổi Mé	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 05' 49"	103° 40' 44"	21° 06' 50"	103° 42' 03"	F-48-64-C
bản Huổi Sặng	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 45"	103° 43' 22"					F-48-64-C
bản Kéo	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 55"	103° 44' 49"					F-48-64-C
pu Kéo La	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 00"	103° 40' 16"					F-48-64-C
bản Lê Hồng Phong	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 02' 16"	103° 45' 13"					F-48-64-D
bản Lọng Lằn	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 42"	103° 45' 10"					F-48-64-D
sông Mã	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 07' 02"	103° 40' 49"	21° 02' 24"	103° 45' 57"	F-48-64-D
bản Mé	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 37"	103° 42' 01"					F-48-64-C
bản Mung	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 28"	103° 42' 49"					F-48-64-C
bản Nà Hin	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 35"	103° 44' 33"					F-48-64-C
pu Nà Hin	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 17"	103° 43' 56"					F-48-64-C
suối Nà Hin	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 05' 54"	103° 44' 39"	21° 04' 44"	103° 44' 42"	F-48-64-C
bản Nà Là	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 53"	103° 41' 01"					F-48-64-C
bản Nà Lìu	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 21"	103° 43' 37"					F-48-64-C
bản Nà Lươi	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 46"	103° 41' 29"					F-48-64-C
bản Nà Nghịu 1	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 03' 57"	103° 43' 58"					F-48-64-C
bản Nà Nghịu 2	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 03' 37"	103° 44' 02"					F-48-64-C
bản Nà Pàn	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 53"	103° 42' 49"					F-48-64-C
suối Nà Pàn	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 04' 40"	103° 41' 25"	21° 04' 50"	103° 42' 56"	F-48-64-C
suối Nậm Ún	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 07' 29"	103° 44' 46"	21° 06' 14"	103° 42' 44"	F-48-64-C
bản Nang Cầu	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 02' 35"	103° 44' 16"					F-48-64-C
pu Ngịu	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 08' 12"	103° 43' 22"					F-48-64-C
bản Ngu Hấu	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 07' 56"	103° 43' 31"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nong Lếch	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 32"	103° 47' 48"					F-48-64-D
bản Phiêng Pồng	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 07' 14"	103° 41' 01"					F-48-64-C
bản Phiêng Tỏ	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 15"	103° 46' 31"					F-48-64-D
huổi Phòng	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 06' 40"	103° 45' 57"	21° 04' 06"	103° 44' 14"	F-48-64-C, F-48-64-D
bản Phòng Sài	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 16"	103° 44' 36"					F-48-64-C
bản Quyết Thắng	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 02' 30"	103° 45' 45"					F-48-64-D
bản Quyết Tiến	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 02' 30"	103° 45' 31"					F-48-64-D
bản Sào Và	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 40"	103° 45' 28"					F-48-64-D
bản Tây Hồ	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 24"	103° 43' 13"					F-48-64-C
pu Thẳm Cọng	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 00"	103° 41' 01"					F-48-64-C
bản Tiền Phong	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 57"	103° 41' 53"					F-48-64-C
bản Trại Giống	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 03' 26"	103° 44' 15"					F-48-64-C
bản Xum Côn	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 27"	103° 42' 43"					F-48-64-C
bản Cang	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 58"	103° 34' 00"					F-48-64-C
bản Chả	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 39"	103° 36' 44"					F-48-64-C
pu Chả	SV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 41"	103° 37' 43"					F-48-64-C
huổi Chả	TV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã			21° 03' 59"	103° 34' 52"	21° 04' 25"	103° 36' 45"	F-48-64-C
bản Chạy	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 57"	103° 33' 43"					F-48-64-C
bản Chu Vai	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 03' 37"	103° 32' 09"					F-48-64-C
pu Cò Phát	SV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 15"	103° 36' 50"					F-48-64-C
pu Đen Đin	SV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 52"	103° 38' 05"					F-48-64-C
huổi Hó	TV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã			21° 03' 27"	103° 34' 20"	21° 05' 04"	103° 34' 25"	F-48-64-C
bản Hôm	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 59"	103° 33' 09"					F-48-64-C
pu Hua Mừ	SV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 19"	103° 30' 59"					F-48-64-C
bản Huổi	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 14"	103° 36' 13"					F-48-64-C
bản Huổi Khoang	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 02' 46"	103° 31' 30"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Huổi Quang Lọt	SV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 03' 32"	103° 34' 52"					F-48-64-C
núi Kéo Bắc	SV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 05' 24"	103° 35' 33"					F-48-64-C
huổi Khương	TV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã			21° 05' 27"	103° 35' 49"	21° 06' 06"	103° 36' 00"	F-48-64-C
pu Luông	SV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 05' 01"	103° 39' 23"					F-48-64-C
nậm Mằn	TV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã			21° 03' 36"	103° 30' 39"	21° 03' 30"	103° 40' 32"	F-48-64-C
huổi Mi	TV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã			21° 03' 07"	103° 32' 29"	21° 03' 37"	103° 32' 17"	F-48-64-C
bản Nà Cà	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 05' 02"	103° 36' 13"					F-48-64-C
pu Nà Cà	SV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 57"	103° 36' 51"					F-48-64-C
bản Nà Luông	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 05' 13"	103° 35' 27"					F-48-64-C
núi Nậm Khoa	SV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 06' 03"	103° 33' 04"					F-48-64-C
bản Nậm Mằn	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 53"	103° 34' 22"					F-48-64-C
bản Nhả Sày	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 05' 39"	103° 32' 21"					F-48-64-C
núi Nhả Sày	SV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 05' 49"	103° 31' 56"					F-48-64-C
huổi Nhả Sày	TV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã			21° 05' 11"	103° 31' 37"	21° 04' 55"	103° 33' 11"	F-48-64-C
bản Pá Ban	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 03' 19"	103° 37' 19"					F-48-64-C
bản Phiêng Phé	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 59"	103° 34' 35"					F-48-64-C
bản Púng Hày	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 04' 11"	103° 39' 10"					F-48-64-C
bản Púng Khương	DC	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 06' 00"	103° 35' 31"					F-48-64-C
núi Tin Tốc	SV	xã Nậm Mằn	H. Sông Mã	21° 06' 14"	103° 33' 56"					F-48-64-C
bản Bó Hụn	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 13' 07"	103° 41' 17"					F-48-64-C
huổi Cắt	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 14' 25"	103° 39' 54"	21° 12' 20"	103° 39' 11"	F-48-64-C
pu Chôm Tắng	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 15' 48"	103° 40' 56"					F-48-64-A
bản Có	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 14' 26"	103° 44' 00"					F-48-64-C
bản Co Dâu	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 14' 44"	103° 40' 42"					F-48-64-C
huổi Côi	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 12' 20"	103° 37' 38"	21° 11' 46"	103° 39' 38"	F-48-64-C
bản Đìu	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 09"	103° 39' 13"					F-48-64-C
bản Đứa	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 27"	103° 38' 56"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Há	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 13' 52"	103° 43' 04"					F-48-64-C
bản Hiểm	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 06"	103° 40' 01"					F-48-64-C
nậm Hiểm	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 10' 52"	103° 41' 10"	21° 11' 13"	103° 39' 41"	F-48-64-C
huổi Họ	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 13' 26"	103° 36' 36"	21° 13' 16"	103° 38' 05"	F-48-64-C
bản Hua Cắt	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 14' 56"	103° 39' 24"					F-48-64-C
bản Huổi Cắt	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 14' 36"	103° 39' 20"					F-48-64-C
bản Huổi Tòng	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 09' 42"	103° 39' 24"					F-48-64-C
pu Kéo Lớn	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 15' 41"	103° 42' 36"					F-48-64-A
bản Lọng Nghịu	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 09' 48"	103° 41' 19"					F-48-64-C
huổi Lủa	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 11' 37"	103° 36' 24"	21° 10' 34"	103° 38' 05"	F-48-64-C
bản Mện	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 31"	103° 42' 38"					F-48-64-C
bản Nà Hay	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 48"	103° 38' 41"					F-48-64-C
bản Nà Khựa	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 10' 41"	103° 38' 09"					F-48-64-C
bản Nà Lằn	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 10' 56"	103° 40' 38"					F-48-64-C
bản Nà Pàn	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 14"	103° 39' 10"					F-48-64-C
bản Nà Sèo	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 25"	103° 36' 26"					F-48-64-C
núi Nà Sèo	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 10"	103° 36' 19"					F-48-64-C
bản Nà Tòng	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 06"	103° 38' 51"					F-48-64-C
bản Pá Lành	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 15' 27"	103° 44' 37"					F-48-64-A
bản Pá Lầu	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 38"	103° 40' 11"					F-48-64-C
bản Pá Men	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 09' 31"	103° 42' 56"					F-48-64-C
bản Pàn	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 10' 56"	103° 39' 42"					F-48-64-C
pu Phương	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 13' 40"	103° 36' 46"					F-48-64-C
nậm Pịn	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 13' 22"	103° 38' 05"	21° 11' 56"	103° 39' 28"	F-48-64-C
huổi Púa	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 13' 17"	103° 40' 47"	21° 12' 06"	103° 40' 19"	F-48-64-C
nậm Quoét	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 11' 47"	103° 41' 44"	21° 11' 56"	103° 39' 28"	F-48-64-C
núi Sa Lâm	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 10' 53"	103° 41' 58"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Sam Sẩu	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 43"	103° 37' 17"					F-48-64-C
nậm Ty	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 11' 56"	103° 39' 28"	21° 10' 07"	103° 37' 45"	F-48-64-C
bản Xẻ	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 13' 45"	103° 42' 30"					F-48-64-C
huổi Xẻ	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 14' 54"	103° 42' 19"	21° 13' 44"	103° 43' 07"	F-48-64-C
núi Xen Hin	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 10' 02"	103° 44' 05"					F-48-64-C
bản Xen Xay	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 56"	103° 37' 30"					F-48-64-C
bản Háng Xía	DC	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã	21° 13' 38"	103° 26' 18"					F-48-63-D
bản Hặp	DC	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã	21° 16' 11"	103° 27' 20"					F-48-63-B
suối Huổi Hặp	TV	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã			21° 15' 06"	103° 26' 14"	21° 15' 31"	103° 27' 46"	F-48-63-B
suối Huổi Kho	TV	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã			21° 12' 59"	103° 26' 14"	21° 13' 59"	103° 26' 59"	F-48-63-D
bản Huổi Lán	DC	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã	21° 17' 11"	103° 26' 52"					F-48-63-B
sông Mã	TV	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã			21° 17' 46"	103° 27' 46"	21° 16' 21"	103° 28' 04"	F-48-63-B
bản Mạ Mẩu	DC	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã	21° 14' 44"	103° 26' 28"					F-48-63-B
huổi Pá Hịa	TV	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã			21° 15' 01"	103° 27' 43"	21° 15' 26"	103° 28' 03"	F-48-63-B
bản Pá Lâu	DC	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã	21° 15' 07"	103° 26' 04"					F-48-63-B
bản Pá Pao	DC	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã	21° 15' 10"	103° 26' 11"					F-48-63-D
bản Pha Hặp	DC	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã	21° 17' 15"	103° 26' 23"					F-48-63-B
núi Pha Hặp	SV	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã	21° 17' 03"	103° 26' 30"					F-48-63-B
bản Pú Bẩu	DC	xã Pú Bẩu	H. Sông Mã	21° 14' 52"	103° 25' 58"					F-48-63-D
đường tỉnh 115	KX	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 10' 43"	103° 34' 28"	21° 09' 10"	103° 36' 53"	F-48-64-C
bản Bang Dưới	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 26"	103° 33' 46"					F-48-64-C
bản Bang Trên	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 09"	103° 33' 34"					F-48-64-C
bản Bua	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 26"	103° 34' 08"					F-48-64-C
bản Hải Triều	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 17"	103° 36' 59"					F-48-64-C
bản Hua Mừ	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 27"	103° 32' 34"					F-48-64-C
pu Hua Ngay	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 04"	103° 32' 42"					F-48-64-C
bản Hua Sòng	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 00"	103° 34' 54"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hưng Mã	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 36"	103° 36' 24"					F-48-64-C
bản Huổi	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 01"	103° 36' 01"					F-48-64-C
bản Huổi Hao	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 06' 46"	103° 32' 46"					F-48-64-C
suối Huổi Hao	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 06' 35"	103° 32' 31"	21° 07' 28"	103° 32' 44"	F-48-64-C
suối Huổi Lảng	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 06' 46"	103° 30' 21"	21° 07' 06"	103° 31' 42"	F-48-64-C
suối Huổi Mạt	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 08' 34"	103° 31' 59"	21° 08' 25"	103° 33' 49"	F-48-64-C
suối Huổi Pảng	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 07' 00"	103° 35' 44"	21° 09' 28"	103° 36' 18"	F-48-64-C
suối Huổi Sòng	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 08' 22"	103° 35' 08"	21° 09' 37"	103° 36' 09"	F-48-64-C
suối Lạn Pạt	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 08' 20"	103° 36' 39"	21° 09' 12"	103° 36' 55"	F-48-64-C
bản Lẹ	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 10' 13"	103° 35' 23"					F-48-64-C
bản Lụng Há	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 06' 49"	103° 34' 18"					F-48-64-C
bản Nà Dìa	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 10' 06"	103° 34' 55"					F-48-64-C
bản Nà Đứa	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 43"	103° 35' 11"					F-48-64-C
bản Nà Hạ	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 59"	103° 35' 38"					F-48-64-C
bản Nà Lằn	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 35"	103° 33' 16"					F-48-64-C
bản Nà Mừ	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 46"	103° 34' 25"					F-48-64-C
bản Nà Nong	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 20"	103° 34' 18"					F-48-64-C
núi Nà Sèo	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 10' 43"	103° 36' 33"					F-48-64-C
suối Nậm Mừ	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 07' 06"	103° 31' 42"	21° 07' 28"	103° 32' 44"	F-48-64-C
bản Pá Pao	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 58"	103° 33' 34"					F-48-64-C
bản Pái	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 45"	103° 35' 27"					F-48-64-C
bản Pảng	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 04"	103° 36' 13"					F-48-64-C
núi Phòng Không	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 35"	103° 30' 30"					F-48-64-C
bản Pọng	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 41"	103° 34' 05"					F-48-64-C
núi Pu Bỉa Lô	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 11' 23"	103° 35' 52"					F-48-64-C
pu Pu Sèo Ô	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 10' 59"	103° 35' 17"					F-48-64-C
pu Pu Sọt	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 16"	103° 32' 59"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Púng	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 02"	103° 35' 50"					F-48-64-C
bản Sòng	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 31"	103° 35' 42"					F-48-64-C
pu Tang Sỏn	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 57"	103° 30' 46"					F-48-64-C
bản Tau Hay	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 10' 28"	103° 34' 36"					F-48-64-C
bản Tin Tốc	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 06' 17"	103° 33' 46"					F-48-64-C
bản Bằng Tạng	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 19"	103° 33' 36"					F-48-76-A
bản Cang Nưa	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 15"	103° 32' 34"					F-48-76-A
bản Cang Tợ	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 12"	103° 32' 51"					F-48-76-A
pu Cò Cọ	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 51"	103° 33' 24"					F-48-76-A
pu Cò Công	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 59' 58"	103° 34' 02"					F-48-76-A
pu Cò Hạ	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 58' 30"	103° 33' 42"					F-48-76-A
huổi Co Phương	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 57' 08"	103° 28' 12"	20° 56' 29"	20° 57' 08"	F-48-75-B
bản Dồm	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 05"	103° 33' 12"					F-48-76-A
pu Đăng Tăn	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 55' 50"	103° 28' 36"					F-48-75-B
huổi Đăng Tăn	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 54' 53"	103° 29' 28"	20° 55' 49"	20° 54' 53"	F-48-75-B, F-48-76-A
bản Huổi Dồm	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 56' 41"	103° 32' 22"					F-48-76-A
huổi Huổi Hin	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 57' 34"	103° 32' 24"	20° 56' 41"	20° 57' 34"	F-48-76-A
pu Huổi Men	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 56' 35"	103° 33' 22"					F-48-76-A
huổi Huổi Men	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 55' 52"	103° 32' 35"	20° 56' 35"	20° 55' 52"	F-48-76-A
pu Huổi Na	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 19"	103° 27' 52"					F-48-75-B
pu Huổi Nặm Sơ	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	21° 00' 43"	103° 34' 10"					F-48-64-C
bản Huổi Nó	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 57"	103° 35' 18"					F-48-76-A
huổi Huổi Nó	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 59' 02"	103° 36' 03"	20° 57' 34"	20° 59' 02"	F-48-76-A
huổi Huổi Ôn	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 55' 29"	103° 33' 23"	20° 56' 39"	20° 55' 29"	F-48-76-A
huổi Huổi Phá Thoóng	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 55' 28"	103° 28' 34"	20° 56' 18"	20° 55' 28"	F-48-75-B
pu Huổi Ven	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 55' 46"	103° 31' 01"					F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Yên	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 56' 14"	103° 29' 51"					F-48-75-B
bản Long Phát	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 29"	103° 35' 34"					F-48-76-A
bản Men	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 56' 28"	103° 33' 42"					F-48-76-A
pu Na Han	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 13"	103° 31' 25"					F-48-76-A
bản Nà Khá	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 05"	103° 33' 40"					F-48-76-A
bản Nà Pháy	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 06"	103° 34' 40"					F-48-76-A
bản Naà Lìu	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 58' 00"	103° 34' 55"					F-48-76-A
huổi Nặm Dồm	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 56' 34"	103° 28' 48"	20° 57' 02"	20° 56' 34"	F-48-75-B
huổi Nặm Pặt	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 59' 03"	103° 34' 14"	20° 57' 15"	20° 59' 03"	F-48-76-A
huổi Nhả Xay	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 56' 18"	103° 27' 56"	20° 56' 34"	20° 56' 18"	F-48-75-B
bản Pá Hốc	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 56' 58"	103° 29' 27"					F-48-75-B
pu Pá Hốc	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 58' 54"	103° 34' 05"					F-48-76-A
bản Pặt	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 25"	103° 34' 39"					F-48-76-A
pu Pom Cọ	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 55' 32"	103° 32' 07"					F-48-76-A
huổi Tiếng Nến	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 57' 06"	103° 29' 13"	20° 56' 28"	20° 57' 06"	F-48-75-B
bản Tin Tốc	DC	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 58' 45"	103° 34' 51"					F-48-76-A
huổi Trang Chốc	TV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp			20° 56' 33"	103° 30' 37"	20° 56' 08"	20° 56' 33"	F-48-76-A
pu Tre Phai	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 23"	103° 33' 58"					F-48-76-A
pu Xả Nọi	SV	xã Dồm Cang	H. Sốp Cộp	20° 55' 12"	103° 29' 32"					F-48-75-B
Đồn Biên phòng 453	KX	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 48' 09"	103° 42' 41"					F-48-76-A
pu Bá Thông	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 45' 58"	103° 39' 19"					F-48-76-A
huổi Buôn	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 46' 35"	103° 42' 54"	20° 47' 44"	103° 42' 14"	F-48-76-A
bản Cang Cói	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 47' 43"	103° 43' 54"					F-48-76-A
huổi Chạy	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 47' 47"	103° 39' 15"	20° 48' 05"	103° 40' 24"	F-48-76-A
pu Chưn	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 51' 53"	103° 43' 28"					F-48-76-A
huổi Chưn	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 48' 06"	103° 45' 51"	20° 48' 01"	103° 43' 25"	F-48-76-A
bản Co Hạ	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 48' 40"	103° 40' 05"					F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Co Muông	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 45' 26"	103° 41' 34"					F-48-76-A
bản Cống	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 50' 25"	103° 43' 57"					F-48-76-A
huổi Hịa	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 48' 40"	103° 46' 31"	20° 49' 25"	103° 46' 55"	F-48-76-B+D
huổi Hiêu	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 48' 41"	103° 41' 36"	20° 48' 39"	103° 42' 56"	F-48-76-A
huổi Hoi	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 47' 10"	103° 43' 15"	20° 47' 51"	103° 42' 24"	F-48-76-A
bản Huổi Lè	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 50' 12"	103° 45' 53"					F-48-76-B+D
bản Huổi Pá	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 46' 39"	103° 46' 21"					F-48-76-B+D
suối Ít Dương	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 46' 37"	103° 41' 47"	20° 47' 02"	103° 42' 23"	F-48-76-A
bản Khá	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 48' 01"	103° 40' 56"					F-48-76-A
huổi Khe	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 51' 17"	103° 46' 17"	20° 51' 26"	103° 44' 46"	F-48-76-B+D
suối Khi	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 44' 57"	103° 46' 45"	20° 45' 59"	103° 44' 07"	F-48-76-B+D
huổi Le	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 49' 23"	103° 47' 10"	20° 50' 25"	103° 44' 56"	F-48-76-B+D
huổi Liên	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 50' 17"	103° 47' 28"	20° 49' 31"	103° 46' 40"	F-48-76-B+D
huổi Men	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 51' 07"	103° 43' 09"	20° 51' 40"	103° 44' 27"	F-48-76-A
huổi Mu Nâu	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 49' 19"	103° 44' 24"	20° 49' 46"	103° 43' 38"	F-48-76-A
bản Mường Lạn	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 48' 01"	103° 42' 32"					F-48-76-A
bản Nà Ẳn	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 46' 48"	103° 44' 08"					F-48-76-A
bản Nà Khi	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 46' 04"	103° 44' 24"					F-48-76-A
bản Nà Vạc	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 45' 06"	103° 43' 30"					F-48-76-A
bản Nậm Lạn	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 44' 03"	103° 40' 15"					F-48-76-C
suối Nậm Lạn	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 42' 35"	103° 39' 26"	20° 47' 57"	103° 40' 40"	F-48-76-A, F-48-76-C
suối Nhọt Huổi Lẹ	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 49' 58"	103° 47' 49"	20° 49' 23"	103° 47' 10"	F-48-76-B+D
pu Nhọt Nặm Lạn	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 44' 16"	103° 36' 22"					F-48-76-C
bản Nong Phụ	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 46' 13"	103° 39' 03"					F-48-76-A
suối Noong Phụ	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 46' 56"	103° 39' 52"	20° 47' 19"	103° 40' 50"	F-48-76-A
bản Pá Kạch	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 42' 58"	103° 42' 52"					F-48-76-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pắc Nhung	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 48' 35"	103° 41' 00"	20° 48' 51"	103° 40' 24"	F-48-76-A
bản Phiêng Pen	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 49' 00"	103° 43' 02"					F-48-76-A
bản Pú Hao	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 50' 04"	103° 46' 13"					F-48-76-B+D
núi Puôm Dim	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 50' 42"	103° 43' 05"					F-48-76-A
pu Puộp	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 51' 19"	103° 43' 55"					F-48-76-A
huổi Quang Nâu	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 48' 52"	103° 44' 31"	20° 48' 54"	103° 43' 00"	F-48-76-A
pu Sai Liên	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 39' 56"	103° 41' 51"					F-48-76-C
núi Sai Liên	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 40' 36"	103° 42' 55"					F-48-76-C
núi Sam Tam	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 42' 19"	103° 40' 16"					F-48-76-C
suối Si Đan	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 49' 37"	103° 41' 42"	20° 49' 34"	103° 43' 09"	F-48-76-A
nậm Sọi	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 45' 59"	103° 44' 07"	20° 50' 27"	103° 44' 01"	F-48-76-A
suối Vạc	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 44' 18"	103° 44' 15"	20° 45' 12"	103° 43' 31"	F-48-76-C
huổi Áng	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 32"	103° 12' 45"	20° 53' 00"	103° 18' 16"	F-48-75-A
huổi Bá Nâm	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 50"	103° 25' 46"	20° 54' 50"	103° 25' 38"	F-48-75-B
huổi Cá Tắp	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 58' 23"	103° 21' 25"	20° 57' 52"	103° 19' 45"	F-48-75-B
bản Chăm Hỳ	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 59' 12"	103° 20' 00"					F-48-75-B
pu Chăm Hỳ	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 59' 21"	103° 23' 21"					F-48-75-B
huổi Chăm Hỳ	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 59' 08"	103° 23' 02"	20° 59' 29"	103° 17' 56"	F-48-75-B
huổi Chiềng	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 54' 04"	103° 16' 45"	20° 54' 10"	103° 18' 14"	F-48-75-B
pu Chông Pá To	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 53' 50"	103° 24' 24"					F-48-75-B
pu Há Da	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 55' 14"	103° 25' 10"					F-48-75-B
huổi Hó Pủa Thóng	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 54' 11"	103° 22' 58"	20° 54' 25"	103° 22' 58"	F-48-75-B
huổi Hùa Nọ	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 35"	103° 25' 00"	20° 54' 45"	103° 25' 08"	F-48-75-B
núi Huổi Áng	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 52' 26"	103° 16' 34"					F-48-75-B
bản Huổi Làn	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 54' 52"	103° 18' 53"					F-48-75-B
bản Huổi Luông	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 49' 51"	103° 22' 55"					F-48-75-B
núi Huổi Nưm	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 51' 40"	103° 14' 16"					F-48-75-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Phúc	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 53' 01"	103° 20' 10"					F-48-75-B
pu Huổi Púng	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 56' 46"	103° 17' 22"					F-48-75-B
pu Huổi Ún	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 56' 50"	103° 17' 55"					F-48-75-B
pu Kéo An Mạ	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 58' 24"	103° 22' 24"					F-48-75-B
pu Kéo Lôm	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 55' 46"	103° 26' 54"					F-48-75-B
nậm Khún	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 55' 19"	103° 24' 00"	20° 54' 15"	103° 22' 26"	F-48-75-B
huổi Làn	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 54' 01"	103° 20' 10"	20° 55' 05"	103° 19' 00"	F-48-75-B
pu Làn Lanh	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 52' 51"	103° 24' 29"					F-48-75-B
núi Làn Lạnh	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 52' 45"	103° 24' 14"					F-48-75-B
bản Liềng	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 55' 49"	103° 19' 07"					F-48-75-B
huổi Luông	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 50' 06"	103° 24' 03"	20° 48' 44"	103° 22' 40"	F-48-75-B
bản Mạt	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 55' 24"	103° 21' 17"					F-48-75-B
huổi Mạt	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 57' 54"	103° 24' 24"	20° 55' 30"	103° 21' 00"	F-48-75-B
bản Nà Chòm	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 48' 42"	103° 22' 48"					F-48-75-B
pu Na Liêng	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 56' 20"	103° 20' 14"					F-48-75-B
nặm Năm	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 54' 15"	103° 22' 26"	20° 55' 14"	103° 21' 46"	F-48-75-B
huổi Nậm Khún	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 55' 19"	103° 24' 00"	20° 54' 15"	103° 22' 26"	F-48-75-B
bản Nậm Pừn	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 58' 02"	103° 19' 32"					F-48-75-B
pu Noọng Xỏm Tạng	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 55' 32"	103° 26' 02"					F-48-75-B
huổi Nưm	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 52' 14"	103° 14' 02"	20° 52' 07"	103° 18' 44"	F-48-75-A
huổi Ổ	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 52' 30"	103° 22' 05"	20° 53' 10"	103° 22' 47"	F-48-75-B
bản Pá Khoang	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 48' 51"	103° 24' 57"					F-48-75-B
núi Pá Lông	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 52' 49"	103° 25' 51"					F-48-75-B
huổi Pá Lông	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 39"	103° 24' 34"	20° 54' 15"	103° 22' 26"	F-48-75-B
huổi Phá Thóng	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 57' 25"	103° 22' 30"	20° 56' 08"	103° 21' 52"	F-48-75-B
nậm Phung	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 48' 45"	103° 26' 16"	20° 48' 46"	103° 24' 54"	F-48-75-B
núi Pom Cháng Kha	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 50' 20"	103° 26' 08"					F-48-75-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nặm Pừn	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 48' 02"	103° 25' 43"	20° 59' 43"	103° 17' 17"	F-48-75-B
huổi Tau	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 16"	103° 20' 56"	20° 54' 04"	103° 22' 29"	F-48-75-B
bản Xam Quảng	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 52' 07"	103° 20' 48"					F-48-75-B
huổi Xam Quảng	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 26"	103° 19' 48"	20° 54' 04"	103° 18' 24"	F-48-75-B
núi Xảo Hon	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 51' 28"	103° 26' 07"					F-48-75-B
huổi Xi Nà	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 55' 21"	103° 16' 35"	20° 55' 45"	103° 18' 42"	F-48-75-B
phu Xôm Khôi	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	21° 00' 59"	103° 20' 53"					F-48-63-D
huổi Ban	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 55' 43"	103° 39' 05"	20° 54' 11"	103° 37' 39"	F-48-76-A
huổi Bon	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 07"	103° 35' 55"	20° 53' 26"	103° 37' 10"	F-48-76-A
nậm Ca	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 34"	103° 37' 13"	20° 55' 45"	103° 36' 59"	F-48-76-A
huổi Ca	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 47' 59"	103° 31' 31"	20° 53' 34"	103° 37' 13"	F-48-76-A
pu Chạy	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 47' 11"	103° 37' 45"					F-48-76-A
huổi Cô	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 19"	103° 35' 28"	20° 53' 52"	103° 36' 21"	F-48-76-A
huổi Cọ	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 46"	103° 35' 15"	20° 53' 52"	103° 36' 21"	F-48-76-A
bản Co Đứa	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 24"	103° 38' 53"					F-48-76-A
pu Cò Hạ	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 47' 26"	103° 38' 34"					F-48-76-A
pu Co Mằn	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 41"	103° 34' 51"					F-48-76-A
pu Gia Thẩu	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 55' 01"	103° 35' 43"					F-48-76-A
bản Hin Cáp	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 52' 40"	103° 36' 58"					F-48-76-A
bản Hốc	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 57"	103° 37' 20"					F-48-76-A
bản Huổi Ca	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 52' 08"	103° 35' 49"					F-48-76-A
pu Huổi Chấp	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 47' 52"	103° 38' 29"					F-48-76-A
bản Huổi Dương	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 49' 49"	103° 35' 21"					F-48-76-A
bản Huổi Hùm	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 17"	103° 37' 25"					F-48-76-A
bản Huổi Lầu	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 17"	103° 41' 04"					F-48-76-A
bản Huổi Niếng	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 51' 27"	103° 36' 44"					F-48-76-A
bản Huổi Pót	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 55' 34"	103° 38' 43"					F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Vèn	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 39"	103° 38' 47"					F-48-76-A
núi Huổi Xét	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 26"	103° 35' 14"					F-48-76-A
huổi Lầu	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 12"	103° 41' 22"	20° 52' 38"	103° 38' 10"	F-48-76-A
bản Lọng Ôn	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 52' 54"	103° 40' 16"					F-48-76-A
pu Luông	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 51' 43"	103° 36' 01"					F-48-76-A
huổi Luông	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 54' 25"	103° 39' 33"	20° 54' 40"	103° 37' 09"	F-48-76-A
huổi Men	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 50' 28"	103° 40' 50"	20° 51' 07"	103° 43' 91"	F-48-76-A
pu Mẹo	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 51' 52"	103° 34' 25"					F-48-76-A
huổi Mit	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 54' 15"	103° 34' 51"	20° 54' 11"	103° 37' 05"	F-48-76-A
huổi Một	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 56' 26"	103° 38' 18"	20° 55' 15"	103° 36' 52"	F-48-76-A
bản Mường Và	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 30"	103° 36' 50"					F-48-76-A
tháp Mường Và	KX	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 52"	103° 36' 45"					F-48-76-A
bản Nà Cang	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 52' 30"	103° 39' 32"					F-48-76-A
bản Nà Khoang	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 51' 47"	103° 38' 38"					F-48-76-A
bản Nà Lừa	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 52' 15"	103° 38' 36"					F-48-76-A
bản Nà Mòn	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 50' 18"	103° 39' 18"					F-48-76-A
bản Nà Một	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 55' 21"	103° 37' 07"					F-48-76-A
bản Nà Nghè	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 03"	103° 37' 54"					F-48-76-A
bản Nà Vèn	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 14"	103° 37' 31"					F-48-76-A
nậm Niếng	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 46' 22"	103° 32' 10"	20° 52' 24"	103° 36' 40"	F-48-76-A
bản Nong Lanh	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 57"	103° 36' 45"					F-48-76-A
bản Pá Khoang	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 56' 00"	103° 39' 18"					F-48-76-A
bản Pá Vai	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 47' 42"	103° 30' 50"					F-48-76-A
suối Pha Lọng	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 51' 38"	103° 41' 36"	20° 51' 13"	103° 42' 56"	F-48-76-A
huổi Phé	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 32"	103° 39' 57"	20° 52' 42"	103° 38' 39"	F-48-76-A
huổi Púng	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 52' 41"	103° 34' 50"	20° 51' 52"	103° 35' 31"	F-48-76-A
huổi Si Dan	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 49' 32"	103° 40' 57"	20° 50' 28"	103° 40' 50"	F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sổm Pói	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 55' 42"	103° 36' 55"					F-48-76-A
nặm Sủ	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 50' 19"	103° 39' 08"	20° 53' 30"	103° 37' 15"	F-48-76-A
bản Tắc Tè	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 49' 31"	103° 39' 40"					F-48-76-A
núi Tênh Hươn	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 50' 23"	103° 37' 24"					F-48-76-A
bản Tông	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 00"	103° 36' 54"					F-48-76-A
pu Trà Lảy	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 55' 13"	103° 36' 04"					F-48-76-A
pu Ván	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 50' 51"	103° 35' 38"					F-48-76-A
huổi Vèn	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 41"	103° 39' 10"	20° 53' 09"	103° 37' 38"	F-48-76-A
đường tỉnh 105	KX	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 53' 14"	103° 25' 37"	20° 55' 48"	103° 35' 26"	F-48-76-A
bản Cang	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 46"	103° 34' 18"					F-48-76-A
bản Cang Kéo	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 49' 01"	103° 30' 18"					F-48-76-A
núi Cang Kéo	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 49' 24"	103° 28' 35"					F-48-75-B
bản Co Hốc	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 16"	103° 33' 14"					F-48-76-A
núi Hua Khún	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 53' 42"	103° 26' 09"					F-48-75-B
bản Hua Lạnh	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 52' 52"	103° 27' 18"					F-48-75-B
huổi Huổi Căn	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 49' 03"	103° 30' 50"	20° 53' 57"	103° 33' 08"	F-48-76-A
bản Huổi Hịa	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 52' 07"	103° 27' 24"					F-48-75-B
núi Huổi Hịa	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 24"	103° 30' 06"					F-48-76-A
huổi Huổi Hịa	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 52' 05"	103° 27' 17"	20° 53' 24"	103° 28' 43"	F-48-75-B
huổi Huổi Hon	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 54' 33"	103° 32' 55"	20° 54' 08"	103° 33' 03"	F-48-76-A
bản Lạnh	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 14"	103° 33' 43"					F-48-76-A
bản Lạnh Bánh	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 53' 51"	103° 32' 15"					F-48-76-A
bản Lọng Tòng	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 30"	103° 35' 12"					F-48-76-A
núi Mó Lửng	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 18"	103° 35' 47"					F-48-76-A
bản Nà Han	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 04"	103° 32' 50"					F-48-76-A
bản Nà Nong	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 46"	103° 34' 36"					F-48-76-A
núi Nặm Khún	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 07"	103° 26' 48"					F-48-75-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Lạnh	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 53' 54"	103° 30' 54"					F-48-76-A
huổi Nậm Lạnh	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 53' 09"	103° 26' 56"	20° 55' 39"	103° 35' 35"	F-48-75-B, F-48-76-A
núi Nặm Tấu	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 50' 17"	103° 27' 17"					F-48-75-B
suối Nặm Tấu	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 50' 17"	103° 29' 18"	20° 53' 46"	103° 31' 48"	F-48-76-A
núi Pá Ban	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 43"	103° 34' 56"					F-48-76-A
bản Pá Vai	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 48' 34"	103° 29' 12"					F-48-75-B
núi Phá Thóng	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 53' 15"	103° 25' 36"					F-48-75-B
suối Phá Thóng	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 51' 40"	103° 28' 47"	20° 52' 52"	103° 31' 19"	F-48-75-B, F-48-76-A
bản Phổng	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 17"	103° 34' 52"					F-48-76-A
núi Pu Cong	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 02"	103° 33' 13"					F-48-76-A
bản Púng Tòng	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 53' 55"	103° 33' 19"					F-48-76-A
núi Săn Púng	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 45"	103° 28' 31"					F-48-75-B
núi Trang Khang	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 50"	103° 26' 33"					F-48-75-B
núi Xả Trường	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 37"	103° 34' 29"					F-48-76-A
Đồn Biên phòng 445	KX	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 59' 35"	103° 28' 52"					F-48-75-B
nậm Ban	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			21° 00' 45"	103° 27' 13"	20° 57' 57"	103° 32' 56"	F-48-63-D, F-48-76-A
bản Bánh	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	21° 00' 04"	103° 28' 57"					F-48-75-B
nậm Bó	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			20° 56' 18"	103° 26' 06"	20° 58' 57"	103° 27' 33"	F-48-75-B
bản Cọ	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 59"	103° 31' 35"					F-48-76-A
nậm Cốp	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			21° 03' 06"	103° 29' 31"	21° 00' 10"	103° 29' 15"	F-48-63-D
huổi Hịa	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			21° 01' 40"	103° 28' 07"	21° 00' 16"	103° 28' 13"	F-48-63-D
huổi Hin	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			20° 57' 22"	103° 30' 53"	20° 57' 34"	103° 32' 24"	F-48-76-A
bản Huổi Cốp	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	21° 01' 29"	103° 29' 45"					F-48-63-D
bản Huổi Hin	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 57' 53"	103° 31' 53"					F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Huổi Hin	SV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 57' 52"	103° 28' 55"					F-48-75-B
pu Huổi Ít	SV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 01"	103° 32' 30"					F-48-76-A
pu Huổi Mạt	SV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 57' 31"	103° 25' 13"					F-48-75-B
pu Huổi Phải	SV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 59' 22"	103° 33' 10"					F-48-76-A
bản Kéo	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 44"	103° 31' 54"					F-48-76-A
bản Khá	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	21° 00' 36"	103° 28' 10"					F-48-63-D
bản Lầu	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 05"	103° 32' 23"					F-48-76-A
bản Liềng	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 59' 13"	103° 31' 10"					F-48-76-A
bản Lùn	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 59' 20"	103° 30' 46"					F-48-76-A
huổi Lùn	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			21° 01' 28"	103° 31' 32"	20° 59' 06"	103° 30' 51"	F-48-76-A
bản Nà Liền	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 59' 48"	103° 29' 00"					F-48-75-B
bản Nghịu	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	21° 00' 25"	103° 28' 33"					F-48-63-D
pu Pá Heo Mẹo	SV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 03"	103° 27' 39"					F-48-75-B
bản Phá Thoóng	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 02"	103° 25' 35"					F-48-75-B
bản Phải	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 32"	103° 32' 38"					F-48-76-A
huổi Phải	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			21° 00' 20"	103° 33' 16"	20° 59' 35"	103° 32' 02"	F-48-64-C
bản Phiêng Ban	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 54"	103° 28' 09"					F-48-75-B
huổi Púa	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			20° 58' 57"	103° 27' 33"	20° 59' 52"	103° 29' 25"	F-48-75-B
bản Púng	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 59' 39"	103° 30' 02"					F-48-75-B
bản Púng Cưởm	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 59' 22"	103° 26' 41"					F-48-75-B
pu Sang	SV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 56' 19"	103° 25' 10"					F-48-75-B
pu Tang Cấu	SV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 57' 48"	103° 32' 19"					F-48-76-A
pu Chống Sụa	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 03' 46"	103° 26' 00"					F-48-63-D
huổi Chưa	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 03' 48"	103° 21' 34"	21° 03' 39"	103° 19' 51"	F-48-63-D
bản Hin Chá	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 04' 33"	103° 19' 20"					F-48-63-D
huổi Hin Chá	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 05' 18"	103° 19' 48"	21° 04' 28"	103° 19' 11"	F-48-63-D
bản Huổi My	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 05' 32"	103° 17' 26"					F-48-63-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Huổi My	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 04' 36"	103° 17' 32"					F-48-63-D
bản Huổi Phô	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 04' 33"	103° 18' 28"					F-48-63-D
bản Huổi Sang	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 03' 01"	103° 25' 09"					F-48-63-D
bản Nậm Tỉa	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 24"	103° 24' 21"					F-48-63-D
suối Nậm Tỉa	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 02' 15"	103° 26' 15"	21° 04' 44"	103° 17' 07"	F-48-63-D
bản Phá Thoóng	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 01' 36"	103° 21' 43"					F-48-63-D
huổi Phá Thoóng	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 00' 59"	103° 23' 06"	21° 02' 38"	103° 21' 22"	F-48-63-D
pu Phua Ha	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 05' 37"	103° 18' 32"					F-48-63-D
dãy Pu Ha	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 04' 57"	103° 20' 43"					F-48-63-D
bản Pú Sút	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 40"	103° 18' 41"					F-48-63-D
pu Pú Sút	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 21"	103° 18' 50"					F-48-63-D
huổi Púng Báng	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 03' 44"	103° 24' 41"	21° 02' 40"	103° 22' 40"	F-48-63-D
bản Sam Kha	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 46"	103° 22' 48"					F-48-63-D
phu Sam Kha	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 03' 33"	103° 20' 58"					F-48-63-D
pu Sam Sậu	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 54"	103° 26' 51"					F-48-63-D
huổi Sang	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 03' 30"	103° 25' 23"	21° 02' 15"	103° 24' 24"	F-48-63-D
huổi Sút	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 01' 10"	103° 19' 50"	21° 01' 27"	103° 17' 24"	F-48-63-D
bản Ten Lán	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 35"	103° 19' 11"					F-48-63-D
đường tỉnh 105	KX	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp			20° 55' 48"	103° 35' 26"	20° 59' 30"	103° 38' 37"	F-48-76-A
bản Ban	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 50"	103° 35' 41"					F-48-76-A
bản Cang Mường	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 25"	103° 35' 50"					F-48-76-A
bản Co Hịnh	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 17"	103° 36' 59"					F-48-76-A
pu Có Lim	SV	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 20"	103° 34' 43"					F-48-76-A
bản Co Pồng	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 55' 58"	103° 36' 16"					F-48-76-A
bản Hua Mường	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 13"	103° 35' 38"					F-48-76-A
pu Huổi Hay	SV	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 55' 51"	103° 35' 50"					F-48-76-A
bản Huổi Khăng	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 10"	103° 35' 15"					F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Pe	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 44"	103° 35' 26"					F-48-76-A
bản Lả Mường	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 34"	103° 35' 43"					F-48-76-A
bản Nà Dìa	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 17"	103° 36' 28"					F-48-76-A
bản Nà Lốc	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 08"	103° 35' 52"					F-48-76-A
bản Nà Nó	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 37"	103° 36' 04"					F-48-76-A
bản Nà Sài	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 18"	103° 36' 12"					F-48-76-A
suối Nậm Công	TV	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp			20° 56' 56"	103° 34' 43"	20° 59' 32"	103° 38' 31"	F-48-76-A
bản Pá Hốc	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 16"	103° 39' 13"					F-48-76-A
pu Pá Tết	SV	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 59' 25"	103° 36' 12"					F-48-76-A
bản Pe	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 33"	103° 35' 19"					F-48-76-A
bản Pom Khăng	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 02"	103° 35' 36"					F-48-76-A
bản Sốp Nặm	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 40"	103° 36' 18"					F-48-76-A
bản Tà Cọ	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 58' 06"	103° 37' 55"					F-48-76-A
huổi Tà Cọ	TV	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp			20° 57' 42"	103° 39' 09"	20° 58' 09"	103° 37' 48"	F-48-76-A
tiểu khu 17	DC	TT. Thuận Châu	H. Thuận Châu	21° 26' 08"	103° 41' 36"					F-48-64-A
tổ 18	DC	TT. Thuận Châu	H. Thuận Châu	21° 25' 53"	103° 42' 01"					F-48-64-A
tổ 20	DC	TT. Thuận Châu	H. Thuận Châu	21° 25' 50"	103° 42' 14"					F-48-64-A
bản Đông	DC	TT. Thuận Châu	H. Thuận Châu	21° 26' 31"	103° 41' 12"					F-48-64-A
suối Bản Bông	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 16' 26"	103° 48' 22"	21° 15' 37"	103° 49' 11"	F-48-64-B
bản Búa	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 09"	103° 48' 34"					F-48-64-B
bản Buống	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 15' 49"	103° 49' 01"					F-48-64-B
huổi Có Nậm	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 16' 26"	103° 47' 04"	21° 16' 15"	103° 45' 31"	F-48-64-B
bản Dắt	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 32"	103° 48' 11"					F-48-64-B
bản Hang Bon	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 46"	103° 48' 05"					F-48-64-B
bản Hiềm	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 16"	103° 48' 41"					F-48-64-B
bản Hoi	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 54"	103° 47' 57"					F-48-64-B
núi Hua Búa Luông	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 18' 14"	103° 47' 35"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hua Lành	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 14' 37"	103° 45' 43"					F-48-64-D
núi Hua Nu	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 52"	103° 46' 02"					F-48-64-B
huổi Huổi Bay	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 14' 16"	103° 48' 17"	21° 15' 38"	103° 48' 30"	F-48-64-B, F-48-64-D
núi Huổi Bổ	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 15' 31"	103° 47' 00"					F-48-64-B
huổi Huổi Làng	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 13' 41"	103° 46' 32"	21° 15' 24"	103° 44' 42"	F-48-64-A, F-48-64-B, F-48-64-D
núi Huổi Lít	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 40"	103° 45' 26"					F-48-64-B
huổi Huổi Lít	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 17' 12"	103° 45' 55"	21° 16' 35"	103° 45' 45"	F-48-64-B
suối Huổi Nhộp	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 17' 42"	103° 47' 05"	21° 16' 26"	103° 48' 22"	F-48-64-B
huổi Huổi Pảng	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 13' 46"	103° 47' 15"	21° 14' 16"	103° 48' 17"	F-48-64-D
bản Khoang	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 06"	103° 49' 13"					F-48-64-B
huổi Kia Luông	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 13' 35"	103° 47' 52"	21° 13' 46"	103° 48' 21"	F-48-64-D
huổi Kia Nọi	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 13' 26"	103° 47' 23"	21° 14' 07"	103° 48' 24"	F-48-64-D
bản Lầm A	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 03"	103° 48' 43"					F-48-64-B
bản Lầm B	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 17"	103° 48' 52"					F-48-64-B
bản Lếch Lè	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 15' 55"	103° 48' 54"					F-48-64-B
bản Pá Lầu	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 14' 39"	103° 45' 14"					F-48-64-D
bản Phát	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 15' 53"	103° 49' 24"					F-48-64-B
huổi Phát Thóng	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 15' 12"	103° 46' 05"	21° 15' 50"	103° 45' 08"	F-48-64-B
bản Phé	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 00"	103° 48' 05"					F-48-64-B
bản Pùa	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 13"	103° 47' 42"					F-48-64-B
núi Săn Hồn Huốt	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 19"	103° 49' 07"					F-48-64-B
huổi Tặp	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 14' 27"	103° 46' 56"	21° 15' 12"	103° 46' 05"	F-48-64-B, F-48-64-D
phu Tát Lít	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 22"	103° 45' 30"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tày Làng	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 08"	103° 47' 00"					F-48-64-B
núi Ten Háy	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 14"	103° 47' 27"					F-48-64-B
núi Ten Hay Quốc	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 37"	103° 49' 59"					F-48-64-B
núi Ten Sam Xẩu	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 14' 26"	103° 47' 31"					F-48-64-D
bản Thán Nọi	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 18' 05"	103° 47' 15"					F-48-64-B
bản Tó Té	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 49"	103° 48' 12"					F-48-64-B
huổi Túp Côn	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 17' 12"	103° 46' 52"	21° 16' 35"	103° 45' 45"	F-48-64-B
huổi Bẻ	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 27' 16"	103° 54' 17"	21° 26' 51"	103° 54' 55"	F-48-64-B
bản Bó	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 38"	103° 49' 55"					F-48-64-B
núi Cây Con Khỉ	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 39"	103° 48' 19"					F-48-64-B
bản Cha	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 09"	103° 53' 43"					F-48-64-B
núi Chom Loi Luông	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 31"	103° 52' 41"					F-48-64-B
bản Cọ Củ	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 10"	103° 51' 06"					F-48-64-B
bản Đông Mạ	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 15"	103° 50' 27"					F-48-64-B
huổi Gim	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 26' 51"	103° 54' 55"	21° 26' 26"	103° 56' 28"	F-48-64-B
núi Kéo Lộc	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 32"	103° 49' 39"					F-48-64-B
núi Kéo Nội	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 49"	103° 49' 24"					F-48-64-B
nặm Khiêng	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 28' 11"	103° 50' 06"	21° 29' 39"	103° 47' 26"	F-48-64-B
phu Lán Lanh	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 27"	103° 48' 39"					F-48-64-B
núi Loi Luông	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 50"	103° 47' 41"					F-48-64-B
bản Lọng Cu	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 29' 23"	103° 48' 35"					F-48-64-B
bản Lót	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 14"	103° 55' 01"					F-48-64-B
núi Lương Khôm	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 27"	103° 52' 06"					F-48-64-B
bản Măn	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 29"	103° 54' 52"					F-48-64-B
pu Mãn	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 18"	103° 48' 51"					F-48-64-B
huổi May	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 27' 23"	103° 53' 24"	21° 27' 38"	103° 51' 58"	F-48-64-B
bản Mười	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 13"	103° 50' 50"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Na Cảng Pa	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 28' 10"	103° 50' 43"	21° 28' 11"	103° 50' 06"	F-48-64-B
bản Nà Hốc	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 36"	103° 54' 43"					F-48-64-B
suối Nà Pan	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 27' 42"	103° 54' 13"	21° 27' 19"	103° 54' 53"	F-48-64-B
bản Nà Sài	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 12"	103° 51' 38"					F-48-64-B
bản Nà Sành	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 19"	103° 48' 27"					F-48-64-B
bản Nà Ten	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 52"	103° 55' 48"					F-48-64-B
bản Nà Viềng	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 48"	103° 49' 05"					F-48-64-B
bản Nong Bon	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 44"	103° 49' 08"					F-48-64-B
bản Nong Sàng	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 49"	103° 48' 18"					F-48-64-B
núi Pá Lay Lương	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 42"	103° 50' 20"					F-48-64-B
bản Phai Khon	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 43"	103° 55' 14"					F-48-64-B
đồi Phiêng Bứ	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 10"	103° 55' 25"					F-48-64-B
núi Pom Chiêng Pưn	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 19"	103° 55' 31"					F-48-64-B
núi Pom Co Ca	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 25' 41"	103° 54' 34"					F-48-64-B
núi Pom Đen Đin	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 38"	103° 51' 00"					F-48-64-B
núi Pom Đen Ong	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 45"	103° 49' 52"					F-48-64-B
núi Pom Nả Lán	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 05"	103° 52' 44"					F-48-64-B
núi Pom Ngu Lươm	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 52"	103° 47' 53"					F-48-64-B
núi Pom Xay	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 24"	103° 55' 33"					F-48-64-B
núi Pú Cút	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 48"	103° 52' 59"					F-48-64-B
đồi Pú Măn	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 15"	103° 54' 43"					F-48-64-B
pu Quai Càng Kéo	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 01"	103° 53' 01"					F-48-64-B
bản Sản	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 32"	103° 52' 41"					F-48-64-B
núi Săn Co Bay	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 48"	103° 51' 18"					F-48-64-B
bản Sói	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 08"	103° 48' 56"					F-48-64-B
núi Sư Khảu Sưa Ton	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 30"	103° 50' 02"					F-48-64-B
núi Ten Pom Po	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 25' 43"	103° 49' 05"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 6	KX	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu			21° 23' 58"	103° 46' 08"	21° 21' 22"	103° 48' 26"	F-48-64-B
bản Bắc Cường	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 37"	103° 47' 03"					F-48-64-B
suối Ban	TV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu			21° 21' 48"	103° 46' 21"	21° 23' 57"	103° 46' 07"	F-48-64-B
núi Bôm Chặp	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 39"	103° 46' 25"					F-48-64-B
núi Bôm Mẹt	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 20' 50"	103° 47' 30"					F-48-64-B
bản Chăn	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 29"	103° 45' 27"					F-48-64-B
đèo Chiềng Pấc	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 30"	103° 46' 53"					F-48-64-B
núi Co Cao	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 47"	103° 47' 11"					F-48-64-B
bản Co Kham	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 52"	103° 46' 39"					F-48-64-B
núi Co Pục	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 18"	103° 46' 55"					F-48-64-B
bản Co Trạng	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 16"	103° 46' 10"					F-48-64-B
núi Huổi Cuống	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 49"	103° 46' 06"					F-48-64-B
núi Huổi Mi Chốc	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 33"	103° 48' 11"					F-48-64-B
núi Kéo Búa Non	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 59"	103° 48' 40"					F-48-64-B
núi Kéo Hang Nộc	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 56"	103° 44' 16"					F-48-64-A
bản Kéo Pháy	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 34"	103° 46' 35"					F-48-64-B
núi Lán Nanh	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 54"	103° 47' 26"					F-48-64-B
bản Lẩy	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 01"	103° 45' 03"					F-48-64-B
suối Lẩy	TV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu			21° 22' 39"	103° 43' 44"	21° 21' 54"	103° 45' 31"	F-48-64-A, F-48-64-B
bản Lốm Hượn	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 13"	103° 47' 23"					F-48-64-B
núi Lọng Hượn	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 13"	103° 47' 20"					F-48-64-B
bản Mé	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 11"	103° 47' 46"					F-48-64-B
bản Nà Hón	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 11"	103° 46' 20"					F-48-64-B
bản Nà Ne	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 14"	103° 46' 31"					F-48-64-B
núi Na Nong Hon	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 55"	103° 45' 44"					F-48-64-B
bản Nà Tói	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 59"	103° 46' 18"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nam Tiến	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 36"	103° 48' 03"					F-48-64-B
bản Nong Sản	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 17"	103° 46' 26"					F-48-64-B
bản Noong Ỏ	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 22"	103° 47' 02"					F-48-64-B
núi Pá Khoang	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 36"	103° 43' 36"					F-48-64-A
bản Pú Cá	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 27"	103° 46' 08"					F-48-64-B
núi Pu Lốm	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 21"	103° 44' 59"					F-48-64-B
núi Săn Bản Xả	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 17"	103° 43' 55"					F-48-64-A
núi Tà Lý	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 56"	103° 48' 57"					F-48-64-B
bản Tát	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 12"	103° 46' 49"					F-48-64-B
suối Tát	TV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu			21° 21' 06"	103° 47' 15"	21° 21' 48"	103° 46' 21"	F-48-64-B
núi Tói	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 16"	103° 46' 46"					F-48-64-B
núi Tre Búa	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 33"	103° 46' 41"					F-48-64-B
đường tỉnh 108	KX	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 20' 57"	103° 35' 39"	21° 25' 04"	103° 40' 28"	F-48-64-A
cầu Bản Nhộp	KX	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 24' 16"	103° 40' 09"					F-48-64-A
nậm Bôm	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 26' 53"	103° 37' 56"	21° 25' 17"	103° 40' 16"	F-48-64-A
bản Có	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 24"	103° 38' 16"					F-48-64-A
núi Cơ Pia	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 22' 03"	103° 36' 22"					F-48-64-A
bản Cun Lum	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 05"	103° 39' 15"					F-48-64-A
bản Cun Ten	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 19"	103° 39' 02"					F-48-64-A
núi Dấu Mỹ	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 23' 45"	103° 35' 30"					F-48-64-A
pu Hạng Khăn	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 22' 56"	103° 38' 25"					F-48-64-A
bản Hỏm	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 58"	103° 38' 43"					F-48-64-A
bản Hỏm A	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 47"	103° 37' 55"					F-48-64-A
bản Hỏm B	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 35"	103° 37' 47"					F-48-64-A
núi Hùa Huổi	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 24' 40"	103° 37' 09"					F-48-64-A
bản Hua Ty A	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 21' 21"	103° 35' 56"					F-48-64-A
bản Hua Ty B	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 21' 00"	103° 35' 59"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Huổi Bản Khem	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 28' 33"	103° 38' 18"					F-48-64-A
suối Huổi Búa	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 27' 39"	103° 37' 00"	21° 26' 35"	103° 36' 46"	F-48-64-A
suối Huổi Lăng	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 25' 15"	103° 37' 51"	21° 25' 26"	103° 39' 05"	F-48-64-A
suối Huổi Liệp	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 22' 33"	103° 37' 52"	21° 22' 36"	103° 39' 13"	F-48-64-A
suối Huổi Mện	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 25' 29"	103° 37' 55"	21° 25' 59"	103° 38' 48"	F-48-64-A
bản Huổi Nhộp	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 22' 50"	103° 35' 44"					F-48-64-A
núi Huổi Nhộp	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 23' 12"	103° 35' 41"					F-48-64-A
bản Huổi Pu	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 23' 11"	103° 38' 52"					F-48-64-A
núi Huổi Sặng	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 51"	103° 38' 37"					F-48-64-A
suối Huổi Sìa	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 21' 29"	103° 37' 14"	21° 20' 06"	103° 37' 38"	F-48-64-A
pu Huổi Sòi	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 57"	103° 37' 39"					F-48-64-A
suối Huổi Sòi	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 27' 08"	103° 38' 47"	21° 26' 20"	103° 38' 27"	F-48-64-A
núi Huổi Thẳm	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 20' 31"	103° 37' 58"					F-48-64-A
bản Ít Cang	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 14"	103° 36' 17"					F-48-64-A
suối Ít Cang	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 24' 15"	103° 35' 30"	21° 26' 10"	103° 36' 16"	F-48-64-A
bản Khem A	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 28' 16"	103° 37' 21"					F-48-64-A
bản Khem B	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 28' 02"	103° 37' 25"					F-48-64-A
bản Lái Cang	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 34"	103° 38' 49"					F-48-64-A
bản Lái Lọng	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 29"	103° 38' 53"					F-48-64-A
bản Lái Ten	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 40"	103° 38' 46"					F-48-64-A
núi Lông Nọi	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 22' 14"	103° 37' 46"					F-48-64-A
bản Lứu	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 44"	103° 38' 01"					F-48-64-A
bản Mỏ	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 24' 59"	103° 39' 48"					F-48-64-A
bản Nà Lét	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 50"	103° 39' 06"					F-48-64-A
bản Nà Tắm	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 37"	103° 36' 56"					F-48-64-A
bản Nà Trạng	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 11"	103° 38' 46"					F-48-64-A
bản Nhộp	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 24' 44"	103° 40' 15"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nhộp	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 22' 28"	103° 36' 26"	21° 23' 58"	103° 40' 08"	F-48-64-A
pu Nó Ngua 1+2	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 11"	103° 36' 34"					F-48-64-A
suối Nong Lào	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 20' 56"	103° 36' 30"	21° 20' 06"	103° 37' 38"	F-48-64-A
núi Nóng Lông	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 49"	103° 35' 42"					F-48-64-A
bản Pá Hốc	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 46"	103° 37' 22"					F-48-64-A
pòm Phạ Té	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 34"	103° 38' 32"					F-48-64-A
huổi Phải Pắn	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 53"	103° 38' 25"					F-48-64-A
bản Phiêng Hàm	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 23' 09"	103° 38' 31"					F-48-64-A
bản Pòm Khoảng A	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 34"	103° 39' 18"					F-48-64-A
bản Pòm Khoảng B	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 21"	103° 39' 27"					F-48-64-A
bản Pọng	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 22"	103° 38' 28"					F-48-64-A
bản Pu Ca	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 49"	103° 38' 51"					F-48-64-A
huổi Tát	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 25' 55"	103° 38' 01"	21° 26' 09"	103° 38' 32"	F-48-64-A
bản Ten Muông	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 02"	103° 39' 34"					F-48-64-A
bản Tịm A	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 30"	103° 37' 15"					F-48-64-A
bản Tịm B	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 21"	103° 37' 27"					F-48-64-A
nặm Ty	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 20' 06"	103° 37' 38"	21° 20' 39"	103° 39' 13"	F-48-64-A
suối Viềng	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 24' 12"	103° 35' 01"	21° 26' 14"	103° 35' 49"	F-48-64-A
đường tỉnh 107	KX	xã Chiềng La	H. Thuận Châu			21° 31' 39"	103° 42' 26"	21° 30' 49"	103° 43' 33"	F-48-52-C
núi Búa Hẹt	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 29' 38"	103° 41' 42"					F-48-64-A
bản Cát	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 18"	103° 40' 44"					F-48-52-C
bản Hướn Kho	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 18"	103° 41' 41"					F-48-52-C
bản Lả Lốm	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 30' 33"	103° 42' 29"					F-48-52-C
núi Lán Luông	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 34"	103° 42' 06"					F-48-52-C
núi Loi Luông	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 30' 42"	103° 40' 31"					F-48-52-C
bản Lọng Cạo	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 19"	103° 41' 25"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lọng Phủ Nhaứ	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 48"	103° 41' 44"					F-48-52-C
bản Nong Lanh	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 18"	103° 42' 51"					F-48-52-C
bản Nưa	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 00"	103° 41' 55"					F-48-52-C
núi Pom Cát	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 38"	103° 40' 05"					F-48-52-C
núi Pom Me	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 32' 07"	103° 41' 19"					F-48-52-C
núi Pom Pu Púa	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 29' 36"	103° 40' 11"					F-48-64-A
núi Pom Púa	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 32' 07"	103° 40' 05"					F-48-52-C
núi Pom Thẳm Chê Bệ	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 05"	103° 42' 41"					F-48-52-C
bản Pu Maứ	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 30' 46"	103° 42' 16"					F-48-52-C
bản Song	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 29' 52"	103° 40' 31"					F-48-64-A
bản Tảư	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 07"	103° 41' 37"					F-48-52-C
bản Bằng Mặn	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 25' 39"	103° 40' 16"					F-48-64-A
bản Bó Nưa	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 47"	103° 40' 27"					F-48-64-A
núi Bó Nưa	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 34"	103° 39' 48"					F-48-64-A
bản Bó Tớ	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 55"	103° 40' 45"					F-48-64-A
bản Bôm Bao	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 28' 38"	103° 42' 03"					F-48-64-A
bản Bôm Lầu	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 28' 47"	103° 43' 18"					F-48-64-A
núi Búa Kết	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 24' 48"	103° 40' 23"					F-48-64-A
pu Căm	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 29' 02"	103° 42' 10"					F-48-64-A
huổi Cáy	TV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu			21° 27' 33"	103° 41' 28"	21° 27' 24"	103° 42' 36"	F-48-64-A
bản Cụ	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 28' 28"	103° 41' 10"					F-48-64-A
bản Hán	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 29' 13"	103° 40' 42"					F-48-64-A
núi Huổi Rang	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 28' 24"	103° 42' 18"					F-48-64-A
bản Huông	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 25' 44"	103° 41' 34"					F-48-64-A
núi Lan Can	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 29' 04"	103° 41' 11"					F-48-64-A
núi Lông Bay	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 27' 23"	103° 41' 20"					F-48-64-A
bản Lòng Mòn	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 25' 07"	103° 40' 41"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lụng Khoang	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 29' 04"	103° 43' 44"					F-48-64-A
bản Nà Bon	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 25' 57"	103° 40' 44"					F-48-64-A
bản Nà Cài	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 17"	103° 40' 45"					F-48-64-A
bản Nà Nghè	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 25' 30"	103° 40' 43"					F-48-64-A
bản Nà Tong	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 27' 36"	103° 41' 57"					F-48-64-A
bản Nong Hay	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 27' 27"	103° 42' 07"					F-48-64-A
bản Pán	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 43"	103° 40' 55"					F-48-64-A
bản Phiêng Xạ	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 08"	103° 40' 43"					F-48-64-A
huổi Ướt	TV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu			21° 26' 23"	103° 39' 28"	21° 26' 23"	103° 40' 51"	F-48-64-A
núi Xà Le	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 29' 22"	103° 41' 53"					F-48-64-A
bản Chao	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 29' 21"	103° 46' 43"					F-48-64-B
núi Đao	SV	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 32' 25"	103° 44' 22"					F-48-52-C
bản Huổi Lán	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 32' 21"	103° 46' 45"					F-48-52-D
núi Lỷ	SV	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 32' 01"	103° 43' 31"					F-48-52-C
bản Mện	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 30' 18"	103° 44' 53"					F-48-52-C
bản Mùa	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 29' 52"	103° 46' 05"					F-48-64-B
suối Muội	TV	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu			21° 29' 06"	103° 46' 59"	21° 31' 55"	103° 43' 06"	F-48-52-C, F-48-52-D, F-48-64-B
bản Nà Cưa	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 31' 15"	103° 44' 06"					F-48-52-C
núi Ngậm	SV	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 28' 29"	103° 45' 59"					F-48-64-B
bản Ngàm Nưa	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 31' 13"	103° 44' 33"					F-48-52-C
bản Ngám Tở	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 31' 24"	103° 44' 21"					F-48-52-C
bản Nong Cạn	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 31' 06"	103° 47' 20"					F-48-52-D
núi Pá Sói	SV	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 28' 43"	103° 46' 04"					F-48-64-B
bản Pù	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 28' 57"	103° 47' 38"					F-48-64-B
núi Pù Ướt	SV	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 28' 39"	103° 47' 30"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Quây	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 30' 18"	103° 46' 45"					F-48-52-D
bản Sẳng	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 28' 40"	103° 46' 44"					F-48-64-B
bản Tam	DC	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 30' 04"	103° 46' 00"					F-48-52-D
núi Tênh Hươn	SV	xã Chiềng Ngàm	H. Thuận Châu	21° 30' 45"	103° 44' 16"					F-48-52-C
tổ 1	DC	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 25' 08"	103° 45' 40"					F-48-64-B
núi Bu Ca	SV	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 23' 13"	103° 45' 43"					F-48-64-B
núi Búa Mu	SV	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 24' 31"	103° 45' 25"					F-48-64-B
núi Bướm Bon	SV	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 23' 55"	103° 47' 27"					F-48-64-B
bản Co Cại	DC	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 24' 20"	103° 45' 59"					F-48-64-B
núi Co Kẹ	SV	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 25' 07"	103° 46' 20"					F-48-64-B
núi Khâu Côm	SV	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 24' 26"	103° 46' 30"					F-48-64-B
huổi Lai	TV	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu			21° 23' 23"	103° 43' 33"	21° 24' 19"	103° 45' 51"	F-48-64-A, F-48-64-B
núi Lọng Kiến	SV	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 24' 28"	103° 47' 29"					F-48-64-B
bản Long Mén	DC	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 23' 51"	103° 45' 30"					F-48-64-B
bản Mảy	DC	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 24' 07"	103° 45' 20"					F-48-64-B
bản Máy Đường	DC	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 24' 50"	103° 45' 38"					F-48-64-B
bản Nà Khoang	DC	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 23' 45"	103° 45' 24"					F-48-64-B
bản Nà Lĩnh	DC	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 24' 51"	103° 45' 56"					F-48-64-B
núi Ná Ngúa	SV	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 23' 33"	103° 43' 30"					F-48-64-A
bản Nong Sa	DC	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 24' 38"	103° 45' 52"					F-48-64-B
bản Ten	DC	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 24' 14"	103° 46' 06"					F-48-64-B
núi Xen Cắm	SV	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 24' 01"	103° 44' 05"					F-48-64-A
bản Xi Măng 1	DC	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 23' 59"	103° 46' 12"					F-48-64-B
bản Xi Măng 2	DC	xã Chiềng Pấc	H. Thuận Châu	21° 24' 07"	103° 46' 10"					F-48-64-B
núi Cang Kéo	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 32' 16"	103° 39' 02"					F-48-52-C
bản Chộ	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 28' 56"	103° 39' 49"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hán	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 54"	103° 39' 35"					F-48-52-C
bản Hưng Nhân	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 11"	103° 38' 26"					F-48-52-C
suối Huổi Hin	TV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu			21° 29' 30"	103° 39' 30"	21° 28' 44"	103° 39' 41"	F-48-64-A
bản Huổi Nọi	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 09"	103° 38' 24"					F-48-52-C
bản Huổi Tát	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 17"	103° 36' 43"					F-48-52-C
núi Huổi Tát	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 11"	103° 36' 48"					F-48-52-C
bản Kén	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 29"	103° 39' 11"					F-48-52-C
núi Kéo Lốm	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 20"	103° 38' 54"					F-48-52-C
núi Lốm É	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 47"	103° 37' 27"					F-48-52-C
bản Lốm Hỏm	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 21"	103° 38' 43"					F-48-52-C
núi Lọng Huống	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 41"	103° 38' 28"					F-48-64-A
bản Lọng Phảng	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 28"	103° 37' 59"					F-48-52-C
bản Muông	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 09"	103° 39' 32"					F-48-64-A
bản Nà Khoang	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 26"	103° 39' 36"					F-48-64-A
bản Nà Neo	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 55"	103° 39' 02"					F-48-52-C
bản Nà Ta	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 48"	103° 39' 28"					F-48-64-A
núi Nả Thẳm	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 32' 07"	103° 39' 35"					F-48-52-C
bản Nà Trại	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 38"	103° 38' 05"					F-48-52-C
bản Ngà	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 36"	103° 39' 12"					F-48-64-A
bản Nong Lào	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 32' 08"	103° 38' 58"					F-48-52-C
núi Pú Cớ	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 42"	103° 39' 04"					F-48-52-C
bản Sai Trong	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 20"	103° 37' 33"					F-48-52-C
bản Tạng Phát	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 58"	103° 39' 10"					F-48-64-A
núi Thẳm Hẹ	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 32' 22"	103° 39' 41"					F-48-52-C
bản Trọ	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 37"	103° 37' 47"					F-48-52-C
đường tỉnh 108	KX	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 20' 57"	103° 35' 39"	21° 17' 58"	103° 32' 16"	F-48-64-A
núi Bản Cát	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 18' 06"	103° 33' 40"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Bản Mớ	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 18' 22"	103° 33' 31"					F-48-64-A
suối Cạn	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 19' 01"	103° 32' 32"	21° 17' 39"	103° 34' 02"	F-48-64-A
bản Cát	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 17' 52"	103° 34' 05"					F-48-64-A
suối Cát	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 19' 13"	103° 34' 27"	21° 17' 50"	103° 34' 14"	F-48-64-A
núi Chả Lay A	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 10"	103° 31' 16"					F-48-64-A
suối Chả Lay A	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 19' 44"	103° 31' 21"	21° 19' 01"	103° 32' 32"	F-48-64-A
bản Chả Lạy A	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 20' 42"	103° 30' 49"					F-48-64-A
bản Chả Lạy B	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 19' 50"	103° 32' 56"					F-48-64-A
núi Chín Đỉnh	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 38"	103° 34' 03"					F-48-64-A
bản Co Mạ	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 46"	103° 30' 38"					F-48-64-A
núi Co Mạ	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 23' 25"	103° 31' 11"					F-48-64-A
núi Cò Muông	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 26"	103° 25' 53"					F-48-63-B
bản Co Nghè A	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 49"	103° 29' 53"					F-48-63-B
bản Co Nghè B	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 23' 05"	103° 30' 32"					F-48-64-A
núi Cửa Rừng	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 15"	103° 34' 43"					F-48-64-A
suối Cửa Rừng	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 22' 14"	103° 34' 42"	21° 23' 07"	103° 32' 31"	F-48-64-A
huổi Dên	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 21' 59"	103° 27' 21"	21° 23' 45"	103° 25' 24"	F-48-63-B
núi Gốc Cây	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 20' 23"	103° 35' 06"					F-48-64-A
bản Hát Xiến	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 20' 15"	103° 25' 30"					F-48-63-B
bản Hua Lương	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 08"	103° 35' 26"					F-48-64-A
suối Hua Lương	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 20' 57"	103° 35' 38"	21° 23' 07"	103° 32' 31"	F-48-64-A
núi Hua Ty	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 18' 59"	103° 36' 34"					F-48-64-A
nậm Hua Ty	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 20' 50"	103° 35' 35"	21° 20' 06"	103° 37' 38"	F-48-64-A
bản Huổi Dên	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 44"	103° 26' 37"					F-48-63-B
bản Huổi Tính	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 37"	103° 25' 38"					F-48-63-B
núi Lá Mèo	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 31"	103° 35' 46"					F-48-64-A
bản Lào Hạ	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 23' 03"	103° 29' 08"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Mơ	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 22' 49"	103° 25' 42"	21° 23' 04"	103° 25' 08"	F-48-63-B
bản Mớ	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 19' 06"	103° 32' 27"					F-48-64-A
núi Mua Nhía Hua	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 23' 04"	103° 29' 25"					F-48-63-B
huổi Nâng	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 18' 23"	103° 35' 17"	21° 17' 50"	103° 34' 14"	F-48-64-A
bản Noong Vai	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 18' 58"	103° 33' 25"					F-48-64-A
bản Pá Ẩu	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 59"	103° 24' 42"					F-48-63-B
bản Pá Chả	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 28"	103° 27' 04"					F-48-63-B
suối Pá Chả	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 23' 16"	103° 35' 25"	21° 23' 11"	103° 34' 47"	F-48-64-A
núi Pá Mơ	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 37"	103° 25' 48"					F-48-63-B
núi Pá Ơ	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 46"	103° 25' 18"					F-48-63-B
bản Pá Pháy	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 02"	103° 27' 07"					F-48-63-B
bản Pha Khuông	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 42"	103° 31' 23"					F-48-64-A
suối Pha Khuông	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 20' 17"	103° 32' 17"	21° 19' 29"	103° 32' 36"	F-48-64-A
phu Pha Tính	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 20' 29"	103° 28' 50"					F-48-63-B
bản Po Mậu	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 31"	103° 26' 02"					F-48-63-B
núi Sa Nhá	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 43"	103° 26' 18"					F-48-63-B
bản Sa Nhá A	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 03"	103° 27' 24"					F-48-63-B
bản Sa Nhá B	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 20' 46"	103° 25' 38"					F-48-63-B
pu Sam Sẩu	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 19' 52"	103° 34' 16"					F-48-64-A
bản Sềnh Thàng	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 20"	103° 28' 38"					F-48-63-B
suối Ta Chán	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 18' 47"	103° 33' 59"	21° 17' 39"	103° 34' 02"	F-48-64-A
núi Trong Chùa	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 18' 39"	103° 33' 16"					F-48-64-A
núi Trống Chùa Ta	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 17' 32"	103° 33' 12"					F-48-64-A
bản Cá Chua	DC	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 17' 37"	103° 29' 30"					F-48-63-B
bản Co Cài	DC	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 17' 01"	103° 30' 44"					F-48-64-A
bản Co Nhừ	DC	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 18' 04"	103° 29' 48"					F-48-63-B
bản Co Tòng	DC	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 17' 41"	103° 30' 10"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Há Khúa	TV	xã Co Tòng	H. Thuận Châu			21° 19' 40"	103° 30' 58"	21° 18' 14"	103° 28' 43"	F-48-63-B, F-48-64-A
bản Há Khúa A	DC	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 18' 30"	103° 29' 01"					F-48-63-B
bản Há Khúa B	DC	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 18' 30"	103° 29' 08"					F-48-63-B
suối Nậm Phống	TV	xã Co Tòng	H. Thuận Châu			21° 17' 19"	103° 30' 30"	21° 17' 04"	103° 29' 32"	F-48-63-B, F-48-64-A
bản Pá Cháo A	DC	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 17' 52"	103° 29' 47"					F-48-63-B
bản Pá Cháo B	DC	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 17' 21"	103° 29' 32"					F-48-63-B
núi Pá Dúa	SV	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 19' 20"	103° 31' 08"					F-48-64-A
suối Pá Dúa	TV	xã Co Tòng	H. Thuận Châu			21° 18' 58"	103° 31' 22"	21° 17' 38"	103° 30' 40"	F-48-64-A
bản Pá Hốc	DC	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 17' 35"	103° 31' 50"					F-48-64-A
núi Pá Hốc	SV	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 17' 50"	103° 32' 29"					F-48-64-A
suối Pá Hốc	TV	xã Co Tòng	H. Thuận Châu			21° 17' 07"	103° 32' 13"	21° 17' 38"	103° 30' 40"	F-48-64-A
núi Thảm Xết	SV	xã Co Tòng	H. Thuận Châu	21° 19' 20"	103° 28' 21"					F-48-63-B
bản Đông Cụ	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 27' 28"	103° 27' 47"					F-48-63-B
nậm É	TV	xã É Tòng	H. Thuận Châu			21° 26' 28"	103° 30' 06"	21° 26' 19"	103° 26' 50"	F-48-63-B, F-48-64-A
bản Hát Lẹ	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 27' 04"	103° 30' 55"					F-48-64-A
huổi Hem	TV	xã É Tòng	H. Thuận Châu			21° 28' 15"	103° 28' 48"	21° 27' 36"	103° 27' 58"	F-48-63-B
bản Huổi Lanh A	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 28' 35"	103° 28' 17"					F-48-63-B
bản Huổi Lương	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 29' 22"	103° 27' 20"					F-48-63-B
bản Huổi Mạ	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 28' 05"	103° 29' 15"					F-48-63-B
phu Huổi Mạ	SV	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 28' 27"	103° 28' 38"					F-48-63-B
bản Long Nậm	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 26' 26"	103° 28' 46"					F-48-63-B
huổi Mạ	TV	xã É Tòng	H. Thuận Châu			21° 27' 42"	103° 29' 39"	21° 27' 12"	103° 28' 06"	F-48-63-B
bản Nà Hem	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 27' 41"	103° 28' 05"					F-48-63-B
bản Nà Lanh	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 28' 40"	103° 27' 32"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Mảnh	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 26' 31"	103° 29' 03"					F-48-63-B
bản Nà Sói	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 28' 01"	103° 27' 37"					F-48-63-B
bản Nà Tòng	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 26' 32"	103° 26' 58"					F-48-63-B
bản Nà vang	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 30' 51"	103° 27' 50"					F-48-51-D
suối Nậm Cá	TV	xã É Tòng	H. Thuận Châu			21° 29' 33"	103° 26' 57"	21° 27' 37"	103° 27' 52"	F-48-63-B
bản Nong Lạnh A	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 27' 24"	103° 28' 13"					F-48-63-B
bản Nong Lạnh B	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 27' 11"	103° 27' 41"					F-48-63-B
huổi Púa	TV	xã É Tòng	H. Thuận Châu			21° 28' 28"	103° 28' 25"	21° 27' 59"	103° 27' 32"	F-48-63-B
bản Ten	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 26' 40"	103° 28' 45"					F-48-63-B
bản Ten Muông	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 27' 17"	103° 28' 19"					F-48-63-B
bản Thẳm Ổn	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 29' 12"	103° 27' 02"					F-48-63-B
bản Tợ	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 27' 03"	103° 28' 27"					F-48-63-B
bản Xam Phổng	DC	xã É Tòng	H. Thuận Châu	21° 28' 23"	103° 27' 29"					F-48-63-B
bản Bãi Kia	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 32' 47"	103° 52' 37"					F-48-52-D
bản Bó Lươm Me Sim	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 31' 01"	103° 55' 26"					F-48-52-D
bản Cang	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 30' 21"	103° 55' 09"					F-48-52-D
bản Co Khết	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 29' 52"	103° 54' 58"					F-48-64-B
bản Co Phường	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 30' 28"	103° 53' 13"					F-48-52-D
sông Đà	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 33' 28"	103° 49' 06"	21° 29' 51"	103° 59' 32"	F-48-52-D, F-48-64-B
dãy núi Đen Đin	SV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 31' 58"	103° 50' 28"					F-48-52-D
bản Huổi Lỏng Ten Kim	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 32' 12"	103° 54' 27"					F-48-52-D
bản Ít Khết	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 32' 10"	103° 49' 44"					F-48-52-D
bản Kéo Co Muông	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 31' 39"	103° 53' 03"					F-48-52-D
huổi Khết	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 32' 50"	103° 49' 11"	21° 33' 08"	103° 49' 38"	F-48-52-D
bản Khôm Hịa	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 30' 58"	103° 55' 55"					F-48-52-D
dãy núi Khon Kén	SV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 31' 45"	103° 53' 46"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Lẹ	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 31' 13"	103° 51' 08"	21° 32' 33"	103° 51' 29"	F-48-52-D
suối Lụ	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 32' 10"	103° 49' 48"	21° 32' 46"	103° 50' 36"	F-48-52-D
suối Màng	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 31' 39"	103° 53' 08"	21° 32' 27"	103° 54' 07"	F-48-52-D
suối Mồng Luộng	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 30' 37"	103° 54' 59"	21° 31' 16"	103° 55' 40"	F-48-52-D
bản Pá Màng	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 32' 26"	103° 54' 00"					F-48-52-D
bản Pá Vinh	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 29' 41"	103° 58' 18"					F-48-64-B
dãy núi Sam Ka	SV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 30' 44"	103° 52' 32"					F-48-52-D
bản Tát	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 30' 12"	103° 57' 43"					F-48-52-D
bản Ten Khoang	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 33' 02"	103° 49' 44"					F-48-52-D
bản Ten Pá Hu	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 32' 26"	103° 51' 17"					F-48-52-D
núi Cán Tỷ	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 12"	103° 27' 36"					F-48-63-B
bản Cán Tỷ A	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 06"	103° 27' 14"					F-48-63-B
bản Cán Tỷ B	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 23' 37"	103° 26' 36"					F-48-63-B
núi Chả Bá Khôm	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 30"	103° 34' 51"					F-48-64-A
núi Cha Mại	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 06"	103° 32' 50"					F-48-64-A
bản Cha Mại A	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 26' 30"	103° 32' 19"					F-48-64-A
bản Cha Mại B	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 27' 18"	103° 32' 22"					F-48-64-A
bản Co Nhừ	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 41"	103° 31' 58"					F-48-64-A
huổi Dên	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 22' 58"	103° 26' 05"	21° 23' 45"	103° 25' 24"	F-48-63-B
huổi Dều	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 22' 50"	103° 27' 06"	21° 22' 58"	103° 26' 05"	F-48-63-B
nậm É	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 28' 00"	103° 32' 23"	21° 27' 22"	103° 31' 14"	F-48-64-A
bản Há Tàu	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 54"	103° 30' 30"					F-48-64-A
núi Hua Viếng	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 23' 43"	103° 34' 26"					F-48-64-A
bản Kéo Hẹ	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 06"	103° 29' 43"					F-48-63-B
pu Khảo	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 14"	103° 32' 43"					F-48-64-A
khe Thèn Thăng	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 23' 10"	103° 28' 46"	21° 23' 18"	103° 28' 30"	F-48-63-B
bản Long Hẹ	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 13"	103° 29' 23"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Nôm	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 45"	103° 25' 19"					F-48-63-B
dãy Nà Nư	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 42"	103° 25' 33"					F-48-63-B
bản Nặm Búa	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 26' 16"	103° 33' 41"					F-48-64-A
suối Nặm Búa	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 27' 02"	103° 33' 18"	21° 28' 00"	103° 32' 23"	F-48-64-A
bản Nặm Nhứ	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 35"	103° 29' 55"					F-48-63-B
suối Nặm Nhứ	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 24' 38"	103° 30' 08"	21° 26' 22"	103° 29' 24"	F-48-63-B, F-48-64-A
suối Nông Cốc	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 24' 01"	103° 34' 22"	21° 26' 46"	103° 33' 44"	F-48-64-A
bản Nông Cốc A	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 27"	103° 33' 57"					F-48-64-A
bản Nông Cốc B	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 37"	103° 34' 10"					F-48-64-A
núi Nông Cốc Nọi	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 53"	103° 34' 54"					F-48-64-A
bản Pá Púa	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 07"	103° 25' 53"					F-48-63-B
bản Pá Uổi	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 16"	103° 31' 31"					F-48-64-A
suối Pá Uổi	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 24' 03"	103° 33' 27"	21° 24' 17"	103° 31' 29"	F-48-64-A
bản Phiêng Mạt	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 23' 30"	103° 30' 18"					F-48-64-A
suối Pó Châu	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 25' 48"	103° 32' 45"	21° 27' 02"	103° 33' 18"	F-48-64-A
bản Pú Chắn	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 41"	103° 28' 28"					F-48-63-B
bản Pú Chứn	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 26' 15"	103° 28' 04"					F-48-63-B
núi Sam Sẩu	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 39"	103° 30' 25"					F-48-64-A
núi Tà Con	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 44"	103° 26' 44"					F-48-63-B
bản Ta Khom	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 47"	103° 27' 04"					F-48-63-B
núi Ta Khom	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 41"	103° 25' 53"					F-48-63-B
núi Trống Dênh	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 07"	103° 30' 44"					F-48-64-A
bản Viềng	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 26' 12"	103° 35' 43"					F-48-64-A
bản Bó	DC	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 20' 39"	103° 48' 50"					F-48-64-B
núi Bôn Quang Tẩu	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 21' 45"	103° 50' 05"					F-48-64-B
núi Bua Chay	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 20' 33"	103° 46' 35"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Chổi	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 20' 52"	103° 49' 54"					F-48-64-B
núi Co Ke	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 20' 51"	103° 48' 48"					F-48-64-B
bản Cống	DC	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 21' 14"	103° 49' 04"					F-48-64-B
bản Đông Hưng	DC	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 21' 21"	103° 49' 48"					F-48-64-B
núi Hua Co Nhương	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 20' 22"	103° 47' 41"					F-48-64-B
núi Kéo Bai	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 21' 32"	103° 48' 51"					F-48-64-B
núi Lán Đanh	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 20' 28"	103° 49' 16"					F-48-64-B
núi Lùng Ơt	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 20' 27"	103° 49' 59"					F-48-64-B
núi Lung Xả	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 20' 57"	103° 49' 27"					F-48-64-B
bản Muổi Nọi	DC	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 19' 51"	103° 49' 24"					F-48-64-B
bản Nà Sa	DC	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 19' 53"	103° 48' 51"					F-48-64-B
bản Nguồng	DC	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 20' 13"	103° 48' 35"					F-48-64-B
bản Phiêng Bông	DC	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 21' 14"	103° 48' 39"					F-48-64-B
núi Phòng Không	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 21' 48"	103° 49' 39"					F-48-64-B
núi Quai Nọi	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 20' 03"	103° 46' 40"					F-48-64-B
bản Sẳng	DC	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 19' 08"	103° 48' 28"					F-48-64-B
núi Tát Dương	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 18' 15"	103° 48' 54"					F-48-64-B
núi Ten Sáng	SV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 19' 17"	103° 47' 41"					F-48-64-B
bản Thán	DC	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 19' 46"	103° 48' 09"					F-48-64-B
huổi Thán	TV	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu			21° 20' 03"	103° 47' 01"	21° 20' 31"	103° 48' 50"	F-48-64-B
bản Xang	DC	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 18' 52"	103° 48' 02"					F-48-64-B
bản Xàng	DC	xã Muội Nọi	H. Thuận Châu	21° 19' 40"	103° 47' 45"					F-48-64-B
bản Bánh Ó	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 20' 53"	103° 24' 13"					F-48-63-B
bản Bôm Kham	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 22' 52"	103° 23' 52"					F-48-63-B
núi Chom Câu	SV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 21' 39"	103° 23' 28"					F-48-63-B
bản Còn Ong	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 51"	103° 23' 46"					F-48-63-B
núi Háng Ba	SV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 19' 52"	103° 24' 34"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Háng Dụa Dưới	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 19' 28"	103° 24' 30"					F-48-63-B
bản Háng Dụa Trên	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 19' 20"	103° 23' 48"					F-48-63-B
bản Hát Lượt	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 21' 38"	103° 24' 23"					F-48-63-B
bản Hát Pang	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 20' 50"	103° 24' 48"					F-48-63-B
suối Hát Pang	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 19' 43"	103° 22' 52"	21° 20' 49"	103° 25' 10"	F-48-63-B
suối Huổi Na	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 23' 45"	103° 25' 24"	21° 23' 21"	103° 24' 16"	F-48-63-B
bản Lào	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 23' 41"	103° 23' 36"					F-48-63-B
bản Nà Cẩu	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 21"	103° 22' 50"					F-48-63-B
bản Nà Cha	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 21' 12"	103° 23' 27"					F-48-63-B
bản Nà Hát A	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 13"	103° 23' 08"					F-48-63-B
bản Nà Hát B	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 02"	103° 23' 22"					F-48-63-B
bản Nà La A	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 23' 35"	103° 24' 17"					F-48-63-B
bản Nà La B	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 23' 21"	103° 24' 27"					F-48-63-B
bản Nà Làng	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 14"	103° 22' 19"					F-48-63-B
núi Nà Làng	SV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 23' 58"	103° 21' 12"					F-48-63-B
bản Nà Pa	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 22' 46"	103° 24' 02"					F-48-63-B
sông Nậm Bám	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 25' 31"	103° 20' 26"	21° 24' 17"	103° 22' 10"	F-48-63-B
suối Nậm Bám	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 24' 17"	103° 22' 10"	21° 23' 43"	103° 24' 05"	F-48-63-B
suối Nậm Húa	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 25' 42"	103° 24' 37"	21° 22' 04"	103° 23' 54"	F-48-63-B
nậm Húa	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 22' 04"	103° 23' 54"	21° 19' 37"	103° 25' 53"	F-48-63-B
suối Nậm Ún	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 22' 50"	103° 22' 10"	21° 22' 10"	103° 23' 09"	F-48-63-B
bản Nặm Ún	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 22' 29"	103° 22' 09"					F-48-63-B
bản Pá Ban	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 25' 07"	103° 20' 20"					F-48-63-B
bản Pá Chóng	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 22' 10"	103° 23' 40"					F-48-63-B
suối Pá Ỏ	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 22' 06"	103° 24' 30"	21° 22' 05"	103° 23' 54"	F-48-63-B
bản Pá Sàng	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 49"	103° 24' 06"					F-48-63-B
bản Phèn	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 23' 51"	103° 21' 45"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thẳm Đón	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 25' 13"	103° 20' 24"					F-48-63-B
bản Thẳm Tọ	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 25' 34"	103° 21' 23"					F-48-63-B
núi Thẳm Tọ	SV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 25' 34"	103° 21' 17"					F-48-63-B
bản Tư Làng Dưới A	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 19' 56"	103° 22' 13"					F-48-63-B
bản Tư Làng Dưới B	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 20' 11"	103° 22' 38"					F-48-63-B
quốc lộ 6	KX	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 34' 04"	103° 31' 11"	21° 32' 06"	103° 36' 32"	F-48-52-C
huổi Cả	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 32' 55"	103° 33' 53"	21° 31' 27"	103° 34' 16"	F-48-52-C
bản Cang Kéo	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 55"	103° 34' 44"					F-48-52-C
bản Chặp	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 16"	103° 34' 34"					F-48-52-C
suối Chiềng	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 31' 27"	103° 34' 16"	21° 29' 16"	103° 33' 47"	F-48-64-A, F-48-52-C
bản Chiềng Ve A	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 18"	103° 34' 46"					F-48-52-C
bản Chiềng Ve B	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 29"	103° 34' 35"					F-48-52-C
bản Co Cại	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 11"	103° 34' 24"					F-48-52-C
núi Cưu Kẹp	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 36"	103° 36' 25"					F-48-52-C
nậm Ét	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 33' 30"	103° 31' 15"	21° 31' 40"	103° 33' 07"	F-48-52-C
bản Hát Lụ	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 28' 11"	103° 31' 29"					F-48-64-A
nậm Hét	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 29' 16"	103° 33' 47"	21° 28' 00"	103° 32' 23"	F-48-64-A
núi Hoàng Nhày	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 58"	103° 36' 22"					F-48-52-C
bản Hua Công	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 30"	103° 31' 10"					F-48-52-C
núi Huất	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 37"	103° 33' 01"					F-48-52-C
bản Huổi Ai	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 33' 30"	103° 32' 04"					F-48-52-C
bản Huổi Cả	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 07"	103° 33' 59"					F-48-52-C
núi Huổi Có	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 46"	103° 29' 29"					F-48-51-D
núi Kiẻng	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 27"	103° 35' 57"					F-48-52-C
bản Kiẻng A	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 41"	103° 35' 11"					F-48-52-C
bản Kiẻng B	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 53"	103° 35' 10"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Len Muông	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 54"	103° 31' 01"					F-48-52-C
bản Lọng Hia	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 31"	103° 32' 53"					F-48-52-C
bản Nà Dên	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 07"	103° 34' 56"					F-48-52-C
bản Nà Đốc	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 19"	103° 34' 49"					F-48-52-C
bản Nà Há	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 50"	103° 33' 10"					F-48-52-C
bản Nà Lấu	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 23"	103° 33' 36"					F-48-52-C
bản Nà Lầu	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 00"	103° 33' 39"					F-48-52-C
bản Nà Lè	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 34"	103° 33' 38"					F-48-52-C
bản Nà Lụ	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 29' 54"	103° 34' 26"					F-48-64-A
bản Nà Sàng	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 17"	103° 33' 12"					F-48-52-C
bản Nà Vai	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 54"	103° 34' 03"					F-48-52-C
bản Nặm Nong	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 28' 37"	103° 32' 04"					F-48-64-A
bản Pá Đông	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 07"	103° 30' 44"					F-48-52-C
bản Pá Khôm	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 34' 02"	103° 31' 12"					F-48-52-C
suối Pá Lông	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 30' 26"	103° 30' 55"	21° 29' 05"	103° 30' 12"	F-48-64-A, F-48-52-C
bản Pá Ở	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 29' 40"	103° 32' 50"					F-48-64-A
bản Phạ	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 07"	103° 33' 53"					F-48-52-C
bản Phát	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 27"	103° 34' 33"					F-48-52-C
núi Po Giôn	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 10"	103° 35' 53"					F-48-52-C
bản Pom Mè	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 40"	103° 34' 14"					F-48-52-C
bản Tan	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 23"	103° 33' 17"					F-48-52-C
bản Tin Tốc Nưa	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 21"	103° 32' 43"					F-48-52-C
bản Tin Tốc Tơ	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 13"	103° 32' 57"					F-48-52-C
bản Tum	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 59"	103° 32' 47"					F-48-52-C
nậm Tum	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 31' 08"	103° 31' 48"	21° 31' 27"	103° 34' 16"	F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Khiêng	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 30' 35"	103° 49' 58"	21° 28' 43"	103° 51' 39"	F-48-52-D, F-48-64-B
suối Bản Lạn	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 30' 57"	103° 47' 31"	21° 28' 16"	103° 50' 48"	F-48-52-D, F-48-64-B
suối Bản Sát	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 30' 55"	103° 49' 58"	21° 30' 22"	103° 48' 38"	F-48-52-D
bản Bon	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 18"	103° 55' 49"					F-48-64-B
bản Củ	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 20"	103° 48' 50"					F-48-52-D
bản Đứa A	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 20"	103° 51' 15"					F-48-64-B
bản Đứa B	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 27' 59"	103° 54' 55"					F-48-64-B
bản Há	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 11"	103° 50' 33"					F-48-52-D
bản Hang	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 08"	103° 51' 31"					F-48-64-B
bản Hằng	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 38"	103° 52' 06"					F-48-64-B
hang Hin Tu	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 57"	103° 52' 16"					F-48-64-B
bản Hốc	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 45"	103° 56' 06"					F-48-64-B
bản Hống	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 01"	103° 51' 42"					F-48-64-B
bản Hua Sát	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 40"	103° 48' 49"					F-48-52-D
bản Hụn	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 15"	103° 52' 50"					F-48-64-B
bản Khiêng	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 50"	103° 51' 44"					F-48-64-B
bản Lạn	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 03"	103° 48' 59"					F-48-52-D
núi Lán Lanh	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 20"	103° 53' 08"					F-48-64-B
bản Nam	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 19"	103° 52' 15"					F-48-64-B
suối Nặm Tấc	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 27' 38"	103° 51' 58"	21° 28' 13"	103° 50' 57"	F-48-64-B
bản Nghịu	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 46"	103° 48' 00"					F-48-52-D
bản Nhốc	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 45"	103° 50' 31"					F-48-64-B
bản Nong Sàng	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 49"	103° 53' 53"					F-48-64-B
bản Nuống	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 18"	103° 50' 21"					F-48-52-D
bản Ỏ	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 36"	103° 49' 29"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kéo Pá Pạt	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 29"	103° 49' 11"					F-48-64-B
bản Phiêng Phé	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 53"	103° 51' 31"					F-48-64-B
bản Pợ	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 33"	103° 52' 05"					F-48-64-B
núi Pom Lạn Phá	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 55"	103° 48' 46"					F-48-64-B
núi Pom Pá Sàng	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 27' 31"	103° 55' 52"					F-48-64-B
bản Pồng	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 44"	103° 53' 00"					F-48-64-B
bản Pục	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 33"	103° 51' 03"					F-48-64-B
suối Quảng Vụ	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 28' 19"	103° 55' 21"	21° 27' 29"	103° 57' 00"	F-48-64-B
bản Sào Và	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 03"	103° 53' 25"					F-48-64-B
bản Sát	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 30"	103° 48' 34"					F-48-52-D
pu Tào	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 03"	103° 49' 32"					F-48-64-B
bản Thông	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 11"	103° 50' 00"					F-48-64-B
bản Tộn	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 10"	103° 52' 22"					F-48-64-B
bản Tứn	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 48"	103° 50' 32"					F-48-64-B
suối Vinh	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 28' 45"	103° 57' 03"	21° 29' 31"	103° 57' 53"	F-48-64-B
bản Xe	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 50"	103° 50' 45"					F-48-64-B
huổi Bai	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 16' 49"	103° 42' 39"	21° 17' 27"	103° 44' 49"	F-48-64-A
suối Bai	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 17' 32"	103° 40' 34"	21° 16' 49"	103° 42' 39"	F-48-64-A
bản Ban	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 15' 52"	103° 42' 09"					F-48-64-A
huổi Bản	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 04"	103° 44' 49"	21° 19' 01"	103° 43' 54"	F-48-64-A
núi Bán Đồ Tòng	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 49"	103° 45' 42"					F-48-64-B
núi Bia Đô Huổi Nhẹp	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 32"	103° 42' 08"					F-48-64-A
bản Biên	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 22' 27"	103° 42' 31"					F-48-64-A
suối Biên	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 22' 00"	103° 42' 45"	21° 21' 38"	103° 42' 14"	F-48-64-A
huổi Búa	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 28"	103° 40' 51"	21° 19' 17"	103° 40' 36"	F-48-64-A
pu Bủa Nang	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 16' 12"	103° 43' 58"					F-48-64-A
núi Hua Pá En	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 29"	103° 45' 39"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Kép	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 07"	103° 39' 11"					F-48-64-A
pu Huổi Lảnh	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 17' 59"	103° 40' 48"					F-48-64-A
núi Huổi Liêng Lọ	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 22' 17"	103° 43' 55"					F-48-64-A
bản Huổi Xưa	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 03"	103° 37' 54"					F-48-64-A
bản Ít Kuông	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 20"	103° 45' 08"					F-48-64-B
bản Ít Mặn	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 58"	103° 44' 01"					F-48-64-A
núi Kéo Cắn Lán	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 03"	103° 45' 16"					F-48-64-B
núi Kéo Sái	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 58"	103° 46' 45"					F-48-64-B
suối Kép	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 18' 29"	103° 37' 40"	21° 19' 14"	103° 40' 09"	F-48-64-A
suối Khẩu Cắm	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 36"	103° 43' 29"	21° 20' 00"	103° 42' 50"	F-48-64-A
nậm Lầu	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 57"	103° 40' 34"	21° 21' 26"	103° 41' 48"	F-48-64-A
núi Len Đin	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 48"	103° 45' 36"					F-48-64-B
bản Lọng Chộc	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 22' 27"	103° 42' 22"					F-48-64-A
bản Lọng Lầu	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 51"	103° 43' 41"					F-48-64-A
pu Luông	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 16' 58"	103° 39' 14"					F-48-64-A
huổi Luông	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 05"	103° 41' 23"	21° 18' 27"	103° 41' 50"	F-48-64-A
bản Mỏ	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 03"	103° 46' 43"					F-48-64-B
bản Nà Há	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 38"	103° 44' 17"					F-48-64-A
suối Nà Hè	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 21' 47"	103° 43' 57"	21° 19' 16"	103° 43' 36"	F-48-64-A
bản Nà Ít	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 22"	103° 44' 36"					F-48-64-A
bản Nà Kẹ	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 46"	103° 46' 04"					F-48-64-B
bản Nà Nọi	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 53"	103° 44' 03"					F-48-64-A
bản Nà Tòng	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 37"	103° 44' 26"					F-48-64-A
núi Nặm Lầu	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 19"	103° 42' 20"					F-48-64-A
bản Nặm Lậu	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 00"	103° 42' 46"					F-48-64-A
bản Nong	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 21"	103° 42' 30"					F-48-64-A
núi Nọng Một	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 23' 01"	103° 42' 29"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nong Ten	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 16"	103° 46' 12"					F-48-64-B
bản Pa O	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 16' 55"	103° 44' 48"					F-48-64-A
núi Pá Trả	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 23' 25"	103° 42' 33"					F-48-64-A
bản Pài	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 46"	103° 45' 04"					F-48-64-B
huổi Phai	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 22' 14"	103° 42' 23"	21° 21' 25"	103° 42' 07"	F-48-64-A
suối Phai	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 21' 25"	103° 42' 07"	21° 20' 00"	103° 42' 50"	F-48-64-A
bản Phúc	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 53"	103° 43' 02"					F-48-64-A
phu Pom Bao	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 23' 16"	103° 43' 19"					F-48-64-A
bản Tăng	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 38"	103° 43' 19"					F-48-64-A
núi Tếnh Hướn Nà Kẹ	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 43"	103° 46' 31"					F-48-64-B
bản Thẩm Phé	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 32"	103° 39' 27"					F-48-64-A
suối Thẩm Phé	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 21' 35"	103° 39' 59"	21° 20' 39"	103° 39' 13"	F-48-64-A
nậm Ty	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 06"	103° 37' 38"	21° 15' 24"	103° 44' 42"	F-48-64-A, F-48-64-B
bản Xa Hòn	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 16' 56"	103° 40' 28"					F-48-64-A
bản Xanh	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 09"	103° 45' 37"					F-48-64-B
đường tỉnh 107	KX	xã Nong Lay	H. Thuận Châu			21° 30' 49"	103° 43' 32"	21° 27' 54"	103° 44' 56"	F-48-52-C, F-48-64-A
bản Bó Mạ	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 30' 05"	103° 43' 52"					F-48-52-C
bản Co Kham	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 30' 21"	103° 43' 43"					F-48-52-C
bản Co Quên	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 30' 14"	103° 43' 41"					F-48-52-C
bản Cửa Hàng	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 52"	103° 43' 58"					F-48-64-A
bản Huổi Púa	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 51"	103° 44' 04"					F-48-64-A
bản Khuổi Khôm	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 24"	103° 44' 16"					F-48-64-A
bản Liên Minh A	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 16"	103° 44' 26"					F-48-64-A
bản Liên Minh B	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 00"	103° 44' 45"					F-48-64-A
bản Lọng Hém	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 28"	103° 44' 02"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lụng Muông	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 53"	103° 44' 35"					F-48-64-A
núi Má Khấu	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 50"	103° 43' 21"					F-48-64-A
khe Me Tay	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 56"	103° 44' 13"					F-48-64-A
bản Noong Giẳng	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 11"	103° 44' 55"					F-48-64-A
bản Noong Lay	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 34"	103° 44' 24"					F-48-64-A
bản Phiêng Phớ	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 26"	103° 44' 07"					F-48-64-A
bản Quyết Thắng A	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 30' 00"	103° 43' 01"					F-48-64-A
bản Quyết Thắng B	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 30' 09"	103° 43' 15"					F-48-64-A
hang Thẩm Phẳng	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 28"	103° 44' 16"					F-48-64-A
núi Thẩm Phẳng	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 25"	103° 44' 45"					F-48-64-A
phố Xa Lé	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 27"	103° 42' 42"					F-48-64-A
hang Xưởng In	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 40"	103° 45' 03"					F-48-64-B
bản Bó	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 14' 10"	103° 34' 11"					F-48-64-C
núi Chăn Trâu	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 17' 12"	103° 32' 42"					F-48-64-A
huổi Còi	TV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu			21° 14' 26"	103° 34' 07"	21° 14' 44"	103° 34' 07"	F-48-64-C
núi Đá Đảnh	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 13' 35"	103° 34' 15"					F-48-64-C
bản Há Dụ	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 15' 39"	103° 31' 36"					F-48-64-A
bản Hua Dấu	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 15' 47"	103° 30' 38"					F-48-64-A
bản Hua Ngáy	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 15' 32"	103° 31' 51"					F-48-64-A
suối Huổi Ngáy	TV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu			21° 15' 37"	103° 32' 44"	21° 14' 37"	103° 31' 46"	F-48-64-A, F-48-64-C
bản Ká Kê	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 25"	103° 32' 42"					F-48-64-A
huổi Ngang	TV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu			21° 16' 15"	103° 31' 39"	21° 15' 29"	103° 32' 31"	F-48-64-A
núi Nhà Thờ	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 23"	103° 30' 57"					F-48-64-A
núi Pá Lông Lớn	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 15' 55"	103° 31' 27"					F-48-64-A
núi Pá Lông Nhỏ	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 23"	103° 31' 39"					F-48-64-A
bản Pá Ní	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 13' 57"	103° 33' 05"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pá Nột	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 23"	103° 32' 02"					F-48-64-A
suối Pha Lón	TV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu			21° 16' 00"	103° 32' 40"	21° 16' 26"	103° 33' 22"	F-48-64-A
núi Pú Ma	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 14' 44"	103° 32' 47"					F-48-64-C
núi Pú Pá Khum	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 14' 26"	103° 33' 22"					F-48-64-C
mỏm núi San Co Lìn	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 10"	103° 33' 24"					F-48-64-A
bản Sấu Mê	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 14' 50"	103° 33' 43"					F-48-64-C
bản Tịa Tậu	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 40"	103° 31' 24"					F-48-64-A
bản Tinh Lá	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 13' 57"	103° 34' 12"					F-48-64-C
quốc lộ 6	KX	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu			21° 34' 04"	103° 31' 12"	21° 32' 00"	103° 37' 58"	F-48-52-C
núi Chống Cua	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 35' 51"	103° 38' 22"					F-48-52-C
núi Chống Sai	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 36' 05"	103° 37' 57"					F-48-52-C
núi Con Linh	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 35' 35"	103° 38' 51"					F-48-52-C
núi Cứu Co Ban	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 52"	103° 35' 31"					F-48-52-C
bản Đông Quan	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 41"	103° 37' 20"					F-48-52-C
núi Hua Lái	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 34' 48"	103° 31' 49"					F-48-52-C
bản Huổi Giếng	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 35' 29"	103° 37' 43"					F-48-52-C
bản Khau Lay	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 38"	103° 36' 59"					F-48-52-C
bản Kiến Xương	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 18"	103° 37' 42"					F-48-52-C
bản Kính	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 59"	103° 36' 01"					F-48-52-C
suối Lá Bay	TV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu			21° 33' 56"	103° 32' 46"	21° 33' 13"	103° 36' 03"	F-48-52-C
bản Lái Bay	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 28"	103° 33' 43"					F-48-52-C
bản Lái Cang	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 40"	103° 34' 23"					F-48-52-C
bản Lái Lè	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 13"	103° 34' 57"					F-48-52-C
bản Lốm Púa	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 22"	103° 37' 58"					F-48-52-C
bản Long On	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 11"	103° 36' 23"					F-48-52-C
núi Long Quai	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 37' 54"	103° 34' 30"					F-48-52-C
núi Lung Cạy	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 36' 32"	103° 36' 20"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mặn Giắt	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 35' 20"	103° 36' 52"					F-48-52-C
bản Mô Cổng	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 34' 09"	103° 35' 41"					F-48-52-C
bản Nà Ngụa	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 59"	103° 32' 05"					F-48-52-C
bản Pá Chặp	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 59"	103° 36' 34"					F-48-52-C
bản Pe	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 14"	103° 36' 58"					F-48-52-C
bản Phao Lao	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 36' 30"	103° 36' 49"					F-48-52-C
bản Phiêng Hồ	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 35' 12"	103° 32' 48"					F-48-52-C
núi Phiêng Hồ	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 37' 18"	103° 34' 36"					F-48-52-C
bản Phiêng Luông	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 36' 11"	103° 34' 48"					F-48-52-C
núi Tang Khải	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 52"	103° 37' 24"					F-48-52-C
núi Thẩm Dương	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 31"	103° 36' 00"					F-48-52-C
bản Thư Vũ	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 49"	103° 37' 40"					F-48-52-C
bản Tiên Hưng	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 11"	103° 38' 05"					F-48-52-C
bản Bỉa	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 20"	103° 40' 35"					F-48-64-A
bản Cóng	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 57"	103° 40' 07"					F-48-64-A
bản Còng	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 31"	103° 40' 32"					F-48-64-A
bản Dửn	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 10"	103° 40' 13"					F-48-64-A
huổi Dửn	TV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu			21° 28' 44"	103° 39' 41"	21° 28' 28"	103° 39' 53"	F-48-64-A
núi Hay Té	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 04"	103° 39' 01"					F-48-64-A
núi Huổi Chỏn	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 30"	103° 40' 35"					F-48-64-A
núi Lán Lăm	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 10"	103° 40' 18"					F-48-64-A
huổi Lăng	TV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu			21° 28' 12"	103° 38' 19"	21° 27' 36"	103° 40' 11"	F-48-64-A
bản Lăng Luông	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 36"	103° 39' 52"					F-48-64-A
bản Lăng Nọi	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 02"	103° 39' 43"					F-48-64-A
suối Muôi	TV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu			21° 28' 28"	103° 39' 53"	21° 26' 58"	103° 40' 36"	F-48-64-A
bản Nà Lọ	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 36"	103° 39' 51"					F-48-64-A
bản Nà Nọi	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 17"	103° 39' 39"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Thái	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 47"	103° 40' 11"					F-48-64-A
bản Nà Xa	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 04"	103° 40' 05"					F-48-64-A
bản Nong Pồng	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 44"	103° 38' 52"					F-48-64-A
núi Phạ Té	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 10"	103° 39' 05"					F-48-64-A
bản Phiêng Cại	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 18"	103° 39' 58"					F-48-64-A
núi Pu Muông	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 53"	103° 39' 17"					F-48-64-A
núi Bá Chả	SV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 26' 48"	103° 35' 42"					F-48-64-A
nậm Búa	TV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu			21° 26' 46"	103° 33' 44"	21° 26' 14"	103° 35' 49"	F-48-64-A
núi Cà Mon	SV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 29' 21"	103° 34' 25"					F-48-64-A
núi Chặp	SV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 29' 43"	103° 35' 09"					F-48-64-A
núi Huổi Hượm	SV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 28' 38"	103° 36' 48"					F-48-64-A
bản Huổi Ít	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 28' 54"	103° 34' 23"					F-48-64-A
bản Kẹ	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 29' 18"	103° 36' 17"					F-48-64-A
bản Kéo Sáo	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 29' 28"	103° 37' 58"					F-48-64-A
bản Lập	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 29' 20"	103° 36' 04"					F-48-64-A
nậm Lặp	TV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu			21° 29' 00"	103° 35' 49"	21° 28' 52"	103° 34' 27"	F-48-64-A
bản Lọng Dốm	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 27' 28"	103° 34' 59"					F-48-64-A
bản Lùa	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 29' 09"	103° 36' 39"					F-48-64-A
nậm Mầm	TV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu			21° 30' 06"	103° 37' 25"	21° 28' 52"	103° 34' 27"	F-48-52-C, F-48-64-A
bản Mầu Thái	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 29' 23"	103° 35' 02"					F-48-64-A
bản Mầu Xá	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 29' 48"	103° 35' 31"					F-48-64-A
bản Muông Mó	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 30' 16"	103° 37' 05"					F-48-52-C
bản Nà Ban	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 30' 02"	103° 36' 11"					F-48-52-C
bản Nà Khoang	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 28' 51"	103° 35' 53"					F-48-64-A
bản Nà Lềm	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 29' 45"	103° 36' 29"					F-48-64-A
núi Nà Luông	SV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 30' 44"	103° 36' 43"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nghịu	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 28' 00"	103° 36' 56"					F-48-64-A
núi Nó Ngua 1	SV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 27' 31"	103° 36' 24"					F-48-64-A
suối Nông Cóc Nội	TV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu			21° 26' 23"	103° 34' 33"	21° 26' 45"	103° 34' 23"	F-48-64-A
núi Pá Sáng	SV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 27' 45"	103° 33' 44"					F-48-64-A
bản Pá Sàng	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 28' 09"	103° 33' 43"					F-48-64-A
núi Pá Vạ	SV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 30' 35"	103° 36' 09"					F-48-52-C
phu Sheo	SV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 27' 49"	103° 35' 52"					F-48-64-A
bản Ta Tú	DC	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu	21° 27' 31"	103° 35' 24"					F-48-64-A
suối Thác	TV	xã Phổng Lập	H. Thuận Châu			21° 27' 27"	103° 35' 22"	21° 26' 50"	103° 34' 42"	F-48-64-A
bản Ca Nắng	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 20"	103° 41' 41"					F-48-64-A
bản Co Mặn	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 16"	103° 40' 53"					F-48-64-A
bản Co Tra	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 35"	103° 41' 32"					F-48-64-A
núi Cút	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 23"	103° 42' 54"					F-48-64-A
bản Dồm	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 08"	103° 42' 25"					F-48-64-A
suối Dồm	TV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu			21° 23' 31"	103° 43' 22"	21° 24' 22"	103° 41' 54"	F-48-64-A
huổi Giang	TV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu			21° 22' 06"	103° 40' 19"	21° 23' 27"	103° 41' 25"	F-48-64-A
núi Hua Huổi Huống	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 56"	103° 41' 24"					F-48-64-A
suối Huổi Buồm	TV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu			21° 23' 35"	103° 42' 17"	21° 24' 10"	103° 41' 46"	F-48-64-A
suối Huổi Liệp	TV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu			21° 22' 36"	103° 39' 13"	21° 23' 34"	103° 41' 14"	F-48-64-A
huổi Huổi Nhộp	TV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu			21° 23' 58"	103° 40' 08"	21° 24' 33"	103° 42' 01"	F-48-64-A
núi Lọng Co Phát	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 16"	103° 41' 01"					F-48-64-A
núi Lọng Pá Pao	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 10"	103° 40' 19"					F-48-64-A
bản Nà Hạt	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 22"	103° 41' 48"					F-48-64-A
bản Nà Lọng	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 12"	103° 42' 09"					F-48-64-A
bản Nà Mắt	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 18"	103° 41' 50"					F-48-64-A
bản Nong Ỏ	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 36"	103° 40' 28"					F-48-64-A
bản Phạ Ten	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 34"	103° 41' 30"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pom Quang	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 10"	103° 41' 40"					F-48-64-A
núi Pu Chơi	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 28"	103° 40' 34"					F-48-64-A
bản Púng Lọng	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 39"	103° 41' 20"					F-48-64-A
bản Púng Mé	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 52"	103° 41' 10"					F-48-64-A
bản Púng Ten	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 43"	103° 41' 33"					F-48-64-A
núi Sam Lem	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 25"	103° 42' 16"					F-48-64-A
núi Ten Tong	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 51"	103° 43' 33"					F-48-64-A
bản Tra	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 04"	103° 41' 42"					F-48-64-A
quốc lộ 6	KX	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu			21° 25' 57"	103° 41' 55"	21° 25' 38"	103° 43' 35"	F-48-64-A
khe Búa Phé	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 26' 04"	103° 43' 23"					F-48-64-A
bản Cẳm	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 55"	103° 42' 03"					F-48-64-A
núi Cây Thông	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 26' 33"	103° 42' 05"					F-48-64-A
bản Chùn	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 34"	103° 44' 03"					F-48-64-A
bản Hua Cọ	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 20"	103° 42' 03"					F-48-64-A
núi Huổi Dọi	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 51"	103° 41' 39"					F-48-64-A
núi Ko Ủu	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 56"	103° 43' 55"					F-48-64-A
bản Lọng Cại	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 48"	103° 43' 09"					F-48-64-A
bản Lụa	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 35"	103° 43' 10"					F-48-64-A
bản Mé	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 31"	103° 42' 15"					F-48-64-A
bản Mòn	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 28"	103° 42' 24"					F-48-64-A
bản Nà Càng	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 46"	103° 42' 28"					F-48-64-A
bản Nà Cành	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 49"	103° 42' 15"					F-48-64-A
bản Nà Nam	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 03"	103° 43' 00"					F-48-64-A
bản Nà Tý	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 53"	103° 42' 16"					F-48-64-A
suối Nhộp	TV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu			21° 24' 33"	103° 42' 01"	21° 25' 39"	103° 43' 35"	F-48-64-A
bản Nong Chiêng	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 26' 23"	103° 42' 50"					F-48-64-A
núi Nong Quài	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 26' 08"	103° 42' 54"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nong Quang	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 40"	103° 42' 59"					F-48-64-A
bản Pá	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 42"	103° 42' 25"					F-48-64-A
bản Pẹn	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 12"	103° 42' 27"					F-48-64-A
bản Phé	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 45"	103° 42' 31"					F-48-64-A
núi Phổ Củ	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 04"	103° 43' 22"					F-48-64-A
bản Púa	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 03"	103° 42' 20"					F-48-64-A
cầu Suối Muội	KX	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 35"	103° 43' 25"					F-48-64-A
núi Tàng Lá	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 30"	103° 41' 45"					F-48-64-A
bản Thôm	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 57"	103° 42' 46"					F-48-64-A
đường tỉnh 107	KX	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu			21° 27' 54"	103° 44' 56"	21° 26' 09"	103° 45' 40"	F-48-64-A, F-48-64-B
đồi Bả Ngói	SV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 28' 26"	103° 45' 29"					F-48-64-B
suối Bản Bay	TV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu			21° 25' 00"	103° 48' 28"	21° 26' 53"	103° 46' 30"	F-48-64-B
núi Bản Hình	SV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 04"	103° 46' 03"					F-48-64-B
bản Bay A	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 25' 06"	103° 48' 28"					F-48-64-B
bản Bay B	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 25' 20"	103° 48' 05"					F-48-64-B
bản Bon	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 24' 21"	103° 48' 13"					F-48-64-B
bản Búa Có	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 27' 02"	103° 45' 28"					F-48-64-B
núi Cây Đa	SV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 24' 05"	103° 48' 02"					F-48-64-B
núi Chương Xét	SV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 23' 44"	103° 48' 21"					F-48-64-B
bản Cọ A	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 27"	103° 45' 55"					F-48-64-B
bản Cọ B	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 37"	103° 46' 01"					F-48-64-B
phố Co Muông	SV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 27' 48"	103° 47' 22"					F-48-64-B
núi Đán Đanh	SV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 25' 57"	103° 48' 35"					F-48-64-B
bản Hình	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 11"	103° 45' 43"					F-48-64-B
bản Huổi Táp	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 25' 53"	103° 46' 57"					F-48-64-B
bản Lào	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 22"	103° 46' 11"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lè A	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 31"	103° 46' 18"					F-48-64-B
bản Lè B	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 37"	103° 46' 26"					F-48-64-B
bản Lè C	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 41"	103° 46' 30"					F-48-64-B
suối Muội	TV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu			21° 26' 53"	103° 46' 30"	21° 27' 22"	103° 46' 23"	F-48-64-B
bản Nà Cáy	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 40"	103° 46' 31"					F-48-64-B
bản Noong Hùm	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 39"	103° 45' 42"					F-48-64-B
bản Phé A	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 59"	103° 46' 22"					F-48-64-B
bản Phé B	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 52"	103° 46' 06"					F-48-64-B
bản Phé C	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 27' 01"	103° 45' 57"					F-48-64-B
bản Phiêng Phai	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 49"	103° 45' 37"					F-48-64-B
eo Phố Mi	SV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 27' 58"	103° 45' 46"					F-48-64-B
núi Quái Tốm	SV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 28' 08"	103° 45' 23"					F-48-64-B
bản Sen To	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 54"	103° 45' 24"					F-48-64-B
núi Thẳm Tấu	SV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 24' 49"	103° 49' 23"					F-48-64-B
bản Thúm	DC	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 56"	103° 46' 34"					F-48-64-B
núi Xí Quang	SV	xã Tòng Cọ	H. Thuận Châu	21° 27' 58"	103° 46' 49"					F-48-64-B
tiểu khu 2	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 30"	103° 45' 45"					F-48-64-B
tiểu khu 3	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 15"	103° 45' 40"					F-48-64-B
tiểu khu 4	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 37"	103° 45' 27"					F-48-64-B
tiểu khu 6	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 55"	103° 45' 42"					F-48-64-B
tiểu khu 7	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 44"	103° 45' 30"					F-48-64-B
bản Bai	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 57"	103° 45' 35"					F-48-64-B
suối Bản Dẹ	TV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu			21° 27' 24"	103° 42' 36"	21° 25' 52"	103° 44' 37"	F-48-64-A
núi Cầm Phong	SV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 26' 33"	103° 45' 28"					F-48-64-B
núi Cây Cọ	SV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 24' 55"	103° 44' 10"					F-48-64-A
bản Củ	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 40"	103° 44' 27"					F-48-64-A
bản Cuông Mường	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 40"	103° 45' 09"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Dẹ	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 27' 01"	103° 42' 33"					F-48-64-A
bản Hua Nà	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 46"	103° 43' 41"					F-48-64-A
núi Huổi Phay	SV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 27' 45"	103° 43' 26"					F-48-64-A
núi Kéo Hẹ	SV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 26' 16"	103° 45' 21"					F-48-64-B
núi Kha Luông	SV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 24' 39"	103° 45' 15"					F-48-64-B
bản Lạnh	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 26' 12"	103° 43' 51"					F-48-64-A
bản Nà Lạn	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 31"	103° 44' 09"					F-48-64-A
núi Na Pạn	SV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 15"	103° 43' 29"					F-48-64-A
núi Pá Khem	SV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 26' 55"	103° 43' 57"					F-48-64-A
núi Pắc Hạ	SV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 09"	103° 45' 01"					F-48-64-B
bản Pằn Nà	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 41"	103° 44' 35"					F-48-64-A
núi Quai Tốm	SV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 27' 22"	103° 43' 59"					F-48-64-A
bản Táng	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 26' 04"	103° 45' 11"					F-48-64-B
bản Thẳm	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 47"	103° 44' 48"					F-48-64-A
hang Thẩm Luông	SV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 20"	103° 44' 49"					F-48-64-A
núi Thảm Tạo	SV	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 27' 37"	103° 43' 11"					F-48-64-A
bản Tốm	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 41"	103° 44' 50"					F-48-64-A
đường tỉnh 101	KX	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ			20° 51' 57"	104° 48' 44"	20° 50' 10"	104° 48' 42"	F-48-78-B
núi Cây Đa	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 51' 25"	104° 47' 43"					F-48-78-B
bản Chiềng Lè	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 12"	104° 50' 57"					F-48-78-B
núi Co Nghe	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 49' 07"	104° 52' 01"					F-48-78-B
núi Coóc	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 52"	104° 47' 59"					F-48-78-B
bản Không 1	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 49' 37"	104° 49' 37"					F-48-78-B
bản Không 2	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 49' 53"	104° 49' 40"					F-48-78-B
bản Mường Khoa	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 23"	104° 48' 09"					F-48-78-B
núi Nà Cáy	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 51' 18"	104° 51' 59"					F-48-78-B
bản Nà Đồ	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 03"	104° 48' 56"					F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Páng 1	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 34"	104° 51' 49"					F-48-78-B
bản Páng 2	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 22"	104° 52' 04"					F-48-78-B
bản Phú Khoa	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 51' 26"	104° 47' 00"					F-48-78-B
núi Phu Luông	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 51' 08"	104° 47' 32"					F-48-78-B
núi Pu Luông	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 51' 19"	104° 50' 21"					F-48-78-B
núi Pu Ten	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 51' 51"	104° 49' 13"					F-48-78-B
núi Pu Tửng	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 51' 25"	104° 50' 58"					F-48-78-B
suối Tàm Ba	TV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ			20° 49' 49"	104° 45' 36"	20° 49' 59"	104° 48' 30"	F-48-78-B
suối Tân	TV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ			20° 49' 59"	104° 48' 30"	20° 49' 50"	104° 52' 50"	F-48-78-B
suối Tiên	TV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ			20° 50' 45"	104° 52' 14"	20° 50' 28"	104° 51' 56"	F-48-78-B
bản Tin Tốc	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 24"	104° 47' 27"					F-48-78-B
khu Trung Tâm	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 08"	104° 48' 35"					F-48-78-B
bản A Lang	DC	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ	20° 44' 56"	104° 42' 07"					F-48-78-C
núi Bó Nậm	SV	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ	20° 46' 14"	104° 41' 02"					F-48-78-A
dốc Cơ Măng	SV	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ	20° 43' 30"	104° 40' 44"					F-48-78-C
bản Dúp Kén	DC	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ	20° 44' 04"	104° 39' 54"					F-48-78-C
bản Khò Hồng	DC	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ	20° 43' 18"	104° 40' 26"					F-48-78-C
bản Láy	DC	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ	20° 44' 47"	104° 41' 09"					F-48-78-C
bản Nà Sàng	DC	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ	20° 45' 09"	104° 43' 22"					F-48-78-A
bản Nặm Dên	DC	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ	20° 45' 17"	104° 41' 32"					F-48-78-A
suối Quanh	TV	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ			20° 43' 39"	104° 39' 13"	20° 43' 43"	104° 43' 06"	F-48-78-C, F-48-78-D
suối Sài Lương	TV	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ			20° 43' 00"	104° 40' 59"	20° 42' 52"	104° 42' 47"	F-48-78-C
bản Suối Quanh	DC	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ	20° 44' 15"	104° 40' 13"					F-48-78-C
bản Xa Lai	DC	xã Chiềng Xuân	H. Vân Hồ	20° 45' 26"	104° 40' 57"					F-48-78-A
tiểu khu 1	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 45' 04"	104° 58' 54"					F-48-78-B
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ			20° 45' 01"	104° 59' 59"	20° 47' 48"	104° 54' 58"	F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bống	TV	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ			20° 47' 10"	104° 54' 45"	20° 46' 46"	104° 57' 04"	F-48-78-B
bản Bống Hà	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 47' 15"	104° 56' 15"					F-48-78-B
bản Bướt	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 43' 47"	104° 59' 06"					F-48-78-D
suối Cảng	TV	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ			20° 47' 43"	104° 58' 21"	20° 48' 12"	104° 57' 08"	F-48-78-B
bản Cò Bá	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 44' 50"	104° 59' 00"					F-48-78-D
bản Cò Hào	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 45' 30"	104° 56' 53"					F-48-78-B
núi Đin Đanh	SV	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 44' 02"	104° 59' 28"					F-48-78-D
núi Hang Kia	SV	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 43' 29"	104° 59' 15"					F-48-78-D
núi In Kìa	SV	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 47' 37"	104° 54' 48"					F-48-78-B
phu Khỉ Nác	SV	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 48' 15"	104° 55' 19"					F-48-78-B
bản Leo	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 47' 20"	104° 55' 31"					F-48-78-B
bản Nà Bai	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 45' 12"	104° 56' 28"					F-48-78-B
bản Niên	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 46' 21"	104° 56' 55"					F-48-78-B
suối Pha	TV	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ			20° 47' 10"	105° 01' 18"	20° 47' 43"	104° 58' 21"	F-48-79-A-c, F-48-78-B
bản Pha Nè	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 46' 31"	104° 57' 41"					F-48-78-B
bản Phủ Mẫu 1	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 45' 38"	104° 57' 12"					F-48-78-B
bản Phủ Mẫu 2	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 45' 28"	104° 57' 48"					F-48-78-B
bản Piềng Chà	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 48' 17"	104° 58' 39"					F-48-78-B
bản Pò Puộc	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 47' 33"	105° 00' 06"					F-48-79-A-c
bản Suối Mực	DC	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 47' 17"	104° 59' 13"					F-48-78-B
suối Tà Linh	TV	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ			20° 46' 27"	104° 56' 41"	20° 47' 43"	104° 58' 21"	F-48-78-B
núi Tam Chắt	SV	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ	20° 48' 20"	105° 00' 38"					F-48-79-A-c
suối Tốp	TV	xã Chiềng Yên	H. Vân Hồ			20° 48' 48"	104° 57' 19"	20° 48' 25"	104° 58' 43"	F-48-78-B
sông Đà	TV	xã Liên Hòa	H. Vân Hồ			21° 01' 48"	104° 51' 08"	20° 58' 39"	104° 54' 13"	F-48-66-D-c, F-48-78-B-b
bản Lắn	DC	xã Liên Hòa	H. Vân Hồ	20° 59' 27"	104° 52' 23"					F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nàng	TV	xã Liên Hòa	H. Vân Hồ			21° 00' 33"	104° 51' 06"	21° 01' 48"	104° 51' 08"	F-48-66-D-c
bản Ngậm	DC	xã Liên Hòa	H. Vân Hồ	20° 58' 07"	104° 52' 14"					F-48-78-B
suối Ngậm	TV	xã Liên Hòa	H. Vân Hồ			20° 58' 00"	104° 52' 00"	20° 59' 19"	104° 53' 42"	F-48-78-B-b
đồi Ông Cao	SV	xã Liên Hòa	H. Vân Hồ	20° 58' 30"	104° 53' 34"					F-48-78-B-b
núi Sặn Khôm	SV	xã Liên Hòa	H. Vân Hồ	20° 57' 28"	104° 50' 51"					F-48-78-B
núi Săn Táy	SV	xã Liên Hòa	H. Vân Hồ	20° 59' 18"	104° 50' 52"					F-48-78-B
bản Suối Nậu	DC	xã Liên Hòa	H. Vân Hồ	20° 59' 54"	104° 51' 35"					F-48-78-B
bản Tà Phù	DC	xã Liên Hòa	H. Vân Hồ	20° 59' 40"	104° 53' 01"					F-48-78-B-b
núi Tậng Bướm	SV	xã Liên Hòa	H. Vân Hồ	20° 59' 14"	104° 52' 42"					F-48-78-B-b
quốc lộ 6	KX	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ			20° 44' 56"	104° 55' 26"	20° 47' 34"	104° 49' 46"	F-48-78-D, F-48-78-B
bản Co Chàm	DC	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 45' 29"	104° 54' 15"					F-48-78-B
bản Co Lóng	DC	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 46' 25"	104° 52' 16"					F-48-78-B
bản Co Tăng	DC	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 46' 15"	104° 54' 00"					F-48-78-B
bản Lóng Bon	DC	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 47' 50"	104° 50' 09"					F-48-78-B
núi Lóng Bon	SV	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 48' 28"	104° 49' 09"					F-48-78-B
bản Lóng Luông	DC	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 46' 56"	104° 49' 29"					F-48-78-B
bản Lóng Xá	DC	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 45' 47"	104° 49' 03"					F-48-78-B
núi Ông Thông	SV	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 46' 57"	104° 53' 00"					F-48-78-B
bản Pa Kha	DC	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 46' 44"	104° 50' 54"					F-48-78-B
bản Săn Cài	DC	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 46' 32"	104° 51' 48"					F-48-78-B
bản Suối Bon	DC	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 47' 46"	104° 49' 47"					F-48-78-B
bản Tà Dê	DC	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 45' 43"	104° 49' 34"					F-48-78-B
bản Tân Lập	DC	xã Lóng Luông	H. Vân Hồ	20° 46' 49"	104° 50' 30"					F-48-78-B
bản Chột	DC	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 50' 22"	104° 55' 15"					F-48-78-B
núi Cỏ Có	SV	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 51' 42"	104° 53' 35"					F-48-78-B
bản Cóm	DC	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 49' 18"	104° 55' 49"					F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hu Nụ	SV	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 51' 31"	104° 54' 35"					F-48-78-B
bản Khà Nhài	DC	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 50' 46"	104° 53' 42"					F-48-78-B
suối Men	TV	xã Mường Men	H. Vân Hồ			20° 48' 40"	104° 55' 33"	20° 48' 12"	104° 57' 08"	F-48-78-B
bản Nà Pa	DC	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 49' 49"	104° 54' 56"					F-48-78-B
núi Pa Háng	SV	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 51' 50"	104° 53' 56"					F-48-78-B
bản Pha Lý	DC	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 48' 34"	104° 53' 57"					F-48-78-B
núi Pu Chột	SV	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 50' 34"	104° 55' 52"					F-48-78-B
dãy núi Pu Hao	SV	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 48' 50"	104° 53' 04"					F-48-78-B
bản Suối Mó	DC	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 48' 21"	104° 54' 24"					F-48-78-B
bản Suối Van	DC	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 49' 37"	104° 55' 14"					F-48-78-B
suối Tân	TV	xã Mường Men	H. Vân Hồ			20° 49' 50"	104° 52' 50"	20° 49' 33"	104° 57' 34"	F-48-78-B
núi Thẳm Dương	SV	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 51' 02"	104° 54' 56"					F-48-78-B
bản Ui	DC	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 49' 51"	104° 53' 47"					F-48-78-B
bản Uông	DC	xã Mường Men	H. Vân Hồ	20° 50' 57"	104° 52' 47"					F-48-78-B
bản Chiềng Ban	DC	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 53' 20"	104° 55' 48"					F-48-78-B-b
sông Đà	TV	xã Mường Tè	H. Vân Hồ			20° 55' 47"	104° 56' 42"	20° 54' 53"	104° 57' 34"	F-48-78-B-b
núi Đỗng	SV	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 55' 42"	104° 55' 53"					F-48-78-B
bản Hãng	DC	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 53' 50"	104° 53' 37"					F-48-78-B-b
núi Hang Vàng	SV	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 55' 14"	104° 55' 07"					F-48-78-B
bản Hào	DC	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 54' 02"	104° 52' 53"					F-48-78-B-b
bản Hinh	DC	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 55' 01"	104° 55' 42"					F-48-78-B-b
bản Hua Pù	DC	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 52' 52"	104° 53' 13"					F-48-78-B-b
núi Lung Co Phai	SV	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 54' 57"	104° 53' 42"					F-48-78-B-b
bản Mường Tè	DC	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 53' 46"	104° 54' 18"					F-48-78-B-b
bản Nhúng	DC	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 53' 33"	104° 55' 02"					F-48-78-B-b
suối Nhúng	TV	xã Mường Tè	H. Vân Hồ			20° 52' 49"	104° 54' 32"	20° 53' 27"	104° 54' 57"	F-48-78-B-b
bản Pơ Tào	DC	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 54' 40"	104° 56' 41"					F-48-78-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pu Mọ	SV	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 53' 08"	104° 52' 49"					F-48-78-B-b
bản Săn Hiềng	DC	xã Mường Tè	H. Vân Hồ	20° 52' 56"	104° 54' 18"					F-48-78-B-b
suối Sơ Vin	TV	xã Mường Tè	H. Vân Hồ			20° 54' 08"	104° 52' 15"	20° 53' 07"	104° 56' 16"	F-48-78-B, F-48-78-B-b
bản Coọng	DC	xã Quang Minh	H. Vân Hồ	20° 51' 13"	104° 58' 18"					F-48-78-B
sông Đà	TV	xã Quang Minh	H. Vân Hồ			20° 54' 53"	104° 57' 34"	20° 52' 34"	104° 59' 22"	F-48-78-B-b
núi Hiềng	SV	xã Quang Minh	H. Vân Hồ	20° 51' 53"	104° 54' 18"					F-48-78-B
núi Ke Sẽ	SV	xã Quang Minh	H. Vân Hồ	20° 53' 45"	104° 56' 35"					F-48-78-B
bản Lòm	DC	xã Quang Minh	H. Vân Hồ	20° 54' 21"	104° 57' 22"					F-48-78-B-b
núi Muống	SV	xã Quang Minh	H. Vân Hồ	20° 52' 41"	104° 56' 03"					F-48-78-B-b
Nà Bai	DC	xã Quang Minh	H. Vân Hồ	20° 52' 57"	104° 56' 54"					F-48-78-B-b
suối Ngùi	TV	xã Quang Minh	H. Vân Hồ			20° 52' 06"	104° 56' 01"	20° 52' 53"	104° 56' 59"	F-48-78-B
suối Sơ Vin	TV	xã Quang Minh	H. Vân Hồ			20° 53' 07"	104° 56' 16"	20° 53' 25"	104° 58' 45"	F-48-78-B-b
núi Tái	SV	xã Quang Minh	H. Vân Hồ	20° 54' 02"	104° 56' 48"					F-48-78-B-b
bản To Ngùi	DC	xã Quang Minh	H. Vân Hồ	20° 52' 05"	104° 55' 52"					F-48-78-B
bản Bến Khủa	DC	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 56' 07"	104° 55' 32"					F-48-78-B-b
bản Co Hó	DC	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 56' 14"	104° 53' 39"					F-48-78-B-b
bản Co Súc	DC	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 55' 37"	104° 51' 13"					F-48-78-B
sông Đà	TV	xã Song Khủa	H. Vân Hồ			20° 58' 39"	104° 54' 13"	20° 55' 47"	104° 56' 42"	F-48-78-B-b
núi Đá Bon	SV	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 55' 38"	104° 56' 08"					F-48-78-B-b
núi Đá Bớn	SV	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 55' 44"	104° 50' 14"					F-48-78-B
núi Đạt Mạt	SV	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 57' 38"	104° 54' 14"					F-48-78-B-b
suối Khủa	TV	xã Song Khủa	H. Vân Hồ			20° 55' 52"	104° 50' 48"	20° 56' 18"	104° 55' 53"	F-48-78-B, F-48-78-B-b
núi Lang Linh	SV	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 57' 07"	104° 50' 53"					F-48-78-B
bản Lóng Khủa	DC	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 56' 01"	104° 52' 56"					F-48-78-B-b
pu Pu Mon	SV	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 57' 00"	104° 52' 04"					F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Song Hưng	DC	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 56' 41"	104° 52' 47"					F-48-78-B-b
bản Tà Lạc	DC	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 56' 10"	104° 51' 51"					F-48-78-B
bản Tầm Phế	DC	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 56' 37"	104° 52' 25"					F-48-78-B
bản Tàu Dàu	DC	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 55' 38"	104° 53' 47"					F-48-78-B-b
bản Un	DC	xã Song Khủa	H. Vân Hồ	20° 55' 29"	104° 54' 47"					F-48-78-B-b
bản Ám	DC	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ	20° 56' 57"	104° 49' 27"					F-48-78-B
bản Bó	DC	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ	21° 01' 43"	104° 46' 05"					F-48-66-D-c
bản Chiềng Đa	DC	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ	20° 57' 03"	104° 47' 38"					F-48-78-B
núi Co Pang	SV	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ	20° 56' 30"	104° 49' 45"					F-48-78-B
sông Đà	TV	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ			21° 02' 01"	104° 48' 05"	21° 01' 48"	104° 51' 08"	F-48-66-D-c
suối Khẩu	TV	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ			21° 00' 38"	104° 46' 45"	21° 01' 30"	104° 47' 47"	F-48-66-D-c
bản Khoang Phiềng	DC	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ	21° 00' 25"	104° 48' 37"					F-48-66-D-c
bản Khoang Tuống	DC	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ	21° 00' 06"	104° 48' 48"					F-48-66-D-c
suối Lồi	TV	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ			20° 59' 06"	104° 49' 05"	21° 02' 01"	104° 48' 05"	F-48-78-B, F-48-66-D-c
bản Nà Lồi	DC	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ	21° 00' 56"	104° 47' 53"					F-48-66-D-c
suối Nà Lồi	TV	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ			20° 57' 33"	104° 49' 03"	20° 59' 06"	104° 49' 05"	F-48-78-B
suối Nùng	TV	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ			21° 00' 09"	104° 50' 27"	21° 01' 51"	104° 50' 31"	F-48-66-D-c
bản Pưa Lai	DC	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ	20° 57' 29"	104° 49' 29"					F-48-78-B
bản Pưa Ta	DC	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ	21° 01' 14"	104° 47' 13"					F-48-66-D-c
núi San Dao	SV	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ	20° 59' 01"	104° 50' 26"					F-48-78-B
bản Suối Khẩu	DC	xã Suối Bàng	H. Vân Hồ	21° 00' 37"	104° 46' 45"					F-48-66-D-c
suối A Lang	TV	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ			20° 39' 18"	104° 38' 40"	20° 38' 27"	104° 40' 56"	F-48-78-C
bản Bún	DC	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 39' 15"	104° 43' 04"					F-48-78-C
bản Cột Mốc	DC	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 39' 01"	104° 38' 58"					F-48-78-C
núi Cum Pheo	SV	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 39' 06"	104° 50' 39"					F-48-78-D
pha Dòn	SV	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 39' 38"	104° 50' 06"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đông Tà Lào	DC	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 39' 01"	104° 48' 35"					F-48-78-D
bản Láy	DC	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 38' 46"	104° 41' 56"					F-48-78-C
núi Luống	SV	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 38' 30"	104° 38' 44"					F-48-78-C
suối Nam	TV	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ			20° 38' 50"	104° 41' 13"	20° 38' 45"	104° 40' 41"	F-48-78-C
suối Nậm Con	TV	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ			20° 40' 40"	104° 45' 48"	20° 38' 52"	104° 48' 49"	F-48-78-D
bản Ngà	DC	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 38' 50"	104° 45' 23"					F-48-78-D
dãy Pha Luông	SV	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 40' 23"	104° 37' 57"					F-48-78-C
suối Quanh	TV	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ			20° 36' 31"	104° 41' 09"	20° 38' 15"	104° 41' 45"	F-48-78-C
bản Suối Con	DC	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 39' 46"	104° 40' 05"					F-48-78-C
bản Tây Tà Lào	DC	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 39' 25"	104° 47' 21"					F-48-78-D
núi Viềng	SV	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 38' 28"	104° 49' 00"					F-48-78-D
bản Xa Lai	DC	xã Tân Xuân	H. Vân Hồ	20° 35' 39"	104° 44' 34"					F-48-78-C
đường tỉnh 101	KX	xã Tô Múa	H. Vân Hồ			20° 53' 14"	104° 49' 01"	20° 54' 24"	104° 51' 44"	F-48-78-B
bản Bó Mồng	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 54' 30"	104° 51' 28"					F-48-78-B
bản Cho Đáy	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 52' 29"	104° 51' 15"					F-48-78-B
bản Co Cài	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 55' 35"	104° 49' 35"					F-48-78-B
mỏm Co Nghe	SV	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 52' 02"	104° 51' 03"					F-48-78-B
núi Co Phuy	SV	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 55' 53"	104° 49' 51"					F-48-78-B
núi Cù Lùn	SV	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 54' 21"	104° 48' 52"					F-48-78-B
bản Dạo	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 54' 01"	104° 48' 50"					F-48-78-B
bản Đá Mài	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 52' 09"	104° 52' 21"					F-48-78-B
núi Đá Trắng	SV	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 52' 28"	104° 52' 05"					F-48-78-B
bản Ké Xiền	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 55' 01"	104° 49' 50"					F-48-78-B
bản Khảm	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 53' 26"	104° 51' 48"					F-48-78-B
núi Khau Cườn	SV	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 55' 01"	104° 50' 40"					F-48-78-B
bản Khua Ngùa	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 53' 17"	104° 49' 44"					F-48-78-B
bản Liên Hưng	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 54' 19"	104° 49' 18"					F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Mẫu	SV	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 54' 46"	104° 52' 01"					F-48-78-B
bản Mến	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 53' 20"	104° 49' 17"					F-48-78-B
núi Mở Bầu	SV	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 52' 03"	104° 52' 48"					F-48-78-B
bản Pàn	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 52' 50"	104° 49' 55"					F-48-78-B
suối Páng	TV	xã Tô Múa	H. Vân Hồ			20° 52' 43"	104° 49' 35"	20° 51' 44"	104° 50' 56"	F-48-78-B
pu Pộc	SV	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 54' 17"	104° 51' 28"					F-48-78-B
bản Sài Lương	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 54' 36"	104° 50' 02"					F-48-78-B
suối Sơ Vin	TV	xã Tô Múa	H. Vân Hồ			20° 55' 22"	104° 49' 47"	20° 54' 08"	104° 52' 15"	F-48-78-B
bản Suối Liếm	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 53' 05"	104° 50' 45"					F-48-78-B
phu Ten	SV	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 52' 55"	104° 49' 19"					F-48-78-B
bản Tong Kiêng	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 54' 49"	104° 49' 38"					F-48-78-B
tiểu khu Trung Tâm	DC	xã Tô Múa	H. Vân Hồ	20° 53' 30"	104° 49' 50"					F-48-78-B
quốc lộ 6	KX	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ			20° 47' 33"	104° 48' 16"	20° 48' 39"	104° 44' 27"	F-48-78-B, F-48-78-A
tiểu khu 56	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 47' 51"	104° 46' 16"					F-48-78-B
hồ Bó Nhàng	TV	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 46' 57"	104° 45' 14"					F-48-78-B
bản Bó Nhàng 1	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 46' 34"	104° 44' 30"					F-48-78-B
bản Bó Nhàng 2	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 45' 56"	104° 45' 12"					F-48-78-B
bản Chiềng Đi 1	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 47' 20"	104° 42' 45"					F-48-78-A
bản Chiềng Đi 2	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 47' 09"	104° 43' 27"					F-48-78-A
bản Hang Trùng 1	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 47' 57"	104° 46' 18"					F-48-78-B
bản Hang Trùng 2	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 47' 36"	104° 46' 39"					F-48-78-B
bản Hua Tạt	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 46' 46"	104° 46' 43"					F-48-78-B
bản Pa Chè	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 47' 44"	104° 45' 23"					F-48-78-B
bản Pa Cốp	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 46' 01"	104° 46' 15"					F-48-78-B
núi Pa Pách	SV	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 46' 38"	104° 41' 29"					F-48-78-A
núi Pa Yếng	SV	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 49' 14"	104° 47' 33"					F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pha Đán	SV	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 46' 15"	104° 47' 35"					F-48-78-B
núi Pha Dong	SV	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 48' 56"	104° 46' 38"					F-48-78-B
núi Sao Đỏ	SV	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 49' 19"	104° 46' 53"					F-48-78-B
hồ Sao Đỏ	TV	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 48' 36"	104° 45' 32"					F-48-78-B
tiểu khu Sao Đỏ 1	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 48' 25"	104° 45' 51"					F-48-78-B
tiểu khu Sao Đỏ 2	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 48' 14"	104° 45' 24"					F-48-78-B
pu Sơ Linh	SV	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 48' 21"	104° 42' 23"					F-48-78-A
bản Suối Lìn	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 48' 34"	104° 47' 14"					F-48-78-B
bản Thuông Cuông	DC	xã Vân Hồ	H. Vân Hồ	20° 47' 09"	104° 41' 28"					F-48-78-A
suối Bún	TV	xã Xuân Nha	H. Vân Hồ			20° 42' 52"	104° 42' 47"	20° 42' 42"	104° 45' 20"	F-48-78-C, F-48-78-D
bản Chiềng Nưa	DC	xã Xuân Nha	H. Vân Hồ	20° 42' 11"	104° 45' 48"					F-48-78-D
suối Lập	TV	xã Xuân Nha	H. Vân Hồ			20° 42' 26"	104° 50' 24"	20° 41' 46"	104° 49' 29"	F-48-78-D
bản Mường An	DC	xã Xuân Nha	H. Vân Hồ	20° 44' 39"	104° 47' 18"					F-48-78-D
bản Nà An	DC	xã Xuân Nha	H. Vân Hồ	20° 44' 10"	104° 47' 47"					F-48-78-D
bản Nà Hiềng	DC	xã Xuân Nha	H. Vân Hồ	20° 42' 10"	104° 46' 32"					F-48-78-D
bản Pù Lầu	DC	xã Xuân Nha	H. Vân Hồ	20° 41' 08"	104° 48' 27"					F-48-78-D
suối Sa Lau	TV	xã Xuân Nha	H. Vân Hồ			20° 44' 27"	104° 46' 22"	20° 39' 48"	104° 49' 02"	F-48-78-C, F-48-78-D
bản Tưn	DC	xã Xuân Nha	H. Vân Hồ	20° 41' 34"	104° 47' 17"					F-48-78-D
tiểu khu 1	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 02' 55"	104° 17' 39"					F-48-65-D
tiểu khu 2	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 03' 01"	104° 17' 50"					F-48-65-D
tiểu khu 3	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 02' 39"	104° 18' 04"					F-48-65-D
tiểu khu 4	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 03' 03"	104° 18' 10"					F-48-65-D
tiểu khu 5	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 03' 07"	104° 18' 20"					F-48-65-D
tiểu khu 6	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 03' 03"	104° 17' 23"					F-48-65-D
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 08' 15"	104° 12' 02"	21° 05' 54"	104° 14' 14"	F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Chai	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 57"	104° 13' 37"					F-48-65-C
bản Chủm	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 07' 40"	104° 13' 18"					F-48-65-C
núi Co Hay	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 09' 09"	104° 11' 56"					F-48-65-C
núi Co Lưu	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 10' 21"	104° 12' 46"					F-48-65-C
huổi Dâng	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 10' 23"	104° 13' 34"	21° 10' 47"	104° 12' 55"	F-48-65-C
bản Đông Tấu	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 35"	104° 13' 50"					F-48-65-C
suối Hịt	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 09' 01"	104° 12' 40"	21° 05' 45"	104° 13' 51"	F-48-65-C
suối Húa Mí	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 09' 42"	104° 12' 01"	21° 09' 01"	104° 12' 40"	F-48-65-C
phu Huất	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 55"	104° 15' 49"					F-48-65-D
bản Huổi Phù	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 40"	104° 13' 03"					F-48-65-C
bản Huổi Siểu	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 46"	104° 17' 50"					F-48-65-D
bản Hươn	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 07' 23"	104° 13' 29"					F-48-65-C
bản Kéo Bó	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 10' 55"	104° 13' 24"					F-48-65-C
núi Khum Đin	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 08' 31"	104° 12' 09"					F-48-65-C
bản Luông Mé	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 06"	104° 14' 00"					F-48-65-C
suối Mo	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 06' 14"	104° 16' 02"	21° 06' 07"	104° 14' 18"	F-48-65-D, F-48-65-C
bản Nà Pản	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 07' 19"	104° 14' 15"					F-48-65-C
suối Na Po	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 06' 47"	104° 16' 42"	21° 06' 36"	104° 18' 28"	F-48-65-D
bản Nặm Ủn	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 11"	104° 13' 32"					F-48-65-C
bản Nhôm	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 08' 01"	104° 12' 59"					F-48-65-C
núi Nôc Én	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 07' 59"	104° 11' 49"					F-48-65-C
kéo Pa Măn	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 05' 53"	104° 12' 13"					F-48-65-C
núi Pá Măn	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 13"	104° 12' 22"					F-48-65-C
bản Púng Khoai	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 10' 11"	104° 12' 44"					F-48-65-C
phu Sẳn Đán	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 08' 08"	104° 12' 25"					F-48-65-C
Póm Sô Cô	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 07' 01"	104° 12' 05"					F-48-65-C
suối Thoáng	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 09' 26"	104° 14' 11"	21° 08' 20"	104° 14' 20"	F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Thoong	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 07' 47"	104° 16' 47"	21° 07' 42"	104° 14' 37"	F-48-65-D, F-48-65-C
suối Vạt	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 09' 45"	104° 12' 50"	21° 05' 45"	104° 13' 51"	F-48-65-C
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 02' 25"	104° 21' 10"	21° 00' 05"	104° 24' 01"	F-48-65-D
suối Ban	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			20° 59' 59"	104° 22' 31"	21° 00' 15"	104° 23' 22"	F-48-77-B, F-48-65-D
bản Bó Kiếng	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 03' 02"	104° 25' 12"					F-48-65-D
suối Bon	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			20° 59' 36"	104° 22' 28"	20° 59' 59"	104° 22' 31"	F-48-77-B
suối Căn	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 00' 04"	104° 21' 12"	21° 01' 12"	104° 22' 11"	F-48-65-D
bản Cang	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 00' 02"	104° 20' 46"					F-48-65-D
bản Chi Đẩy	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 02' 40"	104° 26' 01"					F-48-65-D
bản Co Sáy	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 03' 24"	104° 23' 21"					F-48-65-D
huổi Đậu	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			20° 59' 13"	104° 22' 36"	21° 00' 11"	104° 23' 33"	F-48-77-B, F-48-65-D
núi Đen Mương	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 00' 35"	104° 26' 04"					F-48-65-D
bản Hang Hóc	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 56"	104° 25' 54"					F-48-65-D
bản Hát Sét	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 24"	104° 22' 57"					F-48-65-D
bản Huổi Lắc	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 59"	104° 21' 41"					F-48-65-D
bản Huổi Mong	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 00' 13"	104° 23' 42"					F-48-65-D
bản Huổi Thón	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 41"	104° 23' 27"					F-48-65-D
bản Huổi Toi	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 00' 58"	104° 22' 42"					F-48-65-D
suối Lắc	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 02' 23"	104° 22' 21"	21° 01' 58"	104° 21' 34"	F-48-65-D
núi Lán Kéo Tong	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 58' 45"	104° 20' 34"					F-48-77-B
núi Lân Lọng	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 58' 05"	104° 20' 44"					F-48-77-B
núi Len	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 59' 54"	104° 21' 45"					F-48-77-B
suối Liệp	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 00' 13"	104° 22' 28"	21° 00' 50"	104° 23' 07"	F-48-65-D
suối Ma Can	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 00' 58"	104° 24' 37"	21° 00' 35"	104° 23' 31"	F-48-65-D
bản Mường Thương	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 03' 38"	104° 22' 12"					F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Ngà	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 00' 53"	104° 23' 28"					F-48-65-D
bản Nà Phiêng	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 47"	104° 21' 19"					F-48-65-D
suối Ngà	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 01' 43"	104° 25' 10"	21° 00' 46"	104° 23' 25"	F-48-65-D
bản Pá Hốc	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 59' 22"	104° 22' 20"					F-48-77-B
núi Pa Lọ	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 59' 05"	104° 20' 13"					F-48-77-B
núi Pa No	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 58' 44"	104° 22' 12"					F-48-77-B
núi Pia	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 58' 04"	104° 21' 28"					F-48-77-B
suối Sập	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 00' 05"	104° 23' 59"	21° 02' 29"	104° 21' 12"	F-48-65-D
bản Tà Vài	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 02' 14"	104° 21' 31"					F-48-65-D
cầu Tà Vài	KX	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 59"	104° 21' 34"					F-48-65-D
suối Tát	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 02' 48"	104° 21' 56"	21° 02' 04"	104° 21' 31"	F-48-65-D
núi Thàm Choong	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 58' 52"	104° 19' 40"					F-48-77-B
huổi Thón	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 01' 28"	104° 23' 49"	21° 01' 01"	104° 23' 46"	F-48-65-D
huổi Thương	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 03' 07"	104° 25' 10"	21° 04' 03"	104° 23' 45"	F-48-65-D
suối Toi	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			20° 59' 43"	104° 21' 30"	21° 00' 53"	104° 22' 30"	F-48-77-B, F-48-65-D
bản Văng Lùng	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 13"	104° 22' 15"					F-48-65-D
pom Củ Tháo	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	20° 59' 59"	104° 17' 32"					F-48-65-D
núi Đán Đảng	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	20° 59' 20"	104° 18' 24"					F-48-77-B
núi Đin Đông	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 00' 58"	104° 17' 22"					F-48-65-D
bản Hiêm	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 22"	104° 20' 12"					F-48-65-D
suối Huổi Phượt	TV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu			21° 01' 37"	104° 20' 06"	21° 02' 01"	104° 20' 24"	F-48-65-D
núi Kéo Sửa	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 00' 28"	104° 20' 05"					F-48-65-D
bản Mé	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 22"	104° 18' 52"					F-48-65-D
bản Na Đông	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 41"	104° 18' 31"					F-48-65-D
hồ Nậm Tủm	TV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 00' 48"	104° 18' 50"					F-48-65-D
bản Ngoàng	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 02' 09"	104° 18' 54"					F-48-65-D
Pom Pom Bó	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 02"	104° 19' 55"					F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Pom Pom Ke	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 07"	104° 18' 36"					F-48-65-D
bản Pút	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 12"	104° 19' 18"					F-48-65-D
Pom Sè Phí	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 00' 44"	104° 19' 13"					F-48-65-D
bản Tủm	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 37"	104° 19' 06"					F-48-65-D
Đồn Biên phòng 461	KX	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 50"	104° 10' 03"					F-48-77-A
đường tỉnh 103A	KX	xã Chiềng On	H. Yên Châu			21° 00' 12"	104° 11' 45"	20° 56' 56"	104° 08' 06"	F-48-65-C, F-48-77-A
bản A La	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 19"	104° 09' 47"					F-48-77-A
núi Co Hốc	SV	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 59' 52"	104° 07' 24"					F-48-77-A
suối Co Nôi	TV	xã Chiềng On	H. Yên Châu			21° 00' 26"	104° 07' 27"	21° 00' 27"	104° 10' 24"	F-48-65-C
bản Co Tôm	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 56' 50"	104° 12' 59"					F-48-77-A
suối Co Tỏm	TV	xã Chiềng On	H. Yên Châu			20° 57' 02"	104° 12' 59"	20° 57' 43"	104° 13' 43"	F-48-77-A
bản Đin Chí	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 51"	104° 08' 30"					F-48-77-A
núi Ha Húi	SV	xã Chiềng On	H. Yên Châu	21° 00' 46"	104° 07' 28"					F-48-65-C
pu Kà Chiêng	SV	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 51"	104° 07' 21"					F-48-77-A
suối Keo Dồn	TV	xã Chiềng On	H. Yên Châu			21° 00' 02"	104° 12' 36"	20° 59' 53"	104° 13' 09"	F-48-65-C
bản Keo Đồn	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 59' 40"	104° 08' 44"					F-48-77-A
bản Khuâng	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 27"	104° 08' 06"					F-48-77-A
bản Nà Cái	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 08"	104° 08' 18"					F-48-77-A
bản Nà Dạ	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 59' 20"	104° 09' 18"					F-48-77-A
suối Nà Dạ	TV	xã Chiềng On	H. Yên Châu			20° 59' 28"	104° 08' 58"	20° 58' 49"	104° 10' 20"	F-48-77-A
bản Nà Đít	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 44"	104° 10' 22"					F-48-77-A
suối Nà Đít	TV	xã Chiềng On	H. Yên Châu			20° 58' 49"	104° 10' 20"	20° 59' 17"	104° 12' 05"	F-48-77-A
núi Nà Khầu Gù	SV	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 57' 25"	104° 12' 41"					F-48-77-A
bản Suối Cút	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 57' 30"	104° 11' 03"					F-48-77-A
bản Ta Liễu	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	21° 00' 41"	104° 07' 56"					F-48-65-C
bản Trạm Hốc	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 59' 50"	104° 11' 04"					F-48-77-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu			21° 04' 03"	104° 14' 51"	21° 02' 59"	104° 16' 54"	F-48-65-C, F-48-65-D
bản Bong	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 03' 21"	104° 15' 57"					F-48-65-D
bản Chiềng Phú	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 03' 49"	104° 16' 06"					F-48-65-D
bản Chiềng Thi	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 03' 29"	104° 15' 57"					F-48-65-D
suối Cóc	TV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu			21° 02' 49"	104° 15' 20"	21° 02' 59"	104° 16' 12"	F-48-65-D
núi Cột Cờ	SV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 05' 17"	104° 15' 33"					F-48-65-D
núi Dây Keo Luông	SV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 05' 41"	104° 17' 35"					F-48-65-D
núi Đan Ngua	SV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 02' 21"	104° 14' 05"					F-48-65-C
núi Đôn	SV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 06' 04"	104° 16' 55"					F-48-65-D
núi Kho Luông	SV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 02' 24"	104° 16' 27"					F-48-65-D
núi Lam Săn	SV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 03' 07"	104° 14' 08"					F-48-65-C
bản Na Xanh	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 03' 01"	104° 16' 02"					F-48-65-D
bản Ngùa	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 03' 59"	104° 14' 58"					F-48-65-C
suối Ngùa	TV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu			21° 04' 32"	104° 15' 16"	21° 03' 43"	104° 15' 14"	F-48-65-D
Ngùa Mới	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 03' 51"	104° 15' 19"					F-48-65-D
Ngùa Thèn	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 03' 38"	104° 15' 06"					F-48-65-D
núi Pam Se	SV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 03' 10"	104° 14' 54"					F-48-65-C
bản Phát	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 03' 14"	104° 16' 42"					F-48-65-D
núi Pom Khán	SV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 02' 39"	104° 15' 02"					F-48-65-D
dãy núi Sống Khảm Pỏm	SV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 06' 17"	104° 16' 47"					F-48-65-D
bản Tát Héo	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 05' 42"	104° 16' 38"					F-48-65-D
núi Thẳm Bưng	SV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 06' 09"	104° 18' 03"					F-48-65-D
bản Thàn	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 04' 19"	104° 16' 38"					F-48-65-D
bản Tô Pang	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 04' 31"	104° 15' 53"					F-48-65-D
suối Tô Pang	TV	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu			21° 05' 11"	104° 15' 50"	21° 03' 10"	104° 16' 43"	F-48-65-D
bản Xốp Sạng	DC	xã Chiềng Pằn	H. Yên Châu	21° 03' 02"	104° 16' 23"					F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu			21° 05' 54"	104° 14' 14"	21° 04' 03"	104° 14' 51"	F-48-65-C
suối Bỏi	TV	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu			21° 05' 41"	104° 14' 39"	21° 04' 22"	104° 14' 39"	F-48-65-C
bản Búng Mo	DC	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu	21° 05' 44"	104° 14' 12"					F-48-65-C
bản Chiềng Kim	DC	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu	21° 05' 23"	104° 14' 17"					F-48-65-C
bản Chiềng Sàng	DC	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu	21° 05' 05"	104° 13' 48"					F-48-65-C
bản Đán	DC	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu	21° 04' 30"	104° 14' 32"					F-48-65-C
Huổi Lưu	DC	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu	21° 03' 21"	104° 13' 50"					F-48-65-C
huổi Lưu	TV	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu			21° 03' 12"	104° 13' 59"	21° 04' 16"	104° 13' 55"	F-48-65-C
bản Mai Ngập	DC	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu	21° 04' 28"	104° 13' 40"					F-48-65-C
huổi Me	TV	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu			21° 04' 01"	104° 13' 05"	21° 04' 16"	104° 13' 55"	F-48-65-C
suối Mo	TV	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu			21° 05' 53"	104° 14' 19"	21° 05' 23"	104° 14' 07"	F-48-65-C
suối Mú	TV	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu			21° 05' 05"	104° 12' 24"	21° 04' 45"	104° 13' 57"	F-48-65-C
suối Vạt	TV	xã Chiềng Sàng	H. Yên Châu			21° 05' 45"	104° 13' 51"	21° 03' 55"	104° 14' 47"	F-48-65-C
Đồn Biên phòng 465	KX	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 53' 13"	104° 22' 05"					F-48-77-B
bản Bó Him	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 51' 20"	104° 24' 56"					F-48-77-B
núi Buộm	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 51' 31"	104° 21' 30"					F-48-77-B
núi Chua Lót	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 48' 28"	104° 25' 28"					F-48-77-B
bản Co Lắc	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 53' 30"	104° 21' 06"					F-48-77-B
suối Co Mai	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 51' 13"	104° 20' 25"	20° 53' 29"	104° 20' 22"	F-48-77-B
suối Cúng	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 48' 55"	104° 24' 03"	20° 49' 24"	104° 25' 39"	F-48-77-B
bản Đè A	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 53' 04"	104° 22' 29"					F-48-77-B
bản Đin Chí	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 50' 36"	104° 22' 54"					F-48-77-B
suối Đin Chí	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 50' 04"	104° 23' 31"	20° 50' 41"	104° 23' 02"	F-48-77-B
suối Mơ Tươi	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 51' 46"	104° 22' 34"	20° 53' 25"	104° 22' 30"	F-48-77-B
suối Nắng Góng	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 53' 01"	104° 20' 03"	20° 53' 29"	104° 20' 22"	F-48-77-B
huổi Ngum	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 49' 45"	104° 22' 54"	20° 50' 41"	104° 23' 26"	F-48-77-B
núi On	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 49' 36"	104° 24' 58"					F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pa Kha 1	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 52' 00"	104° 23' 21"					F-48-77-B
bản Pa Kha 2	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 52' 02"	104° 23' 45"					F-48-77-B
bản Pa Kha 3	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 52' 26"	104° 24' 57"					F-48-77-B
bản Pa Khôm	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 51' 08"	104° 21' 15"					F-48-77-B
suối Pá Khôm	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 50' 19"	104° 21' 56"	20° 51' 46"	104° 22' 34"	F-48-77-B
núi Phiêng Xăng	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 52' 52"	104° 21' 36"					F-48-77-B
bản Pom Khốc	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 49' 17"	104° 23' 54"					F-48-77-B
phu Sặng	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 49' 26"	104° 23' 25"					F-48-77-B
núi Trung Cu Mai	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 52' 28"	104° 20' 01"					F-48-77-B
đường tỉnh 103	KX	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu			20° 56' 48"	104° 20' 00"	20° 55' 45"	104° 26' 26"	F-48-77-B
núi Đá Đỏ	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 54' 32"	104° 22' 37"					F-48-77-B
núi Hóm Hỉnh	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 52' 57"	104° 25' 00"					F-48-77-B
núi Huổi Diên	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 56' 44"	104° 22' 07"					F-48-77-B
núi Kéo Nghe	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 55' 02"	104° 25' 45"					F-48-77-B
núi Khăm Choi	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 58' 04"	104° 22' 08"					F-48-77-B
núi Lao Nhi	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 53' 04"	104° 24' 47"					F-48-77-B
núi Lũng Chương	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 55' 37"	104° 24' 39"					F-48-77-B
núi Mây Tan	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 54' 23"	104° 23' 02"					F-48-77-B
bản Mỏ Than	DC	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 56' 09"	104° 22' 00"					F-48-77-B
bản Mơ Tươi	DC	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 53' 50"	104° 22' 42"					F-48-77-B
suối Mơ Tươi	TV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu			20° 53' 25"	104° 22' 30"	20° 55' 08"	104° 23' 59"	F-48-77-B
bản Na Mùa	DC	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 54' 17"	104° 20' 28"					F-48-77-B
núi Nóc	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 56' 19"	104° 18' 35"					F-48-77-B
bản Phá Cúng	DC	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 55' 45"	104° 26' 17"					F-48-77-B
núi Pha Cùng	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 56' 14"	104° 25' 20"					F-48-77-B
bản Tà Vàng	DC	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 54' 45"	104° 24' 40"					F-48-77-B
bản To Buông	DC	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 56' 11"	104° 24' 17"					F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Yên Thi	DC	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 54' 59"	104° 25' 18"					F-48-77-B
bản Dảo	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	20° 59' 26"	104° 31' 21"					F-48-78-A
bản Khấu Khoang	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 42"	104° 26' 37"					F-48-65-D
bản Lựm	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 36"	104° 29' 01"					F-48-65-D
bản Luông	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 28"	104° 28' 57"					F-48-65-D
huổi Luông	TV	xã Mường Lựm	H. Yên Châu			21° 01' 45"	104° 27' 12"	21° 00' 52"	104° 31' 01"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
bản Na Băng	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 27"	104° 29' 37"					F-48-65-D
bản Na Hát	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 21"	104° 29' 22"					F-48-65-D
huổi Na Hu	TV	xã Mường Lựm	H. Yên Châu			21° 00' 41"	104° 30' 10"	21° 01' 04"	104° 30' 14"	F-48-66-C-c
bản Na Lẳng	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 23"	104° 29' 54"					F-48-65-D
bản Ổn Ốc	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 00' 05"	104° 28' 28"					F-48-65-D
bản Pá Khôm	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	20° 58' 58"	104° 29' 19"					F-48-77-B
núi Pá Nay	SV	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	20° 59' 39"	104° 31' 28"					F-48-78-A
bản Pha Đét	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	20° 59' 12"	104° 29' 34"					F-48-77-B
núi Song Song	SV	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	20° 58' 35"	104° 28' 50"					F-48-77-B
đội 4	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 57' 29"	104° 15' 10"					F-48-77-B
đường tỉnh 103	KX	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu			21° 00' 43"	104° 14' 01"	20° 56' 48"	104° 20' 00"	F-48-65-C, F-48-77-B
bản Ái 1	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 48"	104° 14' 35"					F-48-77-A
núi Bả Tiếng	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 59' 00"	104° 13' 04"					F-48-77-A
bản Bó Rôm	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 55' 45"	104° 17' 49"					F-48-77-B
bản Bó Sinh	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 54' 59"	104° 17' 51"					F-48-77-B
núi Chôm Cap	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	21° 00' 37"	104° 13' 57"					F-48-65-C
suối Cò Ho	TV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu			20° 56' 07"	104° 16' 21"	20° 57' 24"	104° 15' 50"	F-48-77-B
bản Co Mon	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 57' 34"	104° 14' 53"					F-48-77-A
bản Cồn Huốt 1	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 57' 42"	104° 17' 44"					F-48-77-B
bản Cồn Huốt 2	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 50"	104° 16' 59"					F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Con Khằm	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 05"	104° 15' 54"					F-48-77-B
dốc Cổng Trời	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 59' 58"	104° 14' 38"					F-48-77-A
suối Đan Đón	TV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu			20° 58' 43"	104° 17' 04"	20° 57' 57"	104° 18' 25"	F-48-77-B
bản Hang Căn	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 54' 29"	104° 18' 42"					F-48-77-B
bản Hang Mon 1	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 40"	104° 20' 22"					F-48-77-B
bản Huổi Sai	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 28"	104° 21' 06"					F-48-77-B
bản Keo Muông	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 12"	104° 17' 08"					F-48-77-B
bản Kim Chung 1	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 57' 25"	104° 18' 53"					F-48-77-B
bản Kim Chung 2	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 59"	104° 19' 10"					F-48-77-B
bản Kim Chung 3	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 57' 06"	104° 19' 37"					F-48-77-B
pu Lan Long	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 28"	104° 16' 47"					F-48-77-B
bản Lao Khô 1	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 54' 50"	104° 14' 47"					F-48-77-A
bản Na Nhươi	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 59' 07"	104° 14' 52"					F-48-77-A
bản Na Nù	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 56"	104° 16' 11"					F-48-77-B
suối Nặm Pàn	TV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu			20° 56' 05"	104° 14' 24"	20° 59' 43"	104° 13' 21"	F-48-77-A, F-48-77-B
bản Páo Của	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	21° 00' 11"	104° 15' 04"					F-48-65-D
núi Pha Bia	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 55' 56"	104° 23' 33"					F-48-77-B
bản Pha Bin	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 55' 52"	104° 19' 06"					F-48-77-B
suối Phà Tốc	TV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu			20° 56' 08"	104° 14' 13"	20° 57' 19"	104° 14' 15"	F-48-77-A
đồi Phòng Không	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 18"	104° 16' 03"					F-48-77-B
núi Pom Chi Pịa	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 59"	104° 14' 40"					F-48-77-A
núi Sang Đá	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 57' 41"	104° 13' 08"					F-48-77-A
núi Tà Ẻn	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 38"	104° 23' 06"					F-48-77-B
bản Tà Ẻn	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 53"	104° 16' 58"					F-48-77-B
bản Ten Luông	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 47"	104° 13' 42"					F-48-77-A
núi Thẳm Bớt	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 55' 31"	104° 18' 42"					F-48-77-B
bản Thanh Yên 1	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 59' 35"	104° 14' 57"					F-48-77-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thanh Yên 2	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 59' 17"	104° 15' 31"					F-48-77-A
núi Trước Lò Ngoi	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 55' 55"	104° 20' 11"					F-48-77-B
núi Tung Phun	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 40"	104° 15' 04"					F-48-77-B
núi Xua Lai	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 54' 04"	104° 26' 12"					F-48-77-B
quốc lộ 6	KX	xã Sập Vạt	H. Yên Châu			21° 03' 03"	104° 18' 41"	21° 02' 25"	104° 21' 10"	F-48-65-D
bản Bắt	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 57"	104° 18' 48"					F-48-65-D
bản Đông	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 37"	104° 18' 19"					F-48-65-D
bản Hin Nam	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 40"	104° 18' 33"					F-48-65-D
bản Khá	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 56"	104° 20' 48"					F-48-65-D
bản Khoóng	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 03' 13"	104° 18' 23"					F-48-65-D
cụm dân cư Lao	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 03' 19"	104° 20' 20"					F-48-65-D
núi Lôm Giên	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 05' 13"	104° 20' 06"					F-48-65-D
bản Mệt	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 57"	104° 20' 07"					F-48-65-D
bản Nà Khái	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 03' 05"	104° 18' 50"					F-48-65-D
bản Na Pa	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 05' 27"	104° 21' 06"					F-48-65-D
suối Na Pa	TV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu			21° 06' 36"	104° 18' 28"	21° 05' 23"	104° 21' 23"	F-48-65-D
bản Nghè	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 51"	104° 19' 15"					F-48-65-D
bản Nhúng	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 06' 37"	104° 19' 22"					F-48-65-D
bản Noóng Khéo	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 06' 43"	104° 18' 37"					F-48-65-D
bản Pá Pách	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 06' 16"	104° 20' 57"					F-48-65-D
bản Pá Sang	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 06' 20"	104° 20' 10"					F-48-65-D
núi Pá Se	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 06' 30"	104° 21' 32"					F-48-65-D
núi Pom Kháu Mỏ	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 03' 50"	104° 21' 19"					F-48-65-D
núi Pom Kháu Than	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 17"	104° 19' 26"					F-48-65-D
bản Sai	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 48"	104° 19' 46"					F-48-65-D
núi Sắn Soi	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 04' 23"	104° 19' 10"					F-48-65-D
suối Sặp	TV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu			21° 02' 29"	104° 21' 12"	21° 05' 27"	104° 22' 46"	F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Thẳm Sứa	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 05' 53"	104° 22' 15"					F-48-65-D
bản Thín	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 43"	104° 20' 31"					F-48-65-D
huổi Thương	TV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu			21° 03' 46"	104° 22' 11"	21° 04' 20"	104° 21' 09"	F-48-65-D
núi Trưởng Pháng	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 03"	104° 20' 50"					F-48-65-D
suối Vạt	TV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu			21° 02' 26"	104° 18' 03"	21° 03' 09"	104° 20' 24"	F-48-65-D
cầu sắt Yên Châu	KX	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 53"	104° 19' 05"					F-48-65-D
quốc lộ 6	KX	xã Tú Nang	H. Yên Châu			21° 00' 05"	104° 24' 01"	20° 55' 06"	104° 28' 53"	F-48-65-D, F-48-77-B
suối Bưn	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 59' 01"	104° 25' 12"	20° 58' 55"	104° 24' 35"	F-48-77-B
bản Chiềng Ban 1	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 40"	104° 26' 10"					F-48-77-B
bản Chiềng Ban 2	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 27"	104° 26' 13"					F-48-77-B
bản Cố Nông	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 57' 24"	104° 24' 35"					F-48-77-B
bản Cốc Củ	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 59"	104° 23' 08"					F-48-77-B
cụm dân cư Cốc Đứa	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 59' 00"	104° 24' 32"					F-48-77-B
bản Cốc Lắc	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 58"	104° 26' 47"					F-48-77-B
núi Dóng Tinh	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 39"	104° 28' 05"					F-48-77-B
núi Đán Chấp	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 30"	104° 25' 56"					F-48-77-B
bản Đông Khùa	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 57' 56"	104° 25' 31"					F-48-77-B
núi Hai Cây Thông	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 54' 45"	104° 27' 52"					F-48-77-B
bản Hua Đán	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 55' 16"	104° 27' 26"					F-48-77-B
núi Khóc Tuy	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 55' 54"	104° 29' 24"					F-48-77-B
bản Lắc Kén	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	21° 00' 06"	104° 24' 05"					F-48-65-D
suối Lắc Kén	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			21° 00' 21"	104° 25' 50"	21° 00' 05"	104° 24' 00"	F-48-65-D
bản Nà Khoang	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 56"	104° 25' 43"					F-48-77-B
cụm dân cư Nà Nghịu	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 27"	104° 26' 00"					F-48-77-B
núi On Úc	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 08"	104° 26' 53"					F-48-77-B
núi Pá Puốc	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 22"	104° 24' 35"					F-48-77-B
núi Pá Quan	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 57' 57"	104° 28' 21"					F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Pánh	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 58' 09"	104° 26' 20"	20° 57' 07"	104° 26' 25"	F-48-77-B
huổi Pha	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 59' 06"	104° 23' 17"	20° 59' 39"	104° 24' 09"	F-48-77-B
suối Pha	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 58' 35"	104° 23' 31"	20° 59' 01"	104° 24' 26"	F-48-77-B
suối Sập	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 55' 02"	104° 28' 50"	21° 00' 05"	104° 23' 59"	F-48-77-B, F-48-65-D
suối So Lung	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 57' 50"	104° 24' 09"	20° 57' 28"	104° 24' 41"	F-48-77-B
bản Suối Bưn	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 48"	104° 24' 16"					F-48-77-B
cầu Tà Làng	KX	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 12"	104° 27' 53"					F-48-77-B
bản Tà Làng Cao	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 55' 46"	104° 28' 46"					F-48-77-B
bản Tà Làng Thấp	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 15"	104° 27' 55"					F-48-77-B
núi Tiên Pan	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 53' 14"	104° 27' 34"					F-48-77-B
bản Tin Tốc	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 57' 10"	104° 24' 56"					F-48-77-B
huổi To Buông	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 56' 38"	104° 24' 06"	20° 57' 49"	104° 25' 26"	F-48-77-B
bản Trung Tâm	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 57' 32"	104° 25' 58"					F-48-77-B
núi Buộc Mú	SV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 01' 17"	104° 16' 05"					F-48-65-D
lóng Co Sản	TV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu			21° 01' 52"	104° 16' 59"	21° 02' 08"	104° 17' 35"	F-48-65-D
pom Đán Lắng	SV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 04' 25"	104° 18' 08"					F-48-65-D
huổi Hé	TV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu			21° 03' 44"	104° 17' 30"	21° 03' 00"	104° 18' 10"	F-48-65-D
bản Huổi Hẹ	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 03' 29"	104° 17' 58"					F-48-65-D
bản Huổi Qua	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 02' 12"	104° 17' 43"					F-48-65-D
bản Kho Vàng	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 02' 34"	104° 17' 39"					F-48-65-D
phu Khù	SV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 05' 28"	104° 18' 41"					F-48-65-D
bản Khúm Hiền	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 01' 25"	104° 17' 12"					F-48-65-D
bản Mường Vạt	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 02' 54"	104° 17' 17"					F-48-65-D
bản Na Cóc	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 02' 45"	104° 17' 04"					F-48-65-D
bản Nà Và	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 03' 14"	104° 17' 13"					F-48-65-D
phu Nhúng Ngòa	SV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 05' 47"	104° 18' 57"					F-48-65-D
huổi Va	TV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu			21° 04' 14"	104° 17' 03"	21° 03' 25"	104° 17' 06"	F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Xốp Hẹ	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 03' 04"	104° 18' 22"					F-48-65-D
đường tỉnh 103	KX	xã Yên Sơn	H. Yên Châu			21° 03' 14"	104° 11' 43"	21° 00' 43"	104° 14' 01"	F-48-65-C
đường tỉnh 104	KX	xã Yên Sơn	H. Yên Châu			21° 04' 05"	104° 11' 45"	21° 00' 12"	104° 11' 45"	F-48-65-C
bản Bó Phương	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 03' 36"	104° 12' 35"					F-48-65-C
bản Chiềng Hưng	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 03' 39"	104° 11' 42"					F-48-65-C
bản Chiềng Yên	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 02' 53"	104° 11' 11"					F-48-65-C
bản Chờ Lồng	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 03' 02"	104° 11' 50"					F-48-65-C
bản Cò Chịa	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 00' 27"	104° 13' 36"					F-48-65-C
núi Co Noi	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 00' 38"	104° 10' 12"					F-48-65-C
núi Cuông Loi	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 00' 52"	104° 13' 43"					F-48-65-C
bản Đán	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 01' 08"	104° 11' 02"					F-48-65-C
suối Keo Đôn	TV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu			20° 59' 43"	104° 11' 54"	21° 00' 02"	104° 12' 36"	F-48-77-A F-48-65-C
bản Kim Sơn 1	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	20° 59' 55"	104° 12' 10"					F-48-77-A
bản Kim Sơn 2	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 00' 37"	104° 11' 34"					F-48-65-C
suối Nậm Pàn	TV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu			20° 59' 58"	104° 13' 14"	21° 03' 53"	104° 11' 05"	F-48-77-A F-48-65-C
phu Phu San Liêm	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 01' 57"	104° 13' 20"					F-48-65-C
núi Siêng	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 02' 14"	104° 13' 03"					F-48-65-C
núi Tam Noi	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 02' 32"	104° 10' 10"					F-48-65-C
núi Tôm Tám	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 02' 54"	104° 11' 25"					F-48-65-C

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng